

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ KỸ THƯƠNG

**ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LINH HOẠT
TECHCOM (“TCFF”)**

THÁNG 6/2018



MỤC LỤC

CƠ SỞ PHÁP LÝ	3
CÁC ĐỊNH NGHĨA VÀ NGUYÊN TẮC GIẢI THÍCH	4
CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	8
1. Tên và địa chỉ đăng ký của Quỹ.....	8
2. Thời hạn của Quỹ.....	8
3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ.....	8
4. Tổng vốn huy động và số lượng Đơn Vị Quỹ được chào bán.....	8
5. Đại diện theo Pháp Luật của Quỹ.....	8
6. Công ty Quản Lý Quỹ.....	8
7. Ngân Hàng Giám Sát:	9
CHƯƠNG II: CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ	10
8. Mục tiêu đầu tư	10
9. Chiến lược và lĩnh vực đầu tư	10
10. Hạn mức đầu tư	11
11. Hoạt động vay, cho vay và giao dịch ký Quỹ	12
12. Phương pháp lựa chọn đầu tư.....	13
CHƯƠNG III: NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ	14
13. Nhà Đầu Tư	14
14. Quyền và nghĩa vụ của Nhà Đầu Tư	14
15. Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư	14
16. Giao dịch Chứng Chỉ Quỹ	15
17. Thực hiện một phần Lệnh Được Chấp Nhận, tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ	16
18. Giá dịch vụ, giá phát hành và giá mua lại Đơn Vị Quỹ	17
19. Thùa kế Chứng Chỉ Quỹ	19
CHƯƠNG IV: ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ	20
20. Đại Hội Nhà Đầu Tư	20
21. Quyền và nhiệm vụ của Đại Hội Nhà Đầu Tư	20
22. Điều kiện, thể thức tiến hành họp và quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư	21
23. Phản đối Quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư	22
CHƯƠNG V: BAN ĐẠI DIỆN QUỸ	24
24. Ban Đại diện Quỹ	24
25. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại diện Quỹ	24
26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban Đại diện Quỹ	24
27. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ.....	25
28. Định chỉ hoặc bãi miễn thành viên Ban Đại Diện Quỹ	26
29. Cuộc họp của Ban Đại Diện Quỹ	26
CHƯƠNG VI: CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	28
30. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty Quản Lý Quỹ	28
31. Quyền và nghĩa vụ của Công ty Quản Lý Quỹ	28
32. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty Quản Lý Quỹ	31
33. Hạn chế hoạt động của Công ty Quản Lý Quỹ	32
CHƯƠNG VII: NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	35
34. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân Hàng Giám Sát	35

35. Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát	35
36. Hoạt động giám sát của Ngân Hàng Giám Sát	36
37. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát.....	39
CHƯƠNG VIII: CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN.....	40
38. Các hoạt động được ủy quyền	40
39. Tiêu chí lựa chọn Tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan.....	40
40. Trách nhiệm của Tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan	40
41. Trách nhiệm của Công ty Quản Lý Quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền	42
42. Chấm dứt hoạt động ủy quyền.....	43
CHƯƠNG IX: ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI.....	44
43. Tiêu chuẩn lựa chọn Đại Lý Phân Phối Chứng Chỉ Quỹ	44
44. Hoạt động của Đại Lý Phân Phối.....	44
45. Hoạt động của đại lý ký danh.....	45
46. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối Chứng Chỉ Quỹ	46
CHƯƠNG X: KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHÉ ĐỘ BÁO CÁO.....	48
47. Công ty Kiểm toán	48
48. Năm Tài chính	48
49. Chế độ kế toán	48
50. Báo cáo tài chính	48
51. Báo cáo khác	49
CHƯƠNG XI: GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ.....	50
52. Xác định Giá trị Tài sản Ròng (“NAV”)	50
53. Phương pháp, quy trình xác định Giá trị Tài sản Ròng (“NAV”) của Quỹ	50
54. Quy trình định giá tài sản Quỹ	50
55. Đền bù thiệt hại cho Nhà Đầu Tư và Quỹ	51
56. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá.....	52
CHƯƠNG XII: LỢI NHUẬN VÀ CHI PHÍ/GIÁ DỊCH VỤ CỦA QUỸ.....	53
57. Phân phối lợi nhuận	53
58. Giá dịch vụ và Chi phí hoạt động của Quỹ	54
CHƯƠNG XIII: CÁC QUY ĐỊNH KHÁC	57
59. Các điều kiện hợp nhất, sáp nhập và chia tách Quỹ	57
60. Các điều kiện thanh lý và giải thể Quỹ.....	57
61. Kiểm soát xung đột lợi ích	57
62. Thông báo và Công bố thông tin.....	57
63. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ.....	58
64. Hiệu lực của Điều lệ	59
PHỤ LỤC 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ.....	60
PHỤ LỤC 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	62
PHỤ LỤC 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	63
PHỤ LỤC 4: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN	64

CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi và bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;
- Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Nghị định số 108/2013/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán ngày 23 tháng 9 năm 2013;
- Thông tư số 183/TT-BTC của Bộ Tài chính về Hướng dẫn việc thành lập và quản lý quỹ mở ngày 16 tháng 12 năm 2011;
- Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/TT-BTC của Bộ Tài chính về Hướng dẫn việc thành lập và quản lý quỹ mở ngày 16 tháng 12 năm 2011;
- Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính về Hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho Công ty Quản Lý Quỹ ngày 5 tháng 9 năm 2011;
- Thông tư 212/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính về Hướng dẫn thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản Lý Quỹ ngày 05 tháng 12 năm 2012;
- Thông tư 123/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam ngày 18 tháng 8 năm 2015;
- Thông tư 198/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính về Chế độ kế toán áp dụng cho Quỹ mở ngày 15 tháng 11 năm 2012;
- Thông tư 155/2015/TT-BTC của Bộ Tài Chính về Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ngày 6 tháng 10 năm 2015;
- Các văn bản pháp lý liên quan khác.

CÁC ĐỊNH NGHĨA VÀ NGUYÊN TẮC GIẢI THÍCH

Khi được sử dụng tại Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ có nghĩa như sau:

“Quỹ”	có nghĩa là QUÝ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LINH HOẠT TECHCOM, một loại hình Quỹ mở do Công ty Quản Lý Quỹ quản lý chào bán Chứng Chỉ Quỹ ra công chúng và được thành lập theo các quy định hiện hành về chứng khoán tại Việt Nam và Điều lệ này.
“Công ty Quản Lý Quỹ”	có nghĩa là Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Kỹ thương, được thành lập theo giấy phép số 40/UBCK-GP do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 21/10/2008 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 07/GPĐC-UBCK do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 26/03/2013, đáp ứng các tiêu chuẩn như nêu tại Điều 30 và có các quyền và nghĩa vụ như quy định tại Điều 31 của Điều lệ này.
“Ngân Hàng Giám Sát”	Là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành, là Ngân hàng thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 cấp lần đầu ngày 12/9/2003 thay đổi lần 10 ngày 20/05/2015 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 510/QĐ-ĐKHLK ngày 01/08/2006 do UBCKNN cấp, thực hiện các nghiệp vụ bảo quản, lưu ký các chứng khoán, các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ, đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát được quy định tại Chương VII của Điều lệ.
“Công Ty Kiểm Toán”	là công ty kiểm toán độc lập cho quỹ được Đại Hội Nhà Đầu Tư chỉ định, thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của QUÝ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LINH HOẠT TECHCOM.
“Điều lệ”	có nghĩa là văn bản này, các phụ lục đính kèm ở đây và các sửa đổi hợp pháp (nếu có) được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua vào từng thời điểm và áp dụng cho Quỹ.
“Bản Cáo Bạch”	có nghĩa là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai thông tin chính xác, trung thực và khách quan liên quan đến việc chào bán Chứng Chỉ Quỹ của Quỹ ra công chúng.
“Hợp Đồng Giám Sát”	có nghĩa là hợp đồng được ký kết giữa Công ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát được thông qua bởi Đại Hội Nhà Đầu Tư.
“Nhà Đầu Tư”	là cá nhân, tổ chức trong nước và ngoài nước nắm giữ Chứng Chỉ Quỹ và được đăng ký tên trong Sổ Đăng Ký
“Đại Hội Nhà Đầu Tư”	Là đại hội của Nhà Đầu Tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ. Đại Hội Nhà Đầu Tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ.

"Ban Đại Diện Quỹ"	có nghĩa là những người đại diện cho Nhà Đầu Tư được Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu ra để thay mặt Nhà Đầu Tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ, Công ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.
"Chủ Tịch"	có nghĩa là Chủ Tịch của Ban Đại Diện Quỹ.
"Vốn Điều lệ"	là tổng số vốn bằng tiền do các Nhà Đầu Tư thực góp trong đợt phát hành Chứng Chi Quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi trong điều lệ này.
"Đơn Vị Quỹ"	là vốn Điều Lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau nhau khi kết thúc mỗi đợt phát hành ra công chúng. Mệnh giá đơn vị quỹ của đợt phát hành lần đầu là 10.000 đồng/ đơn vị. Mỗi đơn vị quỹ đại diện cho phần lợi nhuận và vốn như nhau của Quỹ và có một quyền biểu quyết.
"Chứng Chỉ Quỹ"	Là chứng khoán do Công ty Quản Lý Quỹ đại diện cho Quỹ phát hành dưới dạng ghi sổ hoặc bút toán, đã được thanh toán đầy đủ và xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà Đầu Tư đối với tài sản hay vốn của Quỹ theo tỷ lệ tương ứng với số đơn vị Quỹ của Nhà Đầu Tư đó đang sở hữu.
"Giá bán/ Giá dịch vụ phát hành"	Là mức giá Nhà Đầu Tư phải thanh toán để mua một đơn vị quỹ. Giá bán/Giá phát hành bằng mệnh giá (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng) hoặc bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cộng thêm giá dịch vụ phát hành đã quy định tại Điều lệ Quỹ/ Bản Cáo Bạch.
"Giá dịch vụ mua lại"	Là mức giá mà Công ty Quản Lý Quỹ phải thanh toán để mua lại từ Nhà Đầu Tư một đơn vị quỹ. /Giá mua lại bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trừ đi giá dịch vụ mua lại chứng chỉ quỹ đã quy định tại Điều lệ Quỹ.
"Giá dịch vụ quản lý quỹ"	Là giá dịch vụ phải trả cho Công ty Quản Lý Quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đã được quy định tại Điều lệ Quỹ.
"Cỗ Túc Quỹ"	Là số lợi nhuận còn lại của Quỹ sau khi trừ đi các chi phí/giá dịch vụ hợp lệ và được Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của Nhà Đầu Tư
"Đại Lý Chuyển Nhượng"	có nghĩa là Công ty Quản Lý Quỹ hoặc nhà cung cấp dịch vụ được Công ty Quản Lý Quỹ ủy quyền để cung cấp một hoặc một số dịch vụ sau:
	<ul style="list-style-type: none"> - Lập và quản lý sổ chính; mở, theo dõi và quản lý hệ thống các tài khoản của Nhà Đầu Tư, tài khoản ký danh; xác nhận quyền sở hữu Chứng Chi Quỹ mở; - Ghi nhận các Lệnh Mua, Lệnh Bán, Lệnh Chuyển Đổi của Nhà Đầu Tư; chuyển quyền sở hữu Chứng Chi Quỹ; cập nhật sổ chính;

- Hỗ trợ Nhà Đầu Tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu Chứng Chi Quỹ của Nhà Đầu Tư;

- Tổ chức các cuộc họp ban đại diện quỹ, Đại Hội Nhà Đầu Tư của quỹ; duy trì kênh liên lạc với Nhà Đầu Tư, đại lý phân phối, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác;

- Cung cấp cho Nhà Đầu Tư sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch, báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động quỹ, bản cáo bạch, bản báo cáo bạch tóm tắt, sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch và các tài liệu khác

**“Đại Lý
Phân Phối”**

là tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng lưu ký, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm, tổ chức kinh tế khác đã đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ mở và được Công ty Quản Lý Quỹ lựa chọn làm đại lý phân phối.

**“Điểm Nhận
Lệnh”**

là trụ sở chính của Đại Lý Phân Phối hoặc chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của Đại Lý Phân Phối được ủy quyền để nhận lệnh từ các Nhà Đầu Tư. Thông tin chi tiết về Điểm Nhận Lệnh được quy định cụ thể tại Bản Cáo Bạch của Quỹ.

“Đồng Việt Nam”

có nghĩa đồng tiền pháp định của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

“NAV”

là Giá Trị Tài Sản Ròng, được xác định bằng tổng giá trị thị trường các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ được tính đến ngày gần nhất trước Ngày Định Giá.

“HNX”

là Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

“HSX”

là Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

“Lệnh Bán”

Là lệnh bán của Nhà Đầu Tư được chấp nhận để thực hiện sau khi số lượng Đơn Vị Quỹ đặt bán được xác nhận là được sở hữu bởi Nhà Đầu Tư đó.

**“Lệnh Chuyển
Đổi Quỹ”**

Là lệnh chuyển đổi Quỹ của Nhà Đầu Tư được chấp nhận để thực hiện sau khi số lượng Đơn Vị Quỹ đăng ký bán thỏa mãn điều kiện của một Lệnh Được Chấp Nhận.

“Lệnh Mua”

Là lệnh mua của Nhà Đầu Tư được chấp nhận để thực hiện sau khi hồ sơ đăng ký mua đã được chấp nhận và tiền mua được xác nhận đã nhận được.

**“Lệnh Chuyển
Nhượng”**

Là lệnh của Nhà Đầu Tư chuyển nhượng quyền sở hữu một số lượng xác định Đơn Vị Quỹ cho người khác dưới dạng quà tặng, thừa kế hoặc thực hiện lệnh của tòa án.

**“Lệnh Được Chấp
Nhận”**

Là từng Lệnh Bán hoặc Lệnh Mua hoặc Lệnh Chuyển Đổi Quỹ hoặc Lệnh Chuyển Nhượng hoặc là một nhóm lệnh bao gồm các Lệnh Bán, Lệnh Mua

hoặc Lệnh Chuyên Đổi Quỹ và Lệnh Chuyển Nhượng nhận được trước Thời Điểm Đóng Sô Lệnh.

“Năm Tài Chính”	có nghĩa như định nghĩa tại Điều 48 của Điều lệ này.
“Ngày Định Giá”	Là ngày mà Công ty Quản Lý Quỹ xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định tại Luật chứng khoán và Điều lệ Quỹ. Ngày định giá là: Ngày giao dịch (để phục vụ cho việc tính giá phát hành và giá mua lại); và - Ngày đầu tiên của tháng tiếp theo đối với việc định giá để làm báo cáo tháng, quý, năm theo luật định.
“Ngày Giao Dịch”	là ngày định giá mà công ty quản lý quỹ, thay mặt quỹ, phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ mờ.
“Ngày Làm Việc”	là ngày thị trường chứng khoán mờ cửa giao dịch tại Việt Nam.
“Nghị Quyết Đặc Biệt”	có nghĩa là nghị quyết được Nhà Đầu Tư tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua theo quy định tại Khoản 22.6 của Điều lệ này.
“Nghị Quyết Thông Thường”	có nghĩa là một nghị quyết được Nhà Đầu Tư tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua theo quy định tại Khoản 22.6 của Điều lệ này.
“Pháp Luật”	có nghĩa là Pháp Luật của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
“Sô Đăng Ký”	có nghĩa là Sô Đăng Ký Nhà Đầu Tư chính là tài liệu dưới dạng văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai ghi nhận các thông tin về Nhà Đầu Tư sở hữu chứng chỉ quỹ.
“Thời Điểm Đóng Sô Lệnh”	có nghĩa là thời điểm cuối cùng mà Đại Lý Phân Phối có thể nhận lệnh giao dịch Đơn Vị Quỹ để thực hiện vào Ngày Giao Dịch và được xác định cụ thể tại Bản Cáo Bạch của Quỹ.
“UBCKNN”	có nghĩa là Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam.
Các định nghĩa khác	Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được giải thích theo quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản khác có liên quan với những sửa đổi phù hợp theo ngữ cảnh của Điều lệ này.

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

1. Tên và địa chỉ đăng ký của Quỹ

- 1.1. Tên tiếng Việt: QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LINH HOẠT TECHCOM
1.2. Tên tiếng Anh: Techcom Flexi Bond Fund
1.3. Tên viết tắt : TCFF
1.4. Địa chỉ: Tầng 10, Techcombank Tower, 191 Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
1.5. Điện thoại: (+84) 4 39446368 Fax: (+84) 4 39446583
1.6. Website:

2. Thời hạn của Quỹ

Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động. Việc thay đổi về thời hạn hoạt động của Quỹ sẽ được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội Nhà Đầu Tư.

Quỹ chính thức bắt đầu hoạt động sau khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ. Thời hạn hoạt động của Quỹ sẽ kết thúc ngay sau khi Quỹ bị giải thể theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc theo quyết định của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ

Quỹ được tổ chức dưới hình thức Quỹ mở theo quy định của Pháp Luật.

4. Tổng vốn huy động và số lượng Đơn Vị Quỹ được chào bán

- 4.2. Vốn Điều lệ dự kiến huy động trong lần đầu chào bán ra công chúng của Quỹ là 50.000.000.000 VNĐ (Năm mươi tỷ đồng). Vốn Điều lệ sẽ được chia thành 5.000.000 (Năm triệu) Đơn Vị Quỹ. Mệnh giá của một Đơn Vị Quỹ sẽ là 10.000 VNĐ (mười nghìn Đồng Việt Nam).

- 4.1. Bất cứ thay đổi nào về giá trị vốn góp tối đa hoặc số lượng Đơn Vị Quỹ tối đa được phát hành sẽ do Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định và được báo cáo lên UBCKNN.

5. Đại diện theo Pháp Luật của Quỹ

Đại diện theo Pháp Luật của Công ty Quản Lý Quỹ được chỉ định là đại diện huy động vốn và chào bán Chứng Chỉ Quỹ ra công chúng.

6. Công ty Quản Lý Quỹ

6.1. Tên Công ty Quản Lý Quỹ

- | | |
|----------------|------------------------------------|
| Tên Tiếng Việt | Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Kỹ thương |
| Tên Tiếng Anh | TECHCOM CAPITAL COMPANY LIMITED |
| Tên viết tắt | TECHCOM CAPITAL |

- 6.2. Giấy phép thành lập Số 40/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 21/10/2008
6.3. Địa chỉ đăng ký Tầng 10, số 191 phố Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
6.4. Điện thoại: 84-4-39446368 Fax: 84-4-39446583

7. Ngân Hàng Giám Sát:

- 7.1. Tên Ngân Hàng Giám Sát: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành
7.2. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 cấp lần đầu ngày 12/9/2003 thay đổi lần 10 ngày 20/05/2015 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.
7.3. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký: 510/QĐ-ĐKHDLK ngày 01/08/2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp .
7.4. Địa chỉ đăng ký: 74 Thụy Nhuộm, Hoàn Kiếm, Hà Nội .
7.5. Điện thoại: +84.243.9411840 Fax: +84.243.9411847
7.6. Website: <http://www.bidv.com.vn>

CHƯƠNG II: **CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ**

8. Mục tiêu đầu tư

Với mục tiêu là bảo toàn vốn, tạo lợi nhuận ngắn hạn cạnh tranh hơn so với các khoản tiền gửi không kỳ hạn, đồng thời tăng tính thanh khoản khi nắm giữ Chứng chỉ Quỹ cho nhà đầu tư, Quỹ sẽ đầu tư chủ yếu vào tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi của các tổ chức tín dụng, tín phiếu, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, giấy tờ có giá khác có chất lượng tín dụng tốt và tính thanh khoản cao.

Trong nhiều trường hợp khác biệt, việc xem xét đầu tư sẽ do Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc Ban Đại Diện Quỹ xem xét quyết định phù hợp với thẩm quyền tại Điều lệ này.

9. Chiến lược và lĩnh vực đầu tư

Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản theo chiến lược đầu tư phòng thủ hoặc tăng trưởng tùy thuộc vào cơ hội đầu tư sẵn có tại các thời điểm khác nhau. Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi đáng kể tùy thuộc vào nhận định của Công ty Quản Lý Quỹ, với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi ích của Nhà Đầu Tư.

- 9.1. Việc phân bổ tài sản trên tùy thuộc vào các cơ hội đầu tư sẵn có và đánh giá của đội ngũ đầu tư về rủi ro và lợi nhuận mang lại của các cơ hội đầu tư này đối với các loại tài sản.
Chiến lược đầu tư tạm thời: Khi các điều kiện của thị trường hoặc của nền kinh tế được xem là bất lợi cho các Nhà Đầu Tư, Công ty Quản Lý Quỹ có thể đầu tư lên tới 100% (một trăm phần trăm) tài sản của Quỹ một cách thận trọng tạm thời, bằng việc nắm giữ toàn bộ hoặc phần lớn tài sản của Quỹ vào tiền gửi có kỳ hạn và các tài sản tương đương tiền, hoặc các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các tài sản có thu nhập cố định ít rủi ro.
- 9.2. Quỹ chủ yếu sẽ đầu tư vào các công cụ thị trường tiền tệ, trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu có bảo lãnh của Chính phủ. Trái phiếu doanh nghiệp được niêm yết và chuẩn bị niêm yết trong vòng 12 tháng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành sẽ được đầu tư thận trọng trên cơ sở đánh giá lợi nhuận và rủi ro khi đầu tư.
- 9.3. Ngoài ra, Quỹ sẽ đầu tư vào một danh mục đầu tư đa dạng, chủ yếu gồm cổ phiếu niêm yết có giá trị vốn hóa thị trường lớn và có thanh khoản tốt trên HSX và HNX. Cổ phiếu được xem là có vốn hóa thị trường lớn là những cổ phiếu có vốn hóa thị trường lớn hơn vốn hóa thị trường của cổ phiếu có vốn hóa lớn thứ 100 được niêm yết trên HSX.
- 9.4. Quỹ áp dụng phương thức đầu tư đi từ trên xuống “Top-Down Approach”, trong đó việc đầu tư và phân bổ tài sản đầu tư sẽ dựa trên những đánh giá tổng thể về xu thế của kinh tế vĩ mô, chính sách của nhà nước, ngành hưởng lợi cũng như tiềm năng sinh lời, tính thanh toán và tính thanh khoản của tài sản. Quỹ cũng sử dụng phương pháp tiếp cận đầu tư đi từ dưới lên “Bottom Up Approach” trong việc lựa chọn từng tài sản cụ thể

thông qua việc đánh giá đơn vị phát hành và các diễn biến riêng lẻ của các tài sản này trước tác động của khuynh hướng thị trường.

10. **Hạn mức đầu tư**

10.1. Các loại tài sản mà Quỹ được đầu tư bao gồm

- a) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;
- b) Ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;
- c) Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam;
- e) Cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành
- f) Chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở giao dịch chứng khoán, và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro
- g) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.

10.2. Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng được các điều kiện của Pháp Luật. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc sau:

- a) Quỹ sẽ đầu tư vào các tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ tám mươi phần trăm (80%) giá trị tài sản ròng trở lên;
- b) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, e và f Khoản 10.1 Điều này, phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau, trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh là giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại phụ lục 4 Điều lệ Quỹ;
- c) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả các loại giấy tờ có giá, Công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (trừ trái phiếu chính phủ), cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi;
- d) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ trái phiếu chính phủ;
- e) Không được đầu tư quá mươi phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm e Khoản 10.1 Điều này;
- f) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;

- g) Không được đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;
 - h) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
 - i) Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, công cụ tiền tệ quy định tại điểm a và b Khoản 10.1 được phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản.
- 10.3. Cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch so với các hạn chế được đưa ra tại Khoản 10.2 ngoại trừ điểm f, g, và h, nhưng chỉ vì các lý do sau:
- a) Biến động giá trên thị trường của các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
 - b) Thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của Quỹ;
 - c) Thực hiện các lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư;
 - d) Các hoạt động sáp nhập, hợp nhất của các tổ chức phát hành các chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;
 - e) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách Quỹ, hợp nhất Quỹ, sát nhập Quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ;
 - f) Quỹ đang trong thời gian giải thể.
- 10.4. Trong trường hợp xảy ra sai lệch so với các hạn mức đầu tư, Công ty Quản Lý Quỹ sẽ điều chỉnh danh mục đầu tư để đáp ứng các hạn mức đầu tư như được quy định tại Khoản 10.2 của Điều này trong vòng 3 (ba) tháng kể từ ngày mà sai lệch phát sinh.
- 10.5. Trường hợp sai lệch là do Công ty Quản Lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của Pháp Luật hoặc Điều lệ Quỹ, Công ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày phát sinh sai lệch. Trong trường hợp này, Công ty Quản Lý Quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có phát sinh). Nếu phát sinh lợi nhuận, thì phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.
- 11. Hoạt động vay, cho vay và giao dịch ký Quỹ**
- 11.1. Công ty Quản Lý Quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào, trừ trường hợp đầu tư tiền gửi theo quy định tại điểm a, Khoản 10.1.
- 11.2. Công ty Quản Lý Quỹ không được phép vay để đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn để trang trải các chi phí cần thiết cho quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch chứng chỉ quỹ với Nhà Đầu Tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ, không bao gồm các khoản tạm ứng, các khoản phải trả không được quá năm phần trăm (5%) giá trị tài sản ròng của quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày.
- 11.3. Công ty Quản Lý Quỹ không được sử dụng tài sản của quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác; không được sử dụng tài sản của quỹ thực hiện các giao dịch bán không, cho vay chứng khoán.

11.4. Quỹ được thực hiện giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý giao dịch trái phiếu Chính phủ.

12. Phương pháp lựa chọn đầu tư

Quỹ chủ yếu sẽ đầu tư vào các công cụ thị trường tiền tệ, trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu có bảo lãnh của Chính phủ. Trái phiếu doanh nghiệp được niêm yết và chuẩn bị niêm yết trong vòng 12 tháng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành sẽ được đầu tư thận trọng trên cơ sở đánh giá lợi nhuận và rủi ro khi đầu tư.

Quỹ áp dụng phương thức đầu tư đi từ trên xuống “Top-Down Approach”, trong đó việc đầu tư và phân bổ tài sản đầu tư sẽ dựa trên những đánh giá tổng thể về xu thế của kinh tế vĩ mô, chính sách của nhà nước, ngành hướng lợi cũng như tiềm năng sinh lời, tính thanh toán và tính thanh khoản của tài sản. Quỹ cũng sử dụng phương pháp tiếp cận đầu tư đi từ dưới lên “Bottom Up Approach” trong việc lựa chọn từng tài sản cụ thể thông qua việc đánh giá đơn vị phát hành và các diễn biến riêng lẻ của các tài sản này trước tác động của khuynh hướng thị trường.

CHƯƠNG III: **NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUÝ**

13. Nhà Đầu Tư

- 13.1 Nhà Đầu Tư của Quỹ có thể là các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước. Nhà Đầu Tư sẽ không phải chịu trách nhiệm hoặc có bất kỳ nghĩa vụ nào khác đối với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Đơn Vị Quỹ mà họ nắm giữ.
- 13.2 Nhà Đầu Tư là tổ chức bao gồm các tổ chức kinh tế và xã hội được Pháp Luật công nhận hoặc được thành lập một cách hợp pháp theo Pháp Luật nước ngoài và được cho phép đầu tư vào 1 Quỹ. Nhà Đầu Tư là tổ chức sẽ cử người đại diện hợp pháp để đại diện cho số Đơn Vị Quỹ mà tổ chức đó đang nắm giữ. Bất kỳ sự bổ nhiệm, bãi nhiệm hoặc thay thế đại diện này sẽ phải được thông báo cho Quỹ bằng văn bản và được ký bởi người đại diện theo Pháp Luật của tổ chức đó.
- 13.3 Công ty Quản Lý Quỹ, người có liên quan của Công ty Quản Lý Quỹ, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, nhân viên của Công ty Quản Lý Quỹ và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, nhân viên của Công ty Quản Lý Quỹ được phép giao dịch Chứng Chỉ Quỹ theo phương thức được quy định tại Điều 33.3 của Điều lệ này và công bố trong Bản Cáo Bạch của Quỹ.

14. Quyền và nghĩa vụ của Nhà Đầu Tư

- 14.1. Nhà Đầu Tư có các quyền sau đây:
- a) Hướng lợi từ hoạt động đầu tư của Quỹ tương ứng với số lượng đơn vị quỹ nắm giữ;
 - b) Hướng các lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản quỹ;
 - c) Yêu cầu Công ty Quản Lý Quỹ thay mặt Quỹ mua lại hoặc chuyển đổi Chứng Chỉ Quỹ;
 - d) Thực hiện quyền của mình thông qua Đại Hội Nhà Đầu Tư;
 - e) Chuyển nhượng Chứng Chỉ Quỹ phù hợp với quy định tại Điều lệ này và Pháp Luật;
 - f) Các quyền khác theo quy định của Pháp Luật và Điều lệ này.
- 14.2. Nhà Đầu Tư có nghĩa vụ như sau:
- a) Thanh toán đủ tiền mua chứng chỉ quỹ và chịu trách nhiệm với tư cách là người sở hữu Quỹ đối với các tồn thắt hoặc nợ của Quỹ, nếu có, được giới hạn trong và không vượt quá số Đơn Vị Quỹ mà họ nắm giữ;
 - b) Tuân thủ các quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư;
 - c) Các nghĩa vụ khác theo quy định Pháp Luật và Điều lệ này.

15. Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư

- 15.1. Công ty Quản Lý Quỹ sẽ lập hoặc ủy quyền cho nhà cung cấp dịch vụ có liên quan lập Sổ Chính và đại lý ký danh, nếu có, lập và quản lý Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư phụ ("Sổ Phụ") để chứng nhận quyền sở hữu của Nhà Đầu Tư đối với Chứng Chỉ Quỹ.

- 15.2. Sổ chính, Sổ Phụ phải có các thông tin sau:
- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty Quản Lý Quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân Hàng Giám Sát và Ngân hàng lưu ký (nếu có); tên đầy đủ của Quỹ;
 - b) Thông tin về Nhà Đầu Tư, bao gồm:
 - Đối với Nhà Đầu Tư là cá nhân: Họ và tên của Nhà Đầu Tư; số giấy chứng minh nhân dân hoặc sổ hộ chiếu còn hiệu lực; Địa chỉ liên lạc, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email (nếu có);
 - Đối với Nhà Đầu Tư là tổ chức: tên đầy đủ, tên viết tắt, tên giao dịch, địa chỉ trụ sở chính, số giấy phép thành lập và hoạt động/giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; họ và tên, số giấy chứng minh nhân dân hoặc sổ hộ chiếu còn hiệu lực, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email của cá nhân được tổ chức ủy quyền giao dịch Chứng Chỉ Quỹ của tổ chức đó;
 - c) Số tài khoản hoặc số tài khoản ký danh và số tiêu khoản của từng Nhà Đầu Tư và mã số đăng ký giao dịch chứng khoán trong trường hợp Nhà Đầu Tư là Nhà Đầu Tư nước ngoài;
 - d) Số lượng Đơn Vị Quỹ mà Nhà Đầu Tư nắm giữ, ngày đăng ký sở hữu vào Sổ Chính.
- 15.3. Công ty Quản Lý Quỹ và nhà cung cấp dịch vụ có liên quan phải có đầy đủ thông tin về từng Nhà Đầu Tư theo yêu cầu của Pháp Luật (trừ Nhà Đầu Tư giao dịch trên tài khoản ký danh nước ngoài). Thông tin về phần nắm giữ của Nhà Đầu Tư và của đại lý ký danh trong Sổ Đăng Ký sẽ là bằng chứng chứng minh quyền sở hữu của Nhà Đầu Tư đối với Đơn Vị Quỹ. Quyền sở hữu này được xác lập từ thời điểm khi thông tin về phần nắm giữ này được cập nhật trong Sổ Đăng Ký.

16. Giao dịch Chứng Chỉ Quỹ

- 16.1. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ có hiệu lực, giao dịch Chứng Chỉ Quỹ sẽ được thực hiện định kỳ và được quy định cụ thể tại Bản Cáo Bạch nhưng không ít hơn hai lần mỗi tháng.
- 16.2. Tần suất giao dịch:
- Nhà đầu tư có thể mua, bán, chuyển đổi Quỹ hoặc chuyển nhượng Đơn vị Quỹ vào một trong các Ngày Giao Dịch. Ngày Giao Dịch là các ngày từ Thứ 2 đến Thứ 6 hàng tuần.
- Ngày Giao Dịch sẽ không bao gồm các ngày nghỉ lễ, kể cả nghỉ bù theo quy định của pháp luật.
- Việc giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai lần trong một tháng.
- 16.3. Giá bán một Đơn Vị Quỹ của Các Lệnh Được Chấp Nhận sẽ được xác định bằng Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Đơn Vị Quỹ tính tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ cộng với giá dịch vụ phát hành.
- 16.4. Lệnh mua sẽ được chấp nhận để thực hiện khi Quỹ đã nhận được khoản thanh toán đầy đủ bởi Nhà Đầu Tư.

- 16.5. Lệnh bán sẽ được chấp nhận để thực hiện khi Nhà Đầu Tư có đủ số lượng Đơn Vị Quỹ đăng ký bán hoặc Nhà Đầu Tư có thể đăng ký bán hết số dư trong tài khoản.
- 16.6. Lệnh chuyển đổi nhằm bán Đơn Vị Quỹ của Quỹ này để mua Đơn Vị Quỹ của Quỹ khác được chấp nhận để thực hiện khi số lượng Đơn Vị Quỹ đăng ký bán thỏa mãn điều kiện của một Lệnh Bán hợp lệ.
- 16.7. Phù hợp với quy định tại Điều 17, Lệnh Được Chấp Nhận được Đại Lý Phân Phối nhận cho đến Thời Điểm Đóng Sô Lệnh cho Ngày Giao Dịch sẽ được thực hiện vào Ngày Giao Dịch đó. Tất cả các Lệnh Được Chấp Nhận nhận sau Thời Điểm Đóng Sô Lệnh sẽ được thực hiện vào Ngày Giao Dịch tiếp theo. Thời Điểm Đóng Sô Lệnh là thời điểm cuối cùng mà Đại Lý Phân Phối nhận lệnh giao dịch từ Nhà Đầu Tư để thực hiện trong Ngày Giao Dịch của Chứng Chỉ Quỹ. Thời điểm đóng sổ lệnh được quy định tại điều lệ quỹ, công bố công khai tại bản cáo bạch và không được muộn quá thời điểm đóng cửa thị trường của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày giao dịch chứng chỉ quỹ. Hiện tại, Thời Điểm Đóng Sô Lệnh cho Ngày Giao Dịch “T” là trước 14h45 ngày T-1.
- 16.8. Tiền mua Chứng Chỉ Quỹ sau khi chuyển hoặc nộp vào tài khoản tiền của Quỹ đặt tại Ngân Hàng Giám Sát thì được giải ngân để đầu tư ngay trong Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm thanh toán lãi suất cho Quỹ, tối thiểu bằng lãi suất không kỳ hạn, cho kỳ hạn kể từ ngày Quỹ nhận được tiền mua Chứng Chỉ Quỹ từ Nhà Đầu Tư.
- 16.9. Trường hợp Lệnh Mua Chứng Chỉ Quỹ và việc thanh toán cho Lệnh Mua được thực hiện bởi cá nhân, tổ chức khác không phải Nhà Đầu Tư thì phiếu lệnh và tài liệu xác nhận thanh toán phải nêu rõ tên, số tài khoản và giá trị thanh toán của Nhà Đầu Tư được hưởng lợi.
- 16.10. Nhà Đầu Tư có thể chọn tham gia mua Đơn Vị Quỹ theo các chương trình đầu tư quy định tại Bản Cáo Bạch.
- 17. Thực hiện một phần Lệnh Được Chấp Nhận, tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ**
- 17.1. Công ty Quản Lý Quỹ có thể thực hiện một phần Lệnh Được Chấp Nhận khi một trong các trường hợp sau xảy ra:
- Tổng giá trị của các Lệnh Bán (bao gồm cả Lệnh Bán nằm trong Lệnh Chuyển Đổi Quỹ) trừ đi tổng giá trị của tất cả các Lệnh Mua (bao gồm cả Lệnh Mua nằm trong Lệnh Chuyển Đổi Quỹ) cho một Ngày Giao Dịch lớn hơn 10% (mười phần trăm) của NAV tại Ngày Giao Dịch của Quỹ;
 - Việc thực hiện tất cả các lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư cho một Ngày Giao Dịch dẫn đến NAV tại Ngày Giao Dịch của Quỹ thấp hơn 50.000.000.000 đồng (năm mươi tỷ đồng).
- Đối với việc mua lại phần còn lại của Lệnh Bán, Lệnh Chuyển Đổi Quỹ đối với các lệnh đã đáp ứng một phần theo quy định tại khoản 1 Điều này, Công ty Quản Lý Quỹ được áp dụng theo nguyên tắc cùng một tỷ lệ. Cụ thể, phần lệnh chưa thực hiện được

ghép cùng với các lệnh tới sau để thực hiện, bảo đảm tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch là như nhau.

- 17.2. Trong trường hợp Lệnh Bán chỉ được thực hiện một phần, số lượng Chứng Chỉ Quỹ còn lại trên tài khoản của Nhà Đầu Tư sẽ được ưu tiên tự động bán hết vào kỳ giao dịch tiếp theo.
- 17.3. Công ty Quản Lý Quỹ có thể tạm dừng các giao dịch Chứng Chỉ Quỹ trong các trường hợp sau:
- a) Các điều kiện bất khả kháng;
 - b) NAV của Quỹ không thể xác định được tại Ngày Giao Dịch do các Sở giao dịch chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ;
 - c) NAV của Quỹ không thể xác định được tại Ngày Giao Dịch do các Sở giao dịch chứng khoán tạm dừng giao dịch;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của UBCKNN.

Các nguyên nhân của việc tạm dừng này phải được Công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản Lý Quỹ lập cho Quỹ trong thời gian sớm nhất kể từ khi xảy ra sự kiện dẫn đến việc tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ. Công ty Quản Lý Quỹ sẽ báo cáo Ban Đại Diện Quỹ và UBCKNN trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra các sự kiện có thể tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ theo quy định của Pháp Luật.

- 17.4. Thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ tối đa sẽ là 90 ngày.
- 17.5. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ, Công ty Quản Lý Quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại Hội Nhà Đầu Tư về việc giải thể Quỹ, hoặc tách Quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ. Trong thời hạn triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ theo quy định tại Điều 17.3 chấm dứt, Công ty Quản Lý Quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư.

18. Giá dịch vụ, giá phát hành và giá mua lại Đơn Vị Quỹ

Giá dịch vụ liên quan đến giao dịch Đơn Vị Quỹ sẽ do Nhà Đầu Tư thanh toán.

18.1. Giá dịch vụ phát hành

Giá dịch vụ phát hành áp dụng cho Lệnh Mua do Công ty Quản Lý Quỹ quy định tại Bán Cáo Bạch và công bố công khai vào từng thời điểm nhưng đảm bảo không vượt quá 5% (năm phần trăm) giá trị giao dịch Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là 90 ngày kể từ ngày Công ty Quản Lý Quỹ công bố về mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Trong mọi trường hợp giá dịch vụ phát hành không được vượt quá mức tối đa do pháp luật quy định.

Các khoản tái đầu tư bằng nguồn cổ tức của Quỹ không phải chịu Giá dịch vụ phát hành.

Giá dịch vụ phát hành sẽ được hạch toán cho Công ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối căn cứ theo hợp đồng ký giữa Công ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối.

18.2. Giá dịch vụ mua lại

Giá dịch vụ mua lại đối với các Chứng Chỉ Quỹ sẽ do Công ty Quản Lý Quỹ quy định tại Bản Cáo Bạch và công bố công khai vào từng thời điểm nhưng đảm bảo không vượt quá 3% (ba phần trăm) giá trị Lệnh Bán. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là 90 ngày kể từ ngày Công ty Quản Lý Quỹ công bố về mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Trong mọi trường hợp giá dịch vụ mua lại không được vượt quá mức tối đa do pháp luật quy định.

Trường hợp Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ nhiều lần, hoặc dưới hình thức tái đầu tư bằng nguồn cổ tức của Quỹ không phải chịu Giá dịch vụ phát hành, thời gian nắm giữ sẽ được tính theo phương pháp nêu tại Bản Cáo Bạch.

Giá dịch vụ mua lại sẽ được trừ vào khoản tiền bán được trả lại cho các Nhà Đầu Tư khi thực hiện các lệnh bán và được hạch toán cho Công ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối căn cứ theo hợp đồng ký giữa Công ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối.

18.3. Giá dịch vụ chuyển đổi Quỹ

Giá dịch vụ Chuyển Đổi là giá dịch vụ mà Nhà Đầu Tư phải trả khi thực hiện chuyển đổi đầu tư giữa các Quỹ mở do Công ty Quản Lý Quỹ quản lý. Việc chuyển đổi Quỹ bằng việc bán một Quỹ và mua một Quỹ khác tại ngày giao dịch tương ứng được coi như thực hiện một lệnh bán.

Giá dịch vụ Chuyển Đổi đối với các Chứng Chỉ Quỹ sẽ do Công ty Quản Lý Quỹ quy định tại Bản Cáo Bạch và công bố công khai vào từng thời điểm nhưng đảm bảo không vượt quá 3% (ba phần trăm) giá trị giao dịch. Trong mọi trường hợp Giá dịch vụ Chuyển Đổi không được vượt quá mức tối đa do pháp luật quy định. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là 90 ngày kể từ ngày Công ty Quản Lý Quỹ công bố về mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Khi thực hiện chuyển đổi, Nhà Đầu Tư chỉ thanh toán Giá dịch vụ Chuyển Đổi trên giá trị đăng ký chuyển đổi, mà không phải thanh toán Giá dịch vụ Mua Lại đối với Quỹ hiện tại và Giá dịch vụ Phát Hành đối với Quỹ mục tiêu.

Giá dịch vụ chuyển đổi Quỹ sẽ được hạch toán cho Công ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối căn cứ theo hợp đồng ký giữa Công ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối.

18.4. Giá dịch vụ Chuyển Nhuợng (áp dụng trong các trường hợp: cho, biếu, tặng, hoặc thừa kế) đối với các Chứng Chỉ Quỹ sẽ do Công ty Quản Lý Quỹ quy định tại Bản Cáo Bạch và công bố công khai vào từng thời điểm.

18.5. Giá Phát hành

Giá Phát hành lần đầu của một Đơn Vị Quỹ mở là 10.000 đồng cộng Giá dịch vụ phát hành đã được công bố chi tiết tại Bản Cáo Bạch;

Giá Phát hành các lần tiếp theo bằng Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ trên một Đơn Vị Quỹ cộng Giá dịch vụ phát hành tại Ngày Giao Dịch.

18.6. **Giá mua lại**

Giá mua lại là mức giá mà công ty quản lý quỹ phải thanh toán để mua lại từ nhà đầu tư một đơn vị quỹ. Giá mua lại bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ, trừ đi giá dịch vụ mua lại.

19. **Thùa kế Chứng Chỉ Quỹ**

- 19.1. Người thừa kế là cá nhân, Nhà nước, cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế được quyền thừa hưởng di sản theo quy định tại Pháp lệnh Thùa kế hiện hành và các quy định của Pháp Luật khác có liên quan;
- 19.2. Việc thừa kế Chứng Chỉ Quỹ sẽ được thực hiện phù hợp với quy định của Pháp Luật. Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế.
- 19.3. Người thừa kế hợp pháp sẽ được Công ty Quản Lý Quỹ đăng ký trong Sổ Đăng Ký với điều kiện người được thừa kế cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về thừa kế đó.

CHƯƠNG IV: ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

20. Đại Hội Nhà Đầu Tư

- 20.1. Đại Hội Nhà Đầu Tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ và tất cả các Nhà Đầu Tư có tên trong danh sách đăng ký Nhà Đầu Tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự. Đại Hội Nhà Đầu Tư hàng năm hoặc bất thường sẽ được tổ chức bởi Công ty Quản Lý Quỹ phù hợp với quy định của Pháp Luật với điều kiện là Nhà Đầu Tư phải được thông báo về thời gian, địa điểm, chương trình và nội dung của cuộc họp 10 (mười) ngày trước khi tổ chức đại hội. Đại Hội Nhà Đầu Tư không thảo luận các vấn đề khác ngoài vấn đề đã được nêu trong chương trình đại hội và Công ty Quản Lý Quỹ phải gửi toàn bộ chương trình, nội dung họp và các tài liệu có liên quan cho UBCKNN ít nhất 15 (mười lăm) ngày trước ngày tiến hành đại hội
- 20.2. Đại Hội Nhà Đầu Tư hàng năm được tổ chức trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày có báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.
- 20.3. Công ty Quản Lý Quỹ sẽ triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường trong thời hạn do Pháp Luật quy định theo yêu cầu của Công ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát hoặc Ban Đại Diện Quỹ hoặc Nhà Đầu Tư hoặc nhóm Nhà Đầu Tư đại diện cho ít nhất 10% (mười phần trăm) tổng số Đơn Vị Quỹ đang lưu hành của Quỹ trong vòng ít nhất 06 (sáu) tháng liên tục tính đến thời điểm triệu tập đại hội. Ban Đại Diện Quỹ hoặc Nhà Đầu Tư yêu cầu triệu tập họp sẽ phải nêu rõ các lý do hợp lý kèm theo tài liệu chứng minh để triệu tập cuộc họp đó trong yêu cầu gửi cho Công ty Quản Lý Quỹ. Việc tổ chức Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường theo quy định tại điều này phải được thực hiện trong vòng ba mươi (30) ngày, kể từ ngày công ty quản lý quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại Hội Nhà Đầu Tư, trong đó phải nêu rõ lý do và mục tiêu của việc triệu tập họp bất thường Đại Hội Nhà Đầu Tư.
- 20.4. Công ty Quản Lý Quỹ sẽ thực hiện các thủ tục báo cáo theo yêu cầu của Pháp Luật.

21. Quyền và nhiệm vụ của Đại Hội Nhà Đầu Tư

- 21.1. Nhà Đầu Tư đăng ký mua Đơn Vị Quỹ được hiểu là đã thông qua Điều lệ và các điều kiện mà theo đó Quỹ được quản lý, bao gồm nhưng không giới hạn ở các hợp đồng và dịch vụ do Công ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát và các bên khác cung cấp.
- 21.2. Tại Đại Hội Nhà Đầu Tư, Nhà Đầu Tư có quyền:
- a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ, hợp đồng giám sát, phương án phân phối lợi nhuận;
 - b) Các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của quỹ; tăng mức giá dịch vụ trả cho Công ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát; thay đổi Công ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát;
 - c) Sáp nhập quỹ, hợp nhất quỹ;
 - d) Tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ; tách quỹ;
 - e) Giải thể quỹ;

- f) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch và thành viên ban đại diện Quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của ban đại diện Quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ; thông qua các báo cáo về tình hình tài chính, tài sản và hoạt động hàng năm của Quỹ;
- g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định tại Điều 85 Luật Chứng khoán, quy định pháp luật về doanh nghiệp và tại Điều lệ Quỹ.
- 21.3. Đại Hội Nhà Đầu Tư có thể ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ quyết định các vấn đề nêu từ điểm b đến điểm g, của Khoản 21.2 Điều này (ngoại trừ điểm c và việc tăng mức giá dịch vụ trả cho công ty quản lý Quỹ, ngân hàng giám sát; thay đổi công ty quản lý Quỹ, ngân hàng giám sát) nếu được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua việc ủy quyền này trong đại hội hàng năm gần nhất.

22. Điều kiện, thể thức tiến hành họp và quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư

- 22.1. Nhà Đầu Tư có thể trực tiếp tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc các hình thức khác.
- 22.2. Cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư được tiến hành khi có số Nhà Đầu Tư tham dự đại diện cho ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành.
- 22.3. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư được tiến hành không phụ thuộc vào số Nhà Đầu Tư tham dự.
- 22.4. Thời gian, chương trình và nội dung dự kiến của Đại Hội Nhà Đầu Tư phải được thông báo công khai cho Nhà Đầu Tư và báo cáo UBCKNN ít nhất 15 (mười lăm) ngày trước khi tiến hành đại hội.
- 22.5. Đại hội Nhà đầu tư sẽ do Chủ Tịch Ban Đại diện Quỹ, hoặc một người khác được Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu ra nếu Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ vắng mặt, sẽ chủ tọa Đại Hội Nhà Đầu Tư. Ngân Hàng Giám Sát, Công ty Quản Lý Quỹ, Công Ty Kiểm Toán và Công ty luật cung cấp dịch vụ cho Quỹ có quyền tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư nhưng không có quyền biểu quyết.
- 22.6. Hình thức biểu quyết tại Đại Hội Nhà Đầu Tư do Ban Đại Diện Quỹ quyết định và phù hợp với các quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán. Mỗi Đơn Vị Quỹ sẽ tương ứng với một (01) phiếu biểu quyết.
- 22.7. Đại Hội Nhà Đầu Tư (hàng năm hoặc bất thường) có thể được tổ chức dưới hình thức họp tập trung hoặc không tập trung bằng cách lấy ý kiến bằng văn bản. Nhà Đầu Tư được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư trong trường hợp sau đây:
- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.
- 22.8. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 22.10, Nghị quyết sẽ được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua nếu được số nhà đầu tư đại diện cho ít nhất năm mươi mốt phần trăm (51%) tổng số đơn vị quỹ của các nhà đầu tư dự họp tham gia biểu quyết tán thành.
- 22.9. Trường hợp lấy ý kiến dưới hình thức bằng văn bản, quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư được thông qua nếu được số nhà đầu tư đại diện cho ít nhất năm mươi mốt phần trăm (51%) tổng số đơn vị quỹ của các Nhà Đầu Tư biểu quyết tán thành.
- 22.10. Quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp là:
- a) Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của Quỹ; tăng mức giá dịch vụ trả cho Công ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát; thay đổi Công ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát;
 - b) Sáp nhập quỹ, hợp nhất quỹ;
- Quyết định tại cuộc họp được thông qua khi số nhà đầu tư đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số đơn vị quỹ của các Nhà Đầu Tư dự họp tán thành.
- 22.11. Đại Hội Nhà Đầu Tư chỉ biểu quyết những vấn đề được ghi rõ trong thông báo mời họp.
- 22.12. Trong trường hợp việc biểu quyết được thực hiện thông qua lá phiếu bầu, mỗi Nhà Đầu Tư sẽ có một lá phiếu bầu với số lượng quyền biểu quyết tương ứng với số lượng đơn vị quỹ mà Nhà Đầu Tư nắm giữ. Trong trường hợp việc biểu quyết được thực hiện bằng hình thức giơ tay, kết quả lựa chọn biểu quyết của Nhà Đầu Tư được tính cho toàn bộ số lượng đơn vị quỹ mà Nhà Đầu Tư nắm giữ.
- 22.13. Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ sau khi thông qua quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc sau ngày kết thúc việc lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản theo quy định tại Khoản 7 Điều này, Công ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm lập Biên bản họp hoặc Biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản hoặc lấy ý kiến bằng thư điện tử hoặc hình thức điện tử khác) và nghị quyết đại hội và gửi cho UBCKNN, Ngân Hàng Giám Sát và cung cấp cho Nhà Đầu Tư hoặc công bố thông tin theo quy định của pháp luật trên các trang thông tin điện tử của Công ty Quản Lý Quỹ.
- 22.14. Những quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư được thông qua không phù hợp với Điều này, sẽ không có hiệu lực pháp lý và giá trị thi hành. Những quyết định này mặc nhiên bị hủy. Đồng thời, Công ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thông báo cho UBCKNN và Nhà Đầu Tư về việc nghị quyết không có hiệu lực thi hành và bị hủy.

23. Phản đối Quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư

- 23.1. Nhà Đầu Tư phản đối quyết định về các nội dung quy định tại điểm b, và c Khoản 21.2 có thể yêu cầu Công ty Quản Lý Quỹ mua lại Chứng Chỉ Quỹ của mình hoặc chuyển đổi sang Chứng Chi Quỹ của Quỹ khác cùng thuộc quản lý của Công ty Quản Lý Quỹ. Yêu cầu này phải được thể hiện bằng văn bản ghi rõ tên, địa chỉ của những Nhà Đầu Tư, số tài khoản lưu ký và số lượng Đơn Vị Quỹ và gửi cho Công ty Quản Lý Quỹ hoặc đại lý ký danh trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Đại Hội Nhà Đầu Tư ra quyết định đó hoặc kết quả xin ý kiến bằng văn bản được Công bố.

- 23.2. Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày Công bố kết quả họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, Công ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư phản đối quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư theo quy định tại Khoản 23.1 Điều này đổi với các yêu cầu của Nhà Đầu Tư được gửi tới trụ sở của Công ty Quản Lý Quỹ hoặc Đại Lý Phân Phối. Trong trường hợp Chứng Chỉ Quỹ được mua lại hoặc chuyển đổi theo Khoản 23.1 của Điều này, Nhà Đầu Tư đó không phải trả giá dịch vụ mua lại hoặc giá dịch vụ chuyển đổi.

CHƯƠNG V: BAN ĐẠI DIỆN QUÝ

24. Ban Đại diện Quý

24. 1 Ban Đại Diện Quý đại diện cho Nhà Đầu Tư, được bầu tại các cuộc họp đại hội nhà đầu tư hoặc được Nhà Đầu Tư bầu theo hình thức cho ý kiến bằng văn bản. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn, số lượng thành viên, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và bãi nhiệm, bổ sung thành viên Ban Đại Diện Quý, chủ tịch Ban Đại Diện Quý, điều kiện, thể thức họp và thông qua quyết định của Ban Đại Diện Quý được quy định tại Điều lệ Quý và các quy định pháp luật khác.
24. 2 Ban Đại Diện Quý có tối thiểu 3 (ba) thành viên và tối đa là 11 (mười một) thành viên, trong đó có ít nhất hai phần ba số thành viên là thành viên độc lập.
24. 3 Ban Đại Diện Quý sẽ bao gồm:
- a) Ít nhất 1 (một) thành viên độc lập, không cần thiết phải là Nhà Đầu Tư của Quý chịu sự điều chỉnh của Điều lệ này, có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán và kiểm toán;
 - b) Ít nhất 1 (một) thành viên độc lập, không cần thiết phải là Nhà Đầu Tư của Quý chịu sự điều chỉnh của Điều lệ này, có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm trong lĩnh vực phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;
 - c) Ít nhất 1 (một) thành viên, không cần thiết phải là Nhà Đầu Tư của Quý có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm về Pháp Luật và các quy định trong lĩnh vực chứng khoán.

25. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại diện Quý

- 25.1. Thành Viên Ban Đại Diện Quý phải đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn sau:
- a) Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;
 - b) Không bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;
 - c) Có chuyên môn trong lĩnh vực tài chính hoặc ngân hàng hoặc bảo hiểm hoặc chứng khoán hoặc kế toán hoặc kiểm toán hoặc luật hoặc tốt nghiệp một trường đại học với chuyên ngành thuộc một trong các lĩnh vực vừa nêu.
- 25.2. Thành Viên Ban Đại Diện Quý sẽ được bổ nhiệm cho nhiệm kỳ 3 (ba) năm và có thể được bầu lại cho số lượng nhiệm kỳ không bị giới hạn.
- 25.3. Thành viên Ban Đại Diện Quý không đáp ứng các điều kiện quy định tại điều 25.1 hoặc thành viên buộc phải từ nhiệm, trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi phát hiện sự việc, Ban Đại Diện Quý và Công ty Quản Lý Quý có trách nhiệm chọn lựa thành viên thay thế tạm thời để thực hiện quyền và nghĩa vụ của Ban Đại Diện Quý cho đến khi Đại Hội Nhà Đầu Tư chính thức bổ nhiệm thành viên thay thế.
- 25.4. Công ty quản lý quý phải thực hiện báo cáo cho UBCKNN và công bố thông tin việc thay đổi cơ cấu Ban Đại Diện Quý theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban Đại Diện Quý

26. 1 Đại diện cho quyền lợi của Nhà Đầu Tư, có mặt trực tiếp hoặc thông qua phương thức liên lạc khác đã được thống nhất để tham gia vào các cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ và tham gia Đại Hội Nhà Đầu Tư.
26. 2 Phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá, nguyên tắc và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng; danh sách các ngân hàng nhận tiền gửi của quỹ, công cụ tiền tệ và các tài sản mà quỹ được phép đầu tư theo quy định tại điểm a, b, e của Điều 10.1 của Điều lệ này.
- Phê duyệt bằng văn bản về khoảng giá dự kiến, thời điểm thực hiện, đối tác giao dịch, loại tài sản giao dịch trước khi thực hiện giao dịch đối với các giao dịch theo Phương thức thỏa thuận (trừ trường hợp giao dịch thực hiện trên hệ thống giao dịch của sở giao dịch chứng khoán), các giao dịch mua, bán chứng khoán chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch:
- Các quyết định này phải được đưa ra trên cơ sở thận trọng nhất để bảo đảm an toàn tài sản của quỹ.
26. 3 Kiến nghị mức phân phối lợi nhuận cho Nhà Đầu Tư hoặc quyết định mức lợi nhuận phân phối dựa trên đề xuất của Công ty Quản Lý Quỹ khi Đại Hội Nhà Đầu Tư ủy quyền, phê duyệt thời hạn và thủ tục phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát trên cơ sở quy định của Pháp luật;
26. 4 Quyết định các vấn đề phù hợp với Điều 21.3 của Điều lệ này nếu được Đại Hội Nhà Đầu Tư ủy quyền.
26. 5 Yêu cầu Công ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát.
26. 6 Gửi UBCKNN và Ngân Hàng Giám Sát biên bản họp và nghị quyết của Ban Đại Diện Quỹ đồng thời cung cấp thông tin về nội dung quyết định cho Nhà Đầu Tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Ban Đại Diện Quỹ quyết định các vấn đề quy định tại điểm b, c, d, e Điều 21.2 thực hiện theo quy định tại Điều 21.3 được Đại Hội Nhà Đầu Tư gần nhất ủy quyền;
26. 7 Trong trường hợp quyết định do Ban Đại Diện Quỹ thông qua trái với Pháp Luật hoặc Điều lệ này gây thiệt hại cho Quỹ thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.
26. 8 Các quyền và nghĩa vụ khác.
- 27. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ**
- 27.1. Chủ tịch là thành viên độc lập, do Đại Hội Nhà Đầu Tư lựa chọn trong số những thành viên thuộc Ban Đại Diện Quỹ, sẽ có các quyền và nhiệm vụ sau:
- a) Triệu tập và chủ trì cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ và Đại Hội Nhà Đầu Tư, trừ trường hợp được quyết định khác theo Khoản 22.5;
 - b) Yêu cầu Công ty Quản Lý Quỹ cung cấp thông tin về Quỹ và về quá trình thực hiện các

- quyết định của Ban Đại Diện Quỹ và Đại Hội Nhà Đầu Tư;
- c) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban Đại Diện Quỹ;
 - d) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp Luật.
- 27.2. Trong trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc không thể thực hiện các nhiệm vụ được giao, một thành viên Ban Đại Diện Quỹ do Chủ tịch ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch. Trong trường hợp thành viên đó vắng mặt, các thành viên còn lại của Ban Đại Diện Quỹ sẽ lựa chọn, theo nguyên tắc nhất trí, một thành viên độc lập trong số họ tạm thời giữ vị trí Chủ tịch và chỉ được tạm thời giữ như thế trong trường hợp Chủ tịch vẫn tiếp tục vắng mặt, cho đến khi Chủ tịch mới được bầu tại Đại Hội Nhà Đầu Tư kế tiếp.
- 28. Đình chỉ hoặc bãi miễn thành viên Ban Đại Diện Quỹ**
- Thành viên Ban Đại Diện Quỹ sẽ bị đình chỉ hoặc bãi miễn một trong những trường hợp sau:
- a) Bãi miễn theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư;
 - b) Hết nhiệm kỳ hoặc từ chức;
 - c) Vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ, tiết lộ thông tin bảo mật hoặc không tham gia vào các hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ trong 2 (hai) kỳ họp Ban Đại Diện Quỹ liên tục mà không có lý do thỏa đáng;
 - d) Không đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 25.1 của Điều lệ này, chết hoặc mất toàn bộ hoặc một phần năng lực hành vi dân sự, hoặc bất kỳ lý do nào khác theo quy định của Pháp Luật để thực hiện vai trò thành viên Ban Đại Diện Quỹ;
 - e) Bị buộc tội hoặc truy tố hoặc bất kỳ lý do nào khác có thể gây tổn hại đến uy tín của Ban Đại Diện Quỹ.
- 29. Cuộc họp của Ban Đại Diện Quỹ**
- 29.1. Chủ tịch được quyền triệu tập các cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ. Ban Đại Diện Quỹ sẽ họp ít nhất mỗi quý một lần. Các cuộc họp bất thường có thể được triệu tập trong trường hợp cần thiết.
- 29.2. Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ sẽ được tiến hành khi có ít nhất hai phần ba (2/3) tổng số thành viên dự họp, trong đó số thành viên độc lập dự họp phải chiếm tỷ lệ ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm). Thành viên có thể có mặt trực tiếp hoặc họp thông qua hình thức điện thoại hội nghị hoặc bất kỳ phương thức liên lạc đáng tin cậy nào khác.
- 29.3. Quyết định của Ban Đại Diện Quỹ sẽ được thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp, họp thông qua điện thoại, internet và các phương tiện truyền tin, nghe, nhìn hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Việc lấy ý kiến bằng văn bản có thể được thực hiện trên giấy, bỏ phiếu điện tử hoặc bằng bất kỳ hình thức hợp pháp khác. Mỗi thành viên của Ban Đại Diện Quỹ có một phiếu bầu. Thành viên không thể tham gia cuộc họp có thể chuyển phiếu biểu quyết theo bất cứ hình thức nào đã được nhất trí từ trước cho Chủ tịch trước hoặc vào thời điểm đang diễn ra cuộc họp.

- 29.4. Quyết định của Ban Đại Diện Quỹ sẽ được thông qua nếu được 51% (năm mươi một phần trăm) số thành viên tham dự và 51% (năm mươi một phần trăm) số thành viên độc lập thông qua.
- 29.5. Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ phải được ghi đầy đủ vào biên bản. Chủ tịch và thư ký được bổ nhiệm cho cuộc họp, cùng liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản các cuộc họp của Ban Đại Diện Quỹ.

CHƯƠNG VI: CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

30. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty Quản Lý Quỹ

Công ty Quản Lý Quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- 30.1. Được thực hiện nghiệp vụ Quản Lý Quỹ;
- 30.2. Hoàn toàn độc lập với Ngân Hàng Giám Sát;
- 30.3. Có đầy đủ cơ sở vật chất, nhân sự để Quản Lý Quỹ mở;
- 30.4. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ Lục 1 và Phụ Lục 3 của Điều lệ này.

31. Quyền và nghĩa vụ của Công ty Quản Lý Quỹ

- 31.1. Công ty Quản Lý Quỹ luôn hoạt động một cách công bằng, trung thực cho Quỹ và vì lợi ích của Nhà Đầu Tư, tránh xung đột về lợi ích và hành động ngay trong trường hợp không thể tránh được xung đột về lợi ích. Công ty Quản Lý Quỹ phải đảm bảo rằng nhân sự, tổ chức và ban quản trị có năng lực và được cơ cấu để hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà Đầu Tư, tuân thủ Điều lệ này, Pháp Luật và thông lệ quốc tế tốt nhất. Công ty Quản Lý Quỹ sẽ bảo đảm việc ủy quyền trách nhiệm cho bên thứ ba tuân thủ Pháp Luật và không ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Quỹ và Nhà Đầu Tư. Công ty Quản Lý Quỹ sẽ tách biệt tài sản của từng Quỹ, tài sản của Công ty Quản Lý Quỹ với các tài sản của Quỹ, và các tài sản khác do Công ty Quản Lý Quỹ quản lý.
- 31.2. Các cam kết của Công ty Quản Lý Quỹ được nêu tại Phụ lục 1. Công ty Quản Lý Quỹ phải chịu trách nhiệm cho những tồn thất đối với Quỹ do mình quản lý trong trường hợp Công ty Quản Lý Quỹ không tuân thủ Pháp Luật và Điều lệ này.
- 31.3. Khi quản lý tài sản Quỹ, Công ty Quản Lý Quỹ phải:
 - Ký hợp đồng lưu ký, giám sát với Ngân Hàng Giám Sát; lưu ký toàn bộ tài sản phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam và lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin dữ liệu về sở hữu, bản gốc các tài liệu pháp lý xác minh quyền sở hữu tài sản tại Ngân Hàng Giám Sát;
 - Trường hợp đầu tư tiền gửi cho quỹ, Công ty Quản Lý Quỹ chỉ được gửi tại các ngân hàng trong danh sách được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt; lưu trữ bản gốc hoặc bản sao hợp lệ hợp đồng tiền gửi, hợp đồng vay tại Ngân Hàng Giám Sát để các tổ chức này định kỳ đối soát số dư tài khoản tiền gửi, giá trị các hợp đồng tiền gửi với các ngân hàng nhận tiền gửi của Quỹ;
 - Trường hợp đầu tư, góp vốn; giao dịch các tài sản, phần vốn góp, cổ phiếu chưa niêm yết cho quỹ; Công ty Quản Lý Quỹ phải lưu trữ bản gốc các hợp đồng, giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nếu có), sổ cổ đông hoặc tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản tại Ngân Hàng Giám Sát để các tổ chức này định kỳ đối soát với tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư;
 - Tách biệt tài sản của quỹ và tài sản của chính công ty, tài sản của khách hàng ủy thác do công ty quản lý; lưu trữ đầy đủ, kịp thời sổ sách kế toán, chứng từ giao

dịch và các tài liệu liên quan tới giao dịch và sở hữu tài sản của quỹ; tổng hợp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về tài sản của quỹ và nơi lưu ký, lưu trữ các tài sản đó;

- Thiết lập cơ chế kiểm tra, thường xuyên đối soát ba bên bảo đảm có sự thống nhất về dữ liệu tài sản của quỹ trên hệ thống tài khoản của quỹ quản lý tại công ty, hệ thống lưu ký tài sản của quỹ tại ngân hàng lưu ký, Ngân Hàng Giám Sát với các tổ chức phát hành, VSD, tổ chức quản lý Sở Đăng Ký cổ đông, chủ dự án, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, ngân hàng nhận tiền gửi. Công ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thiết lập cơ chế để ngân hàng lưu ký, Ngân Hàng Giám Sát chủ động, trực tiếp đối soát với các tổ chức nêu trên nhằm kiểm tra, giám sát, tổng hợp đầy đủ và chính xác thông tin về việc lưu ký, đăng ký sở hữu và quản lý tài sản của quỹ;
 - Thực hiện việc đầu tư tài sản quỹ theo các quy định của pháp luật, Điều lệ này;
 - Phân công tối thiểu hai (02) người điều hành quỹ để quản lý quỹ. Những người điều hành quỹ nêu trên phải có kinh nghiệm thực tế trong hoạt động quản lý tài sản ít nhất hai (02) năm và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán. Thông tin về trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm quản lý tài sản của người điều hành quỹ phải được công khai tại Bản cáo bạch.
- a. Công ty phải thiết lập quy trình phân bổ lệnh giao dịch, phân bổ tài sản giao dịch một cách hợp lý, công bằng khi thực hiện giao dịch cho quỹ, cho khách hàng ủy thác khác và cho bản thân công ty. Quy trình này phải được cung cấp cho Ngân Hàng Giám Sát và được áp dụng thống nhất.
 - b. Trong hoạt động quản trị quỹ, Công ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm bảo đảm:
 - i. Thực hiện việc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ; giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ và trên một chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ này;
 - ii. Lập, lưu trữ và cập nhật kịp thời, đầy đủ và chính xác Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư.
 - c. Công ty Quản Lý Quỹ được ủy quyền hoạt động quản trị quỹ. Việc ủy quyền hoạt động này, Công ty Quản Lý Quỹ phải tuân thủ quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức hoạt động Công ty Quản Lý Quỹ và Điều lệ này.
 - d. Công ty Quản Lý Quỹ có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin cần thiết về quỹ, thông tin về giao dịch tài sản của quỹ, thông tin về nơi lưu ký tài sản của quỹ, các thông tin liên quan khác (nếu có) và tạo mọi điều kiện thuận lợi cần thiết cho Ngân Hàng Giám Sát theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân Hàng Giám Sát để Ngân Hàng Giám Sát thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm đối với quỹ theo quy định của pháp luật. Tối thiểu một (01) tháng một lần, Công ty Quản Lý Quỹ có nghĩa vụ đổi chiếu danh mục tài sản của quỹ với Ngân Hàng Giám Sát.
 - e. Trong thời hạn mươi lăm (15) ngày, kể từ ngày Ngân Hàng Giám Sát phát hiện và thông báo cho Công ty Quản Lý Quỹ về các giao dịch tài sản của quỹ trái với quy định hoặc vượt quá thẩm quyền của Công ty Quản Lý Quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ này thì Công ty Quản Lý Quỹ phải huỷ bỏ giao dịch, hoặc thực hiện các giao dịch nhằm khôi phục vị thế cho quỹ. Công ty Quản Lý Quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến

các giao dịch này và các tổn thất (nếu có). Trường hợp các giao dịch này phát sinh lợi nhuận, mọi khoản lợi nhuận phải hạch toán cho quỹ.

- f. Công ty Quản Lý Quỹ phải xây dựng và triển khai áp dụng thống nhất các quy trình nghiệp vụ, sổ tay định giá, chính sách kế toán phù hợp các quy định của pháp luật liên quan và Điều lệ này.
- g. Công ty Quản Lý Quỹ phải xây dựng quy trình và thiết lập cơ cấu tổ chức, hệ thống quản trị rủi ro phù hợp với quy mô, loại hình quỹ. Hệ thống quản trị rủi ro phải dựa trên các chính sách, quy trình quản trị rủi ro xây dựng theo thông lệ quốc tế phù hợp với điều kiện thị trường Việt Nam, bảo đảm nhận diện đầy đủ, xác định được quy mô rủi ro tiềm ẩn trong danh mục đầu tư của quỹ. Tùy vào loại hình rủi ro, mức độ phức tạp của tài sản đầu tư và yêu cầu của quỹ, công ty phải đưa ra mức độ chấp nhận rủi ro phù hợp.
- h. Công ty Quản Lý Quỹ chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho quỹ do lỗi của nhân viên, sự cố hoặc lỗi của hệ thống kỹ thuật và quy trình nghiệp vụ của công ty hoặc do Công ty Quản Lý Quỹ không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ này. Việc bồi thường cho quỹ, Nhà Đầu Tư vào quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về thành lập và quản lý quỹ mở và thỏa thuận giữa các bên liên quan.
- i. Công ty Quản Lý Quỹ phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nhân viên nghiệp vụ (nếu xét là cần thiết), hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro theo quy định của pháp luật để bồi thường thiệt hại cho quỹ trong các trường hợp quy định tại điểm k khoản này.
- j. Công ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thực hiện, yêu cầu các Đại lý phân phối, tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan xây dựng, thiết lập hệ thống và tổ chức thực hiện quy trình tổng hợp thông tin, nhận diện khách hàng theo các quy định của pháp luật về phòng chống rửa tiền và các quy định của pháp luật về môi giới, giao dịch chứng khoán.
- k. Trường hợp quỹ là Nhà Đầu Tư nước ngoài, Công ty Quản Lý Quỹ bảo đảm việc đầu tư tài sản của quỹ tuân thủ đúng các quy định pháp luật về quản lý ngoại hối, tỷ lệ sở hữu tại các doanh nghiệp Việt Nam tại thời điểm đầu tư.
- l. Việc sử dụng tài sản của quỹ để đầu tư vào chứng khoán phát hành bởi các tổ chức nước ngoài, tổ chức phát hành chịu sự điều chỉnh của pháp luật nước ngoài, chứng khoán phát hành tại nước ngoài và các tài sản khác ở nước ngoài phải tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư ra nước ngoài, quản lý ngoại hối và các quy định của pháp luật liên quan. Việc đầu tư này chỉ được thực hiện nếu Điều lệ này có điều khoản cho phép thực hiện. Trước khi thực hiện, Công ty Quản Lý Quỹ phải được Đại Hội Nhà Đầu Tư và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản.
- m. Khi thực hiện giao dịch tài sản cho quỹ, Công ty Quản Lý Quỹ bảo đảm:
 - i. Khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm thông qua một công ty chứng khoán không được vượt quá 50% tổng khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm của quỹ; và
 - ii. Khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm thông qua công ty chứng khoán là người có liên quan của Công ty Quản Lý Quỹ, không được vượt quá 20% tổng khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm của quỹ.

- n. Công ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm bảo mật thông tin của quỹ, thông tin về giao dịch tài sản và các thông tin khác liên quan, trừ trường hợp cung cấp thông tin cho Ủy ban chứng khoán nhà nước và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu.
- o. Công ty Quản Lý Quỹ phải bảo đảm:
 - i. Tách biệt về tru sở, hạ tầng công nghệ thông tin với các tổ chức kinh tế khác. Trường hợp công ty sử dụng hạ tầng công nghệ thông tin của công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là người có liên quan thì phải sử dụng cơ chế phân quyền và hạn chế sử dụng, bảo đảm các bộ phận công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là người có liên quan không truy cập được vào hệ thống máy tính, cơ sở dữ liệu của công ty;
 - ii. Tách biệt về cơ sở dữ liệu giữa các bộ phận nghiệp vụ tiềm ẩn xung đột lợi ích trong công ty, trong đó có sự tách biệt giữa bộ phận quản lý tài sản ủy thác; bộ phận nghiên cứu, phân tích đầu tư và bộ phận thực hiện đầu tư. Hệ thống máy tính và cơ sở dữ liệu được phân quyền tới từng cá nhân, bộ phận, phù hợp với vị trí công tác theo quy định về kiểm soát nội bộ.
- p. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động Công ty Quản Lý Quỹ.

31.4. Công ty Quản Lý Quỹ có các quyền sau:

- a) Nhận giá dịch vụ quản lý như quy định tại Điều 58 của Điều lệ này;
- b) Quản lý các Quỹ khác trong và/hoặc ngoài Việt Nam và tiến hành các hoạt động kinh doanh khác được Pháp Luật cho phép miễn là Công ty Quản Lý Quỹ đảm bảo có đủ nguồn lực để quản lý hiệu quả các hoạt động đầu tư của Quỹ.
- c) Tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư và các cuộc họp của Ban Đại diện Quỹ;
- d) Đề cử ứng viên thích hợp làm thành viên Ban Đại diện Quỹ để Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu chọn;
- e) Quyết định các khoản đầu tư của Quỹ phù hợp với Điều lệ này, Ban Cáo Bạch Của Quỹ và Pháp Luật.

32. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty Quản Lý Quỹ

- 32.1. Công ty Quản Lý Quỹ sẽ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong những trường hợp sau:
 - a) Theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư;
 - b) Giấy phép thành lập và hoạt động bị thu hồi;
 - c) Hợp nhất hoặc sáp nhập với một Công ty khác mà quyền và nghĩa vụ của Công ty Quản Lý Quỹ đối với Quỹ không được chuyển giao đầy đủ cho Công ty kế thừa của Công ty Quản Lý Quỹ và theo đó được chấm dứt.
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- 32.2. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty Quản Lý Quỹ được chuyển giao cho một Công ty Quản Lý Quỹ khác. Công ty Quản Lý Quỹ thay thế phải đáp ứng được các yêu cầu quy định tại Điều 30 của Điều lệ này. Công ty Quản Lý Quỹ bị thay thế có nghĩa vụ

chuyển giao toàn bộ chứng từ và các thông tin liên quan đến Quỹ cho Công ty Quản Lý Quỹ thay thế để đảm bảo Công ty Quản Lý Quỹ thay thế có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của Pháp Luật và Điều lệ này.

- 32.3. Trong trường hợp Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ, Quỹ sẽ phải bồi thường cho Công ty Quản Lý Quỹ như sau:

Chi phí bồi thường được tính trên NAV của Quỹ	Thời điểm thay thế Công ty Quản Lý Quỹ
3%	Trong vòng 03 năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động
1,5%	Sau 03 năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động

- 32.4. NAV được sử dụng để tính chi phí bồi thường cho Công Ty Quản Lý Quỹ là NAV bình quân theo báo cáo NAV của 52 (năm mươi hai) tuần liền trước thời điểm Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định thay đổi Công ty Quản Lý Quỹ được Ngân Hàng Giám Sát xác nhận.
- 32.5. Thời hạn thông báo về việc chấm dứt sẽ là 6 (sáu) tháng, hoặc một thời hạn cụ thể khác theo yêu cầu của Pháp Luật.

33. Hạn chế hoạt động của Công ty Quản Lý Quỹ

33. 1. Công ty Quản Lý Quỹ không được là người có liên quan của Ngân Hàng Giám Sát của Quỹ. Thành viên hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, ban kiểm soát (nếu có), ban điều hành, nhân viên của Công ty Quản Lý Quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị Quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát và ngược lại.
33. 2. Công ty quản lý quỹ, công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, liên kết, thành viên hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên, ban kiểm soát (nếu có), ban điều hành, nhân viên của công ty chỉ được mua hoặc bán các tài sản trong danh mục tài sản của quỹ mà công ty đang quản lý theo nguyên tắc sau:
- a) Giao dịch theo phương thức khớp lệnh tập trung thực hiện thông qua hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán;
 - b) Trường hợp là giao dịch thỏa thuận hoặc tài sản giao dịch không phải là chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên các Sở Giao dịch Chứng khoán thì phải có sự chấp thuận bằng văn bản của Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ cho phép thực hiện giao dịch. Ý kiến phải thể hiện việc chấp thuận về loại tài sản giao dịch, giá dịch vụ giao dịch, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, thời điểm thực hiện giao dịch, các điều kiện khác (nếu có)
33. 3. Công ty Quản Lý Quỹ, nhân viên làm việc tại Công ty Quản Lý Quỹ hoặc người có liên quan của Công ty Quản Lý Quỹ hoặc nhân viên làm việc tại Các Công ty Liên Quan của Công ty Quản Lý Quỹ được tham gia góp vốn thành lập, giao dịch chứng chỉ quỹ mở mà công ty đang quản lý với các mức giá giao dịch áp dụng như đối với

các nhà đầu tư khác theo quy định tại Điều lệ quỹ.

33. 4. Mọi giao dịch chứng khoán do thành viên hội đồng quản trị, thành viên ban điều hành hoặc nhân viên làm việc tại Công ty Quản Lý Quỹ tiến hành phải được báo cáo lên phòng kiểm soát nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch diễn ra và phải quản lý tập trung tại Công ty Quản Lý Quỹ dưới sự giám sát của phòng kiểm soát nội bộ. Thông tin về các giao dịch nói trên phải bao gồm loại chứng khoán, giá chứng khoán, thời gian giao dịch, phương thức giao dịch và tổng giá trị giao dịch và phải được lưu trong vòng 15 (mười lăm) năm và được cung cấp cho UBCKNN khi có yêu cầu.
33. 5. Thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên, ban điều hành, nhân viên của Công ty Quản Lý Quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa công ty, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào, ngoài các loại phí/dịch vụ và mức phí/giá dịch vụ đã được quy định rõ tại Điều lệ Quỹ.
33. 6. Trong hoạt động quản lý tài sản của quỹ, Công ty Quản Lý Quỹ bảo đảm:
- a) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để tái đầu tư vào Quỹ, công ty đầu tư chứng khoán khác do mình quản lý;
 - b) Không được sử dụng tài sản ủy thác mà Công ty quản lý Quỹ đang quản lý để đầu tư vào Quỹ hoặc ngược lại. Quy định này không áp dụng trong trường hợp khách hàng ủy thác là cá nhân nước ngoài, tổ chức 100% vốn nước ngoài và đã chấp thuận cho phép thực hiện các giao dịch nêu trên;
 - c) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Công ty Quản lý quỹ, không đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ, không đầu tư vào tổ chức mà thành viên hội đồng thành viên, thành viên ban điều hành, nhân viên của Công ty Quản lý quỹ là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên 10% vốn điều lệ;
 - d) Không được sử dụng tài sản của các Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào của Công ty Quản Lý Quỹ hoặc của người có liên quan đến Công ty Quản Lý Quỹ, hoặc trả nợ cho Công ty Quản Lý Quỹ hoặc cho người có liên quan của Công ty Quản Lý Quỹ hoặc trả nợ cho bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khác. Quy định này không áp dụng trong trường hợp cho vay dưới hình thức đầu tư tiền gửi tại các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật ngân hàng, hoặc mua trái phiếu được phát hành, giao dịch trái phiếu theo quy định của pháp luật.
 - e) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Công ty Quản Lý Quỹ; không đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của Công ty Quản Lý Quỹ; không đầu tư vào tổ chức mà thành viên hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên, thành viên ban điều hành, nhân viên của công ty là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên mươi phần trăm (10%) vốn điều lệ;
 - f) Không được cam kết, bảo đảm kết quả đầu tư trừ trường hợp đầu tư vào những sản phẩm có thu nhập cố định; trực tiếp hay gián tiếp, bù đắp một phần hoặc toàn bộ các khoản thua lỗ của Quỹ do hoạt động đầu tư; không được thực hiện các giao dịch nhằm làm giảm lợi nhuận của một Quỹ để làm tăng lợi nhuận của một Quỹ khác; không được giao kết hợp đồng, thực hiện giao dịch với các điều khoản bất lợi một cách bất

- hợp lý, không có lý do chính đáng.
- g) Không được thực hiện bất cứ hoạt động nào vi phạm Pháp Luật.
33. 7. Các hạn chế khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động Công ty Quản Lý Quỹ.

CHƯƠNG VII: NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

34. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân Hàng Giám Sát

Ngân Hàng Giám Sát được lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện sau:

34. 1. Là ngân hàng thương mại có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán có chức năng thực hiện các dịch vụ lưu ký và giám sát việc Quản Lý Quỹ đại chúng;
34. 2. Không được là người có liên quan đến Công ty Quản Lý Quỹ;
34. 3. Có đầy đủ năng lực cung cấp dịch vụ giám sát, lưu ký;
34. 4. Thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 2 của Điều lệ này.

35. Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát

35.1. Ngân Hàng Giám Sát có nghĩa vụ:

- a) Luôn luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của các Nhà Đầu Tư quỹ;
- b) Chịu trách nhiệm đối với những tồn thât gây ra cho Quỹ do những sai sót của ngân hàng;
- c) Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của Công ty Quản Lý Quỹ trong việc quản lý tài sản quỹ theo quy định tại Luật chứng khoán, các quy định có liên quan và Điều lệ Quỹ
- d) Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật liên quan, Hợp đồng giám sát và Điều lệ Quỹ;
- e) Tách bạch tài sản của quỹ với tài sản của Công ty Quản Lý Quỹ, tài sản của các quỹ khác, tài sản của những khách hàng khác của Ngân Hàng Giám Sát và tài sản của chính Ngân Hàng Giám Sát;
- f) Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ;
- g) Giám sát hoặc tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ phù hợp với các qui định pháp luật và Điều lệ Quỹ, đảm bảo việc tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ là chính xác
- h) Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu Ngân Hàng Giám Sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không phù hợp với Điều lệ Quỹ và quy định pháp luật. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến Công ty Quản Lý Quỹ và nêu rõ lý do, bản sao gửi đến UBCKNN;
- i) Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với Công ty Quản Lý Quỹ theo quy định;
- j) Thanh toán những khoản chi phí/ giá dịch vụ hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản Lý Quỹ, đảm bảo những khoản chi phí/giá dịch vụ đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều lệ Quỹ;
- k) Thanh toán tiền cho Nhà Đầu Tư của Quỹ khi Công ty Quản Lý Quỹ thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ của Nhà Đầu Tư, hoặc khi quỹ phân phối thu nhập hoặc khi Quỹ

thanh lý, giải thể thanh toán cho Nhà Đầu Tư và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ theo đúng chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản Lý Quỹ, đảm bảo rằng những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với các điều khoản của Điều lệ;

- l) Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm xác nhận các báo cáo liên quan đến tài sản và hoạt động của Quỹ do Công ty Quản Lý Quỹ lập hoặc do tổ chức được Công ty Quản Lý Quỹ ủy quyền lập;
- m) Ngân Hàng Giám Sát thực hiện nghĩa vụ báo cáo và quản lý hồ sơ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ và Hợp Đồng Giám Sát;
- n) Ngân Hàng Giám Sát phải tuân thủ các quy định khác tại Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan, Điều lệ Quỹ và Hợp Đồng Giám Sát;
- o) Không được nhận bất kỳ một lợi ích nào khác (ngoài các khoản phí/giá dịch vụ theo quy định tại Hợp Đồng Giám Sát) cho chính mình hoặc cho người thứ ba.

35.2 Ngân Hàng Giám Sát có quyền:

- a) Được quyền xem xét lại năng lực và các quy trình của Công ty Quản Lý Quỹ trong quá trình Quản Lý Quỹ và yêu cầu Công ty Quản Lý Quỹ chỉnh sửa nếu cần thiết.
- b) Được quyền tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư nhưng không được quyền biểu quyết.
- c) Được quyền nhận phí/giá dịch vụ cung cấp dịch vụ giám sát và lưu ký phù hợp với hợp đồng giám sát được ký kết giữa Công ty Quản Lý Quỹ thay mặt cho Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát, Điều Lệ này và Pháp Luật.

Trường hợp Công ty Quản Lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Nhà Đầu Tư, Ngân Hàng Giám Sát phải phối hợp với Công ty Quản Lý Quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho Nhà Đầu Tư theo chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản Lý Quỹ. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm liên đới và phải đền bù thiệt hại cho Nhà Đầu Tư và Quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do Ngân Hàng Giám Sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của Quỹ, xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với Quỹ theo quy định của Pháp Luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo thỏa thuận dân sự giữa Công ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.

36. Hoạt động giám sát của Ngân Hàng Giám Sát

36. 1. Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của Công ty Quản Lý Quỹ có liên quan tới Quỹ mà Ngân Hàng Giám Sát thực hiện chức năng giám sát. Trong hoạt động giám sát, Ngân Hàng Giám Sát phải:

- a) Phối hợp với Công ty Quản Lý Quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định NAV của Quỹ; kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện Công tác xác định NAV của Quỹ, NAV trên một Đơn Vị Quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.
- b) Kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ, bao gồm cả các tài sản không phải là chứng khoán đã đăng ký tập trung tại trung tâm lưu ký chứng khoán; kiểm tra, giám sát các giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công ty Quản Lý Quỹ và

người có liên quan của Công ty Quản Lý Quỹ. Trong trường hợp phát hiện vi phạm các quy định của Pháp Luật, Ngân Hàng Giám Sát phải báo cáo ngay cho UBCKNN và thông báo cho Công ty Quản Lý Quỹ trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu thực hiện sửa lỗi hoặc thực hiện các hoạt động khắc phục hậu quả của các hành vi vi phạm này trong thời hạn quy định;

- c) Giám sát việc tổ chức thực hiện và thẩm định kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản Quỹ;
 - d) Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chỉ thanh toán từ tài sản của quỹ các khoản chi phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ;
 - e) Kiểm tra, giám sát các hoạt động khác của Công ty Quản Lý Quỹ trong việc quản lý tài sản của quỹ theo đúng quy định tại Điều 98 Luật Chứng khoán và Điều lệ này.
36. 2. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian mười (10) năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động của Ngân Hàng Giám Sát đối với Công ty Quản Lý Quỹ theo các quy định của Pháp Luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của UBCKNN.
36. 3. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công ty Quản Lý Quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.
36. 4. Ngân Hàng Giám Sát có quyền kiểm tra Công ty Quản Lý Quỹ, rà soát, thẩm định năng lực hệ thống máy tính, phần mềm máy tính, yêu cầu Công ty Quản Lý Quỹ kịp thời cung cấp các quy trình quản lý tài sản, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, Sổ tay định giá, quy trình nhận và thực hiện lệnh của Nhà Đầu Tư và các thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động quản lý tài sản của Quỹ, để Ngân Hàng Giám Sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của Pháp Luật.
36. 5. Ngân Hàng Giám Sát được sử dụng các dịch vụ cung cấp bởi Công ty kiểm toán và các tổ chức khác để thực hiện quy định tại Khoản 36.4 của Điều này. Ngân Hàng Giám Sát, các tổ chức, cá nhân thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty Quản Lý Quỹ theo yêu cầu của Ngân Hàng Giám Sát, có trách nhiệm bảo mật theo quy định của Pháp Luật đối với mọi thông tin của Công ty Quản Lý Quỹ, Quỹ và Nhà Đầu Tư. Biên bản kiểm tra có xác nhận bởi các bên liên quan và các tài liệu đính kèm phải được cung cấp cho Ban Đại Diện Quỹ, UBCKNN trong trường hợp có yêu cầu bằng văn bản.
36. 6. Công ty Quản Lý Quỹ có thể tùy từng thời điểm gửi tiền của Quỹ tại bất kỳ ngân hàng hoặc tổ chức nào khác mà được Ban đại diện quỹ phê duyệt, và Ngân Hàng Giám Sát sẽ, khi nhận được và theo chỉ thị phù hợp của Công ty Quản Lý Quỹ, gửi khoản tiền được lưu giữ bởi hoặc theo lệnh của Công ty Quản Lý Quỹ tới ngân hàng hoặc tổ chức đó.
36. 7. Đối với các loại chứng khoán mà Quỹ mua đầu tư hoặc thuộc sở hữu của Quỹ nhưng chưa được lưu ký tại Ngân Hàng Giám Sát thì Ngân Hàng Giám Sát có quyền xác minh hàng tháng việc đăng ký các chứng khoán này dưới tên của Quỹ. Nếu Quỹ gửi tiền tại

các ngân hàng hay tổ chức khác, Ngân Hàng Giám Sát xác minh hàng tháng những khoản tiền đó. Để thực hiện điều này, Công ty Quản Lý Quỹ yêu cầu tổ chức phát hành, các ngân hàng và tổ chức mà Quỹ gửi tiền, hàng tháng gửi xác nhận trực tiếp tới Ngân Hàng Giám Sát. Ngân Hàng Giám Sát có quyền tin tưởng vào xác nhận của các tổ chức phát hành, ngân hàng và tổ chức nhận tiền gửi và không chịu trách nhiệm cho những hành vi lừa dối, vi phạm pháp luật hay thiếu sót của các tổ chức phát hành, ngân hàng hay tổ chức nhận tiền gửi đó.

36. 8. Ngân Hàng Giám Sát sẽ không chịu trách nhiệm tiến hành việc định giá tài sản hoặc nghĩa vụ nợ của Quỹ mà chỉ có trách nhiệm kiểm tra việc định giá tài sản hoặc nghĩa vụ nợ của Quỹ do Công ty Quản Lý Quỹ tiến hành. Hơn nữa, nếu những trường hợp nêu dưới đây đối với việc định giá hoặc báo giá được ủy quyền hợp lệ theo các văn bản cấu thành theo luật của Quỹ (bao gồm Bản Cáo Bạch Quỹ, Điều lệ Quỹ và bất kỳ sửa đổi nào, nghị quyết được thông qua hợp lệ của Ban Đại Diện Quỹ hoặc Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ), Ngân Hàng Giám Sát sẽ không chịu trách nhiệm khi kiểm tra việc định giá của bất kỳ tài sản hoặc nghĩa vụ nợ nào của Quỹ do Công ty Quản Lý Quỹ tiến hành trong những trường hợp này.
- a) Ngân Hàng Giám Sát không thể kiểm tra việc định giá một cách độc lập, hoặc xác nhận giá trị của, bất kỳ tài sản hoặc nghĩa vụ nợ nào của Quỹ sử dụng ít nhất hai nguồn cung cấp giá độc lập; hoặc
 - b) Ngân Hàng Giám Sát được chỉ thị bởi Quỹ (Ban Đại Diện Quỹ hoặc Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ) hoặc Công ty Quản Lý Quỹ sử dụng dịch vụ cung cấp giá tự động, nhà môi giới, nhà tạo lập thị trường, nhà trung gian hoặc các bên thứ ba khác riêng biệt để xác định giá trị của bất kỳ tài sản hoặc nghĩa vụ nợ nào của Quỹ; hoặc
 - c) Ngân Hàng Giám Sát chỉ hoàn toàn dựa trên bất kỳ định giá hoặc thông tin liên quan đến định giá của các tài sản hoặc nghĩa vụ nợ của các Quỹ mà được cung cấp tới Ngân Hàng Giám Sát bởi: (i) Ban Đại Diện Quỹ hoặc Công ty Quản Lý Quỹ; và/hoặc (ii) bất kỳ tổ chức định giá, đại lý định giá thứ ba, tổ chức trung gian hoặc các bên thứ ba khác mà theo từng trường hợp do Ban Đại Diện Quỹ hoặc Công ty Quản Lý Quỹ chỉ định hoặc ủy quyền để cung cấp định giá hoặc thông tin liên quan đến định giá các tài sản và nghĩa vụ nợ của Quỹ tới Ngân Hàng Giám Sát.
 - d) (a), (b), (c) gọi chung là “Những Định Giá Bị Ánh Hường”
36. 9. Ngân Hàng Giám Sát sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại nào gây ra bởi bất kỳ người nào do hậu quả của bất kỳ sự không chính xác, sai sót hoặc trì hoãn nào trong Những Định Giá Bị Ánh Hường hoặc bất kỳ sai sót hệ quả nào trong Giá Trị Tài sản Ròng của Quỹ.
36. 10. Quỹ và Công ty Quản Lý Quỹ đồng ý sẽ bồi hoàn cho Ngân Hàng Giám Sát đối với mọi khoản nợ, khiếu nại, chi phí/giá dịch vụ, tổn thất hoặc các thiệt hại khác (ngoại trừ xuất phát từ sự gian lận, sơ suất hay bỏ qua có chủ định đối với trách nhiệm của Ngân Hàng Giám Sát) mà Ngân Hàng Giám Sát có thể gánh chịu tại bất kỳ thời điểm nào do kết quả trực tiếp hoặc gián tiếp của bất kỳ sự không chính xác, sai sót hoặc trì hoãn trong Những Định Giá Bị Ánh Hường.

36. 11. Trường hợp Công ty Quản Lý Quỹ không thực hiện các hoạt động nhằm khôi phục vị thế Quỹ trong thời gian quy định tại Thông tư hướng dẫn việc thành lập, tổ chức và hoạt động của công ty quản lý quỹ do Bộ Tài chính ban hành, Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm báo cáo UBCKNN trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày Ngân Hàng Giám Sát gửi thông báo cho Công ty Quản Lý Quỹ. Trong trường hợp này, Ngân Hàng Giám Sát có quyền chỉ thực hiện các lệnh, chỉ thị giao dịch hợp pháp của Công ty Quản Lý Quỹ mà không dẫn tới cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ vi phạm các quy định của pháp luật và các quy định khác tại Điều lệ Quỹ.

37. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát

37. 1. Ngân Hàng Giám Sát có thể chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
- a) Ngân Hàng Giám Sát bị chia, tách, giải thể, phá sản, bị hợp nhất, bị sáp nhập, hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định tại Khoản 2 Điều 51 Luật Chứng khoán;
 - b) Đơn phương chấm dứt hợp đồng lưu ký, hợp đồng giám sát được ký kết giữa Công ty Quản Lý Quỹ thay mặt cho Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát;
 - c) Quỹ bị giải thể, bị hợp nhất, bị sáp nhập;
 - d) Theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ;
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật.
37. 2. Nếu Ngân Hàng Giám Sát đơn phương chấm dứt hợp đồng lưu ký, hợp đồng giám sát được ký kết giữa Công ty Quản Lý Quỹ thay mặt cho Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát thì Ngân Hàng Giám Sát phải có thông báo trước ít nhất 30 (ba mươi) ngày cho Công ty Quản Lý Quỹ.
37. 3. Việc chuyển giao quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân Hàng Giám Sát được chuyển giao cho một Ngân Hàng Giám Sát khác phải theo quy định của Pháp Luật.

CHƯƠNG VIII: **CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN**

38. Các hoạt động được ủy quyền

Công ty Quản Lý Quỹ được quyền thuê bên thứ ba làm nhà cung cấp dịch vụ quản trị quỹ đầu tư và dịch vụ đại lý chuyển nhượng.

39. Tiêu chí lựa chọn Tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

- 39.1. Tổ chức cung cấp dịch vụ được lựa chọn phải có năng lực phù hợp, hệ thống quản lý, nhân sự, kinh nghiệm và chuyên môn để thực hiện các nhiệm vụ của Đại Lý Chuyển Nhượng và tổ chức quản trị Quỹ.
- 39.2. Tổ chức được lựa chọn làm Đại Lý Chuyển Nhượng phải là tổ chức có cơ sở kỹ thuật, vật chất để có thể phối hợp với Đại Lý Phân Phối và Nhà Đầu Tư, đồng thời có phần mềm ứng dụng có thể tương tác tốt với Đại Lý Phân Phối và Công ty Quản Lý Quỹ, có tính bảo mật cao, bảo vệ được các thông tin liên quan đến Nhà Đầu Tư, phù hợp với Pháp Luật và chuẩn mực quốc tế. Tổ chức được lựa chọn cung cấp dịch vụ quản trị quỹ đầu tư và Đại Lý Phân Phối phải có kế hoạch khôi phục và hỗ trợ thay thế khi hệ thống kỹ thuật có trục trặc xảy ra. Hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo được xây dựng phù hợp với Pháp Luật.

40. Trách nhiệm của Tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

40.1. Nguyên tắc của hoạt động ủy quyền

Tổ chức nhận ủy quyền phải thực hiện công việc theo đúng phạm vi công việc đã được ủy quyền và chịu trách nhiệm trong phạm vi đã được ủy quyền phù hợp với Pháp Luật và hợp đồng ký với Công ty Quản Lý Quỹ.

40.2. Phạm vi hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của các bên nhận ủy quyền

a) Đối với dịch vụ quản trị quỹ đầu tư:

- Lập báo cáo kế toán về các giao dịch của Quỹ; ghi nhận các lưu chuyển dòng tiền vào và ra của Quỹ;
- Chuẩn bị báo cáo tài chính cho Quỹ; phối hợp và hỗ trợ tổ chức kiểm toán của Quỹ tiến hành hoạt động kiểm toán Quỹ;
- Thực hiện xác định NAV của Quỹ và NAV trên mỗi đơn vị dựa trên chính sách kế toán của Quỹ phù hợp với các tài liệu Quỹ và luật áp dụng, với tần suất theo thỏa thuận giữa tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị Quỹ và Công ty Quản Lý Quỹ.

b) Dịch vụ đại lý chuyển nhượng

- Lập và quản lý sổ chính; mở, theo dõi và quản lý hệ thống các tài khoản của Nhà Đầu Tư, tài khoản ký danh; xác nhận quyền sở hữu Chứng Chi Quỹ;
- Giữ sổ theo dõi riêng về những thay đổi trong tổng số Chứng Chi Quỹ phát hành, số Chứng Chi Quỹ hữu bởi từng người năm giữ chứng chỉ, tên, địa chỉ, quốc tịch, địa chỉ và các yếu tố nhận dạng khác của người đó và ngay lập tức cập nhật tất cả những thay đổi nếu có;

- **Ghi nhận:**
 - ✓ tên và địa chỉ của mỗi người sở hữu các đơn vị Quỹ
 - ✓ số lượng đơn vị quỹ mỗi Nhà Đầu Tư của Quỹ sở hữu và lượng tiền trả cho các đơn vị quỹ này;
 - ✓ ngày nhập tên của mỗi Nhà Đầu Tư cho các đơn vị quỹ dưới tên của Nhà Đầu Tư đó.
 - ✓ ngày đăng ký chuyển nhượng cùng với tên và địa chỉ của người nhận chuyển nhượng.
 - ✓ các chi tiết khác như được quy định trong tài liệu Quỹ.
- Xử lý các yêu cầu về giao dịch (đăng ký mua, đăng ký bán, đăng ký chuyển đổi và chuyển nhượng) đối với các đơn vị quỹ, và các yêu cầu khác (như thay đổi về dữ liệu thông tin Nhà Đầu Tư) của Công ty Quản Lý Quỹ hoặc Đại Lý Phân Phối tương ứng và nhập vào Sổ Đăng Ký tất cả các yêu tố đó;
- Phân bổ và hủy bỏ đơn vị quỹ phù hợp với các điều khoản trong Tài liệu Quỹ, và trong các trường hợp chỉ phát hành đơn vị quỹ sau khi Ngân Hàng Giám Sát đã nhận tất cả tiền thanh toán liên quan đến việc đăng ký mua đơn vị quỹ;
- Chuẩn bị Sổ Đăng Ký điện tử sẵn sàng cho việc kiểm tra tại trụ sở của Đại Lý Chuyển Nhượng ở Việt Nam phù hợp với tài liệu Quỹ và theo yêu cầu tại từng thời điểm của luật áp dụng hoặc bộ luật và điều lệ của các cơ quan quản lý hoặc cơ quan có thẩm quyền mà Quỹ chịu sự quản lý;
- Tại bất kỳ thời điểm nào trong giờ làm việc cho phép Công ty Quản Lý Quỹ và bất cứ Đại Lý Phân Phối nào bằng chi phí/giá dịch vụ của Công ty Quản Lý Quỹ (nếu có) kiểm toán hoặc kiểm tra Sổ Đăng Ký và bất kỳ tài liệu và sổ sách nào khác được lưu giữ bởi Đại Lý Chuyển Nhượng; và chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu và sổ sách đó để Quỹ hoặc các đại lý hoặc đại diện của Quỹ trong giờ làm việc khi được yêu cầu cung cấp, và tương tự, cung cấp các thông tin, giải thích và hỗ trợ một cách hợp lý theo yêu cầu của Công ty Quản Lý Quỹ, đại lý hoặc đại diện của Công ty Quản Lý Quỹ; và
- Mở và quản lý tài khoản của Nhà Đầu Tư sở hữu đơn vị Quỹ dưới tên của Nhà Đầu Tư theo chỉ thị của Công ty Quản Lý Quỹ hoặc Đại Lý Phân Phối tương ứng;
- Sắp xếp thanh toán cổ tức cho Nhà Đầu Tư của Quỹ theo chỉ thị của Công ty Quản Lý Quỹ;
- Sắp xếp để trả lại các khoản đăng ký mua vượt quá cho Nhà Đầu Tư sau mỗi đợt phân phối theo Chỉ thị của Công ty Quản Lý Quỹ hoặc Đại Lý Phân Phối tương ứng;
- Sắp xếp thanh toán thanh lý quỹ cho Nhà Đầu Tư của Quỹ theo Chỉ thị của Công ty Quản Lý Quỹ hoặc Đại Lý Phân Phối tương ứng với sự chấp thuận của Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc ban đại diện của Quỹ (hoặc cơ quan điều hành khác của Quỹ) và từ các cơ quan có thẩm quyền (nếu cần).

40.3. Yêu cầu về chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu

Các chứng từ, sổ sách liên quan đến dịch vụ được ủy quyền thực hiện phải được tổ chức

nhận ủy quyền lưu trữ trong thời hạn theo yêu cầu của Pháp Luật. Tổ chức nhận ủy quyền có trách nhiệm tạo dựng cơ sở dữ liệu phù hợp với nhu cầu Công việc đảm nhận sao cho thuận tiện, đầy đủ và hiệu quả.

- 40.4. Bên nhận ủy quyền phải thực hiện các hoạt động nhận ủy quyền một cách hiệu quả, cẩn trọng, có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan tới Nhà Đầu Tư và đối tác của Công ty Quản Lý Quỹ;
- 40.5. Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho Công ty Quản Lý Quỹ các báo cáo kiểm toán độc lập đối với các nội dung có liên quan tới hoạt động ủy quyền, phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của Công ty Quản Lý Quỹ.
- 41. Trách nhiệm của Công ty Quản Lý Quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền**
- 41.1. Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của Công ty Quản Lý Quỹ đối với Quỹ;
- 41.2. Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, Công ty Quản Lý Quỹ phải thẩm định năng lực, cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin của bên nhận ủy quyền bảo đảm bên nhận ủy quyền có quy trình nghiệp vụ, đủ năng lực về nhân sự và hệ thống để thực hiện các hoạt động được ủy quyền, bao gồm hệ thống kiểm soát nội bộ, trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, hệ thống dự phòng thảm họa, hệ thống dự phòng nóng, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn;
- 41.3. Định kỳ kiểm tra, giám sát thường xuyên bảo đảm hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ này, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp của bên nhận ủy quyền, phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của Quỹ;
- 41.4. Công ty Quản Lý Quỹ được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm như quy định nêu trên;
- 41.5. Duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết để có đủ khả năng giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền;
- 41.6. Xây dựng có quy trình, hệ thống bảo đảm tại mọi thời điểm Công ty Quản Lý Quỹ, tổ chức kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền;
- 41.7. Công ty Quản Lý Quỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm phát sinh từ việc ủy quyền. Công ty Quản Lý Quỹ phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà Đầu Tư;
- 41.8. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hoạt động ủy quyền;
- 41.9. Lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền;

41.10. Tối thiểu một năm một lần, Công ty Quản Lý Quỹ phải lập báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động ủy quyền với các nội dung sau:

- a) Chi phí/giá dịch vụ phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí/giá dịch vụ hoạt động của Quỹ;
- b) Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của Quỹ;
- c) Tổng chi phí/giá dịch vụ các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho Công ty Quản Lý Quỹ);
- d) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà Đầu Tư.

42. **Chấm dứt hoạt động ủy quyền**

42.1. Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ được Công ty Quản Lý Quỹ ủy quyền đối với Quỹ trong các trường hợp sau:

- a) Tổ chức nhận ủy quyền đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình;
- b) Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt hoạt động, bị phá sản hoặc giải thể;
- c) Tổ chức nhận ủy quyền bị thu hồi giấy phép về lĩnh vực thực hiện;
- d) Tổ chức nhận ủy quyền bị hợp nhất hoặc bị sáp nhập bởi tổ chức khác;
- e) Theo đề nghị của Đại Hội Nhà Đầu Tư;
- f) Theo đề nghị của Công ty Quản Lý Quỹ;
- g) Quỹ bị giải thể;
- h) Quỹ bị sáp nhập, hợp nhất vào một quỹ khác theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư

42.2. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của tổ chức nhận ủy quyền chỉ chấm dứt khi mọi quyền và nghĩa vụ của tổ chức nhận ủy quyền được bàn giao đầy đủ cho Công ty Quản Lý Quỹ hoặc cho tổ chức mà Công ty Quản Lý Quỹ chỉ định phù hợp với quy định của Pháp Luật và hợp đồng được ký kết giữa Công ty Quản Lý Quỹ và tổ chức nhận ủy quyền.

CHƯƠNG IX: ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

43. Tiêu chuẩn lựa chọn Đại Lý Phân Phối Chứng Chỉ Quỹ

Tổ chức được Công ty Quản Lý Quỹ lựa chọn làm Đại Lý Phân Phối phải đáp ứng các điều kiện sau:

- 43.1. Là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán, công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại và tổ chức kinh tế khác. Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại, tổ chức kinh tế khác thì phải làm thủ tục đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ với UBCKNN;
- 43.2. Tại thời điểm đăng ký hoạt động, có ít nhất một địa điểm kinh doanh được lựa chọn là địa điểm phân phối Chứng Chỉ Quỹ đáp ứng yêu cầu của Pháp Luật;
- 43.3. Có quy trình nghiệp vụ phân phối Chứng Chỉ Quỹ, bao gồm cả quy trình, thủ tục nhận biết, cập nhật thông tin, biện pháp xác minh thông tin về Nhà Đầu Tư và người được hưởng lợi, quy tắc đạo đức nghề nghiệp áp dụng đối với nhân viên phân phối Chứng Chỉ Quỹ, quy định nội bộ nhằm ngăn ngừa hành vi sau thời điểm nhận lệnh, ngăn ngừa hành vi đầu cơ lợi dụng chênh lệch thời gian, lợi dụng việc định giá sai đơn vị quỹ theo thông lệ quốc tế.
- 43.4. Đại Lý Phân Phối không phải là tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng lưu ký, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm thì không được:
 - a) Làm đại lý ký danh;
 - b) Đồng thời làm Đại Lý Phân Phối cho Công ty Quản Lý Quỹ khác nếu không được chấp thuận bằng văn bản của Công ty Quản Lý Quỹ mà mình đang làm đại lý phân phối.

44. Hoạt động của Đại Lý Phân Phối

- 44.1. Tổng hợp đầy đủ thông tin về Nhà Đầu Tư và người được hưởng lợi theo quy định của Pháp Luật và các quy định về phòng chống rửa tiền và đấu tranh chống tài trợ khủng bố;
- 44.2. Nhận và chuyển lệnh giao dịch của từng Nhà Đầu Tư tới Công ty Quản Lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Đại Lý Phân Phối không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch, không được trực tiếp nhận tiền và thanh toán giao dịch Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư; Đại Lý Phân Phối chỉ được nhận lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư khi phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ các thông tin theo mẫu quy định của pháp luật điều chỉnh. Phiếu lệnh phải được Đại Lý Phân Phối lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Đồng thời phải bảo đảm ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh từ nhà đầu tư. Trường hợp lệnh nhận qua điện thoại, fax, lệnh giao dịch trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác thì tuân thủ theo quy định về giao dịch điện tử và lưu trữ phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử.
- 44.3. Hỗ trợ Nhà Đầu Tư thực hiện các thủ tục thay đổi thông tin tại Sổ Đăng Ký, xác nhận quyền sở hữu Đơn Vị Quỹ của Nhà Đầu Tư, chuyển quyền sở hữu phù hợp với Pháp

Luật và Điều Lệ này.

- 44.4. Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với Nhà Đầu Tư, đảm bảo cập nhật cho Nhà Đầu Tư một cách chính xác, đầy đủ, và kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của Nhà Đầu Tư về sản phẩm quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của Nhà Đầu Tư; cung cấp cho Nhà Đầu Tư bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính của Quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, các thông tin khác; thực hiện chế độ báo cáo, Công bố thông tin theo ủy quyền của Công ty Quản Lý Quỹ.
- 44.5. Hỗ trợ Công ty Quản Lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư; nhận ủy quyền tham dự và thực hiện quyền biểu quyết theo chỉ thị bằng văn bản của Nhà Đầu Tư.
- 44.6. Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về Nhà Đầu Tư và các giao dịch của Nhà Đầu Tư. Cung cấp các thông tin này cho Công ty Quản Lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và UBCKNN theo yêu cầu của các tổ chức này.
- 44.7. Đại lý phân phối không phải là tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng lưu ký, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm thì không được:
 - a) Làm đại lý ký danh;
 - b) Đồng thời làm đại lý phân phối cho công ty quản lý quỹ khác nếu không được chấp thuận bằng văn bản của công ty quản lý quỹ mà mình đang làm đại lý phân phối.

45. Hoạt động của đại lý ký danh

- 45.1. Lập và quản lý sổ phụ đối với Nhà Đầu Tư đăng ký giao dịch trên tài khoản ký danh; lập và quản lý hệ thống tiêu khoản; cập nhật và cung cấp đầy đủ thông tin về Nhà Đầu Tư, bao gồm cả thông tin về sở hữu, thông tin về giao dịch cho Công ty Quản Lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan;
- 45.2. Thực hiện lệnh giao dịch cho tài khoản ký danh trên cơ sở tổng hợp các lệnh giao dịch từ Nhà Đầu Tư, bảo đảm lệnh mua được thực hiện đầy đủ, lệnh bán được phân bổ một cách công bằng và việc thanh toán được thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật;
- 45.3. Thực hiện mọi chức năng, nhiệm vụ và các hoạt động của Đại Lý Phân Phối quy định tại điều lệ này và quy định của pháp luật.
- 45.4. Đại lý ký danh phải tuân thủ quy định sau:
 - a) Tài sản trên tài khoản ký danh không thuộc sở hữu của đại lý ký danh, mà thuộc quyền sở hữu của Nhà Đầu Tư tại sổ phụ. Các Nhà Đầu Tư này được thừa hưởng mọi quyền lợi và lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu tương ứng với số đơn vị quỹ đang nắm giữ có trên tài khoản ký danh. Nhà Đầu Tư có quyền yêu cầu đại lý ký danh thực hiện việc chuyển quyền sở hữu số đơn vị quỹ có trên tài khoản ký danh sang tài khoản của Nhà Đầu Tư (nếu có);
 - b) Đại lý ký danh phải quản lý tách biệt tiền, tài sản của từng Nhà Đầu Tư; quản lý tách biệt tiền và tài sản của Nhà Đầu Tư với tiền, tài sản của chính mình. Đại lý ký danh muốn

giao dịch chứng chỉ quỹ cho chính mình thì phải mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ độc lập với tài khoản ký danh, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Thông tư này;

- c) Đại lý ký danh không được sử dụng tiền, tài sản của Nhà Đầu Tư dưới mọi hình thức; không được gửi, rút, chuyển khoản, thực hiện các giao dịch liên quan tới tài sản của Nhà Đầu Tư trên tài khoản ký danh; không được nhận ủy quyền của Nhà Đầu Tư thực hiện chuyển tiền, tài sản giữa các tiểu khoản của các Nhà Đầu Tư. Các giao dịch liên quan tới tài sản của Nhà Đầu Tư chỉ được phép thực hiện nếu phù hợp với quy định của pháp luật và theo lệnh, chỉ thị hợp pháp và bằng văn bản của Nhà Đầu Tư;
- d) Đại lý ký danh phải mở tài khoản tiền gửi thanh toán giao dịch chứng chỉ quỹ theo quy định tại khoản 23 Điều 2 Thông tư này tại Ngân Hàng Giám Sát để nhận và thanh toán tiền cho các giao dịch chứng chỉ quỹ của Nhà Đầu Tư. Đại lý ký danh chỉ được sử dụng tài khoản này để thanh toán cho các giao dịch chứng chỉ quỹ của Nhà Đầu Tư hoặc trả lại tiền cho đúng Nhà Đầu Tư đã chuyển tiền nếu có yêu cầu. Ngân Hàng Giám Sát, tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan, Công ty Quản Lý Quỹ, đại lý ký danh cùng xây dựng hệ thống hoặc có cơ chế phối kết hợp để thường xuyên kiểm tra, đối soát các hoạt động của tài khoản này, bảo đảm:
 - Theo dõi được chính xác tại mọi thời điểm số dư tiền (nếu có) của từng Nhà Đầu Tư trên tài khoản này và cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác về số dư tiền (nếu có) theo yêu cầu bằng văn bản của Nhà Đầu Tư, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;
 - Tiền (nếu có) của Nhà Đầu Tư không bị lạm dụng hoặc bị sử dụng mà chưa được ủy quyền của Nhà Đầu Tư bằng văn bản. Trường hợp phát hiện có dấu hiệu vi phạm quy định này, Ngân Hàng Giám Sát, Công ty Quản Lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan có trách nhiệm báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thông báo cho Nhà Đầu Tư trong vòng 24 giờ;

Trong thời hạn ba (03) ngày, kể từ ngày nhận được các khoản thanh toán từ quỹ hoặc từ Nhà Đầu Tư tham gia vào quỹ, đại lý ký danh phải hoàn tất việc thanh toán cho Nhà Đầu Tư theo lệnh, chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát, hoặc thanh toán cho quỹ theo chỉ thị của Nhà Đầu Tư.

- e) Đại lý ký danh phải mở, quản lý tiểu khoản giao dịch độc lập, tách biệt với từng Nhà Đầu Tư. Tổng số dư trên các tiểu khoản phải khớp với số dư trên tài khoản ký danh, số dư trên từng tiểu khoản phải khớp với số liệu sở hữu Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư tại Sở.

46. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối Chứng Chỉ Quỹ

- 46.1 Đại Lý Phân Phối, nhân viên phân phối phải tự nguyện, Công bằng, trung thực đối với Nhà Đầu Tư, cung cấp đầy đủ, kịp thời mọi thông tin chính xác để Nhà Đầu Tư tự đưa ra quyết định đầu tư. Các thông tin, dữ liệu, dự báo kinh tế cung cấp cho Nhà Đầu Tư phải dựa trên những sự kiện có thực và kèm theo các tài liệu dẫn chiếu do các tổ chức kinh tế tài chính chuyên nghiệp phát hành và đã được Công bố Công khai. Nhân viên phân phối Chứng Chỉ Quỹ không được cung cấp các thông tin chưa được kiểm chứng, tin đồn, thông tin sai lệch cho Nhà Đầu Tư.

- 46.2 Nhân viên phân phối chi chào bán Chứng Chỉ Quỹ sau khi Nhà Đầu Tư đã được cung cấp đầy đủ Điều Lệ và Bản Cáo Bạch của Quỹ, bản cáo bạch tóm tắt, hợp đồng dẫn chiếu trong Bản Cáo Bạch, các báo cáo mới nhất về hoạt động của Quỹ. Nhân viên phân phối phải giải thích cho Nhà Đầu Tư hiểu được các nội dung tại Điều Lệ và Bản Cáo Bạch của Quỹ đặc biệt là mục tiêu và chính sách đầu tư của Quỹ, chiến lược đầu tư của Quỹ để đạt được mục tiêu đầu tư, đặc tính về lợi nhuận và rủi ro, chính sách phân phối lợi nhuận, thuế, phí, giá dịch vụ, lệ phí và các chi phí khác; cơ chế giao dịch Chứng Chỉ Quỹ.
- 46.3 Nhân viên phân phối phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời cho Nhà Đầu Tư mọi thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ với hàm ý các kết quả hoạt động trước đó chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường.
- 46.4 Nhân viên phân phối không được cung cấp thông tin sai sự thật, khuyếch đại sự thật, dễ gây hiểu nhầm, cung cấp không đầy đủ thông tin, đưa ra các dự báo để dụ dỗ hay mời chào Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ, không gây hiểu nhầm về các đặc tính lợi nhuận và rủi ro của Chứng Chỉ Quỹ. Khi so sánh với các sản phẩm quỹ mở khác, phải chỉ rõ những khác biệt giữa các quỹ để Nhà Đầu Tư lựa chọn. Không được trực tiếp, gián tiếp thực hiện các hành vi nhằm lôi kéo, xúi giục Nhà Đầu Tư mua chứng chỉ quỹ có mức độ rủi ro cao trong trường hợp Nhà Đầu Tư chưa hiểu hết về các rủi ro tiềm ẩn khi đầu tư vào quỹ, hoặc các quỹ đó không phù hợp với mục tiêu đầu tư và năng lực tài chính của Nhà Đầu Tư.
- 46.5 Đại Lý Phân Phối, nhân viên phân phối có trách nhiệm bảo mật các thông tin về Nhà Đầu Tư, thông tin về giao dịch của Nhà Đầu Tư, không được sử dụng các thông tin đó với bất kỳ mục đích gì, trừ trường hợp được Nhà Đầu Tư đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.
- 46.6 Đại Lý Phân Phối không được chiết khấu, giảm giá giao dịch chứng chỉ quỹ dưới bất kỳ hình thức nào; không được tặng quà, sử dụng lợi ích vật chất hay tài chính dưới mọi hình thức để mời chào, dụ dỗ Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ; không được yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiệp nhận dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa tổ chức, từ Công ty Quản Lý Quỹ bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận, lợi ích nào để mời chào Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ, ngoài các mức phí/giá dịch vụ đã được Công bố tại Bản Cáo Bạch và tại các hợp đồng phân phối ký với Công ty Quản Lý Quỹ.
- 46.7 Đại Lý Phân Phối không được phân phối Chứng Chỉ Quỹ tại các địa điểm kinh doanh chưa đăng ký hoạt động hoặc được cấp phép hoạt động theo quy định của Pháp Luật hoặc chưa thông báo với UBCKNN. Đại Lý Phân Phối phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của các địa điểm phân phối Chứng Chỉ Quỹ, nhân viên phân phối Chứng Chỉ Quỹ khi phân phối Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư.
- 46.8 Công ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối hàng năm phải tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ, kiến thức cho đội ngũ nhân viên phân phối Chứng Chỉ Quỹ. Thông tin về hoạt động đào tạo trong năm của Công ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối phải được gửi kèm trong báo cáo hoạt động hàng năm của Công ty Quản Lý Quỹ.

CHƯƠNG X: KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

47. Công ty Kiểm toán

Công ty kiểm toán được lựa chọn phải được thành lập và hoạt động phù hợp với quy định của Pháp Luật, nằm trong danh sách các công ty kiểm toán được UBCKNN chấp thuận kiểm toán cho tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán và không được là người có liên quan của Công ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát. Năm đầu tiên, công ty kiểm toán của Quỹ sẽ được Công ty Quản Lý Quỹ đề cử để Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua. Các năm sau đó, Đại Hội Nhà Đầu Tư ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán. Công ty Quản Lý Quỹ sẽ đề xuất với Ban Đại Diện Quỹ ít nhất (02) công ty kiểm toán để kiểm toán cho Quỹ

48. Năm Tài chính

- 48.1 Năm tài chính là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm.
- 48.2 Trường hợp thời gian từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn 90 ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.

49. Chế độ kế toán

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam (VAS) và tuân thủ các quy định khác liên quan tới công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định. Đồng Việt Nam sẽ là đồng tiền được sử dụng và thể hiện.

50. Báo cáo tài chính

- 50.1 Công ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm duy trì sổ sách kế toán và chuẩn bị báo cáo tài chính cho Quỹ. Phù hợp với quy định tại Điều 38 của Điều Lệ này, Công ty Quản Lý Quỹ có thể ủy quyền cho một nhà cung cấp dịch vụ để thực hiện Công việc này. Mọi Sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của Quỹ sẽ được lưu tại văn phòng của Công ty Quản Lý Quỹ hoặc của nhà cung cấp dịch vụ mà Công ty Quản Lý Quỹ ủy quyền. Ban Đại Diện Quỹ có quyền kiểm tra bất kỳ báo cáo, sổ sách kế toán, hoặc tài liệu nào của Quỹ.
- 50.2 Báo cáo tài chính trình bày trước Đại Hội Nhà Đầu Tư sẽ do Ban Giám đốc Công ty Quản Lý Quỹ ký và Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ thay mặt cho Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt. Các báo cáo của Công ty kiểm toán và của Ban Đại Diện Quỹ, nếu có, sẽ được đính kèm cùng các báo cáo tài chính. Các báo cáo này sẽ được trình bày tại Đại Hội Nhà Đầu Tư và bất cứ Nhà Đầu Tư nào cũng có thể xem các báo cáo đó.
- 50.3 Tất cả các báo cáo tài chính soát xét bán niên/ hàng năm đã được soát xét/ kiểm toán cùng với báo cáo kiểm toán độc lập bao gồm cả mọi tài liệu buộc phải đính kèm khác theo yêu cầu của Pháp Luật sẽ được trình bày tại Đại Hội Nhà Đầu Tư và công bố công

khai trên website của Công ty Quản Lý Quỹ để Nhà Đầu Tư có thể tham khảo.

51. Báo cáo khác

Công ty Quản Lý Quỹ phải tuân thủ các quy định của UBCKNN về chế độ báo cáo và Công bố thông tin liên quan đến các hoạt động của Quỹ.

CHƯƠNG XI: GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUÝ

52. Xác định Giá trị Tài sản Ròng (“NAV”)

- 52.1 Công ty Quản Lý Quỹ chịu trách nhiệm xác định NAV của Quỹ và NAV trên mỗi Đơn Vị Quỹ. Công ty Quản Lý Quỹ có thể ủy quyền cho nhà cung cấp dịch vụ để cung cấp dịch vụ xác định giá trị NAV theo quy định tại Điều 38 của Điều Lệ này nhưng phải kiểm tra, giám sát để đảm bảo rằng việc xác định NAV phải đưa ra giá trị chính xác và hợp lý cho các tài sản của Quỹ và phù hợp với quy định của Pháp Luật.
- 52.2 Giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ phải được Ngân Hàng Giám Sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân Hàng Giám Sát đã được Công ty Quản Lý Quỹ chấp thuận. Trường hợp bị định giá sai, Ngân Hàng Giám Sát phải thông báo và yêu cầu Công ty Quản Lý Quỹ điều chỉnh trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ. Trong thời hạn tối đa ba (03) ngày, kể từ ngày định giá, giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công ty Quản Lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, Đại Lý Phân Phối và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- 52.3 NAV của Quỹ được xác định vào Ngày Định Giá là ngày mà công ty quản lý quỹ xác định giá trị tài sản ròng của quỹ theo quy định tại Luật Chứng khoán. NAV của quỹ được xác định bằng tổng giá trị thị trường các tài sản có trong danh mục trừ đi tổng nợ phải trả của quỹ, bao gồm các khoản nợ, các nghĩa vụ thanh toán của quỹ tính đến ngày gần nhất trước Ngày Định Giá.
- 52.4 NAV của một Đơn Vị Quỹ bằng NAV của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá. Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Quỹ sẽ được làm tròn xuống đến 2 (hai) chữ số thập phân.

53. Phương pháp, quy trình xác định Giá trị Tài sản Ròng (“NAV”) của Quỹ

- 53.1 Phương pháp xác định NAV của Quỹ và NAV trên một Đơn Vị Quỹ sẽ được ghi rõ trong sổ tay định giá và sẽ tuân thủ Pháp Luật và thông lệ quốc tế tốt nhất. Sổ tay định giá phải được Ngân Hàng Giám Sát xác nhận và Ban Đại Diện Quỹ phê chuẩn. Những thay đổi trong sổ tay định giá phải được Ngân Hàng Giám Sát xem xét trước khi đệ trình cho Ban Đại diện Quỹ phê duyệt.

53.2 Công ty Quản Lý Quỹ sẽ thành lập hội đồng định giá để xác định giá hợp lý trong những trường hợp sổ tay định giá không quy định hoặc không xác định rõ ràng.

Việc xác định giá thị trường của tài sản được thực hiện theo phương pháp quy định tại Phụ lục [4] đính kèm.

54. Quy trình định giá tài sản Quỹ

54.1 Trước Ngày Định Giá

Các nghiệp vụ hàng ngày sẽ được cập nhật ngay khi phát sinh bao gồm:

- Các nghiệp vụ mua, bán chứng khoán trong ngày;
- Các nghiệp vụ thanh toán chi phí/giá dịch vụ liên quan đến Quỹ, các hợp đồng gửi tiền có kỳ hạn;
- Các thông tin về quyền, cổ tức, cổ phiếu thường phát sinh liên quan đến chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;
- Các nghiệp vụ kế toán ghi nhận giao dịch mua/mua lại Chứng Chỉ Quỹ sau ngày giao dịch cuối cùng gần nhất;
- Hàng tuần đối chiếu số dư tiền và chứng khoán tại ngân hàng lưu ký;
- Hàng tuần đối chiếu số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành với Đại lý chuyên nhượng;
- Trích lập các khoản dự thu như lãi tiền gửi, lãi trái phiếu, cổ tức tính đến ngày trước Ngày Định Giá;
- Trích lập các khoản dự chi như giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ ngân hàng lưu ký giám sát, giá dịch vụ đại lý chuyên nhượng, giá dịch vụ quản trị quỹ và các chi phí/giá dịch vụ khác liên quan đến hoạt động của Quỹ... tính đến ngày trước Ngày Định Giá;
- Thu thập giá chứng khoán giao dịch trên trang web của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Hồ Chí Minh, từ các Công ty chứng khoán, các hệ thống báo giá (Bloomberg/Reuters/VNBF...), thu thập dữ liệu lãi suất trái phiếu trên Bloomberg, hoặc Reuters, và các nguồn có liên quan dùng để định giá chứng khoán tính đến ngày trước Ngày Định Giá;
- Thực hiện đánh giá lại chứng khoán trong danh mục đầu tư.

54.2 Tại ngày sau Ngày Định Giá

- Công ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát xác nhận NAV trên một Đơn Vị Quỹ;
- Công ty Quản Lý Quỹ Công bố NAV trên một Đơn Vị Quỹ.

54.3 Trong thời hạn ba (03) Ngày Làm Việc sau ngày giao dịch Chứng Chỉ Quỹ:

Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại Lý Chuyển Nhượng tính toán kết quả giao dịch Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư.

54.4 Trong thời hạn ba (03) Ngày Làm Việc sau ngày giao dịch Chứng Chỉ Quỹ:

Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại Lý Chuyển Nhượng sẽ cập nhật đầy đủ thông tin về sở hữu sau giao dịch của Nhà Đầu Tư tại Sổ Đăng Ký và cung cấp thông tin cho Đại Lý Phân Phối để gửi bản xác nhận giao dịch cho Nhà Đầu Tư.

54.5 Trong thời gian năm (05) Ngày Làm Việc sau ngày giao dịch Chứng Chỉ Quỹ:

Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại Lý Chuyển Nhượng sẽ chuyển tiền mua lại Chứng Chỉ Quỹ theo đăng ký thông tin tài khoản của Nhà Đầu Tư.

55. Đền bù thiệt hại cho Nhà Đầu Tư và Quỹ

- 55.1 Thiệt hại gánh chịu bởi Nhà Đầu Tư thực hiện giao dịch Chứng Chỉ Quỹ khi NAV của Quỹ bị định giá sai và mức độ sai sót được coi là lớn khi đạt từ 0,75% (không phẩy bảy

(lăm phần trăm) của NAV trở lên.

Khi mức độ sai sót đạt đến mức quy định trên, Công ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm xây dựng phương án khắc phục, giải quyết bằng hai cách sau đây:

- Điều chỉnh số lượng Đơn Vị Quỹ mà Nhà Đầu Tư bị thiệt hại nắm giữ, chỉ áp dụng trong trường hợp chi phí đền bù cho Nhà Đầu Tư được hạch toán vào chi phí của Quỹ
- Thanh toán bằng chuyển khoản trong trường hợp số tiền thiệt hại cho từng Nhà Đầu Tư vượt quá 100.000 VND (một trăm nghìn đồng Việt Nam). Trường hợp số tiền thiệt hại cho từng Nhà Đầu Tư nhỏ hơn 100.000 VND (một trăm nghìn đồng Việt Nam) sẽ được tự động hạch toán cho Quỹ.

55.2 Trong trường hợp Quỹ bị định giá thấp, mức đền bù cho Quỹ và Nhà Đầu Tư được xác định như sau:

- a) Đối với Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ trước thời gian Quỹ bị định giá sai và bán Chứng Chỉ Quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn Vị Quỹ Nhà Đầu Tư đã bán. Chi phí đền bù cho Nhà Đầu Tư được hạch toán vào Quỹ.
- b) Đối với Quỹ: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn Vị Quỹ mà Quỹ đã phát hành trong thời gian bị định giá sai và hiện còn đang lưu hành. Chi phí đền bù cho Quỹ được hạch toán vào chi phí hoạt động của Công ty Quản Lý Quỹ nếu không thu hồi được từ Nhà Đầu Tư có liên quan hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ chịu trách nhiệm cho sai sót đó.

55.3 Trong trường hợp Quỹ bị định giá cao, mức đền bù cho Quỹ và cho Nhà Đầu Tư được xác định như sau:

- a) Đối với Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai và tiếp tục sở hữu sau thời gian Quỹ bị định giá sai: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn Vị Quỹ Nhà Đầu Tư đã mua và còn tiếp tục nắm giữ sau thời gian bị định giá sai. Chi phí đền bù cho Nhà Đầu Tư được hạch toán vào Quỹ.
- b) Đối với Quỹ: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn Vị Quỹ mà Quỹ đã phát hành ra trước thời gian Quỹ bị định giá sai và Quỹ đã mua lại trong thời gian đó. Chi phí đền bù cho Quỹ được hạch toán vào chi phí hoạt động của Công ty Quản Lý Quỹ nếu không thu hồi được từ Nhà Đầu Tư có liên quan hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ chịu trách nhiệm cho sai sót đó.

56. **Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá**

Hàng năm, Công ty Quản Lý Quỹ sẽ lựa chọn và trình Ban Đại Diện Quỹ để phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá cho Quỹ. Tổ chức cung cấp báo giá phải được thành lập và hoạt động phù hợp với quy định của Pháp Luật, có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ báo giá và không được là người có liên quan của Công ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.

CHƯƠNG XII: **LỢI NHUẬN VÀ CHI PHÍ/GIÁ DỊCH VỤ CỦA QUÝ**

57. Phân phối lợi nhuận

- 57.1.1 Công ty quản lý quỹ được phân chia lợi nhuận của quỹ cho nhà đầu tư theo quy định tại điều lệ quỹ và chính sách phân chia lợi nhuận đã được công bố tại bản cáo bạch. Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại hoặc từ thu nhập của quỹ. Công ty quản lý quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại điều lệ quỹ; ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ.
- 57.2 Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng đơn vị quỹ. Việc phân chia lợi nhuận bằng đơn vị quỹ phải được sự chấp thuận của đại hội nhà đầu tư hoặc được sự chấp thuận của ban đại diện quỹ (nếu đại hội nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho ban đại diện quỹ quyết định phù hợp với quy định tại điều lệ quỹ) hoặc được quy định cụ thể tại điều lệ quỹ, bản cáo bạch. Khối lượng đơn vị quỹ được phân chia trên cơ sở giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại ngày chốt danh sách nhà đầu tư hoặc một giá trị khác theo quy định tại điều lệ quỹ.
- 57.3 Công ty quản lý quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, giá dịch vụ, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho nhà đầu tư.
- 57.4 Sau khi phân chia lợi nhuận, công ty quản lý quỹ phải gửi cho nhà đầu tư báo cáo tổng kết việc phân chia lợi nhuận quỹ, bao gồm các nội dung sau:
- a) Hình thức phân chia lợi nhuận (bằng tiền hoặc bằng đơn vị quỹ);
 - b) Tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận;
 - c) Giá trị lợi nhuận được phân chia, số lượng đơn vị quỹ phát hành để phân chia (trong trường hợp chia lợi nhuận bằng đơn vị quỹ);
 - d) Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước khi phân chia lợi nhuận và sau khi phân chia lợi nhuận;
 - e) Các ảnh hưởng tác động tới giá trị tài sản ròng của quỹ sau khi phân chia.
- 57.5 Trường hợp có quy định tại điều lệ quỹ và bản cáo bạch, công ty quản lý quỹ được phân chia tài sản của quỹ cho nhà đầu tư nhiều hơn lợi nhuận đã thực hiện, nhưng phải bảo đảm giá trị tài sản ròng của quỹ sau khi thực hiện không được thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng. Kế hoạch, lộ trình thực hiện, quy mô tài sản phân chia, nguồn vốn thực hiện phải được đại hội nhà đầu tư chấp thuận.
- 57.6 Thông tin về hoạt động phân chia lợi nhuận quỹ, phân chia tài sản của quỹ đã thực hiện phải được cập nhật tại các bản cáo bạch sửa đổi, bổ sung.

57.7 Trường hợp nhà đầu tư đã chuyển nhượng số đơn vị quỹ của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách nhà đầu tư và thời điểm chi trả thì người chuyển nhượng là người nhận lợi nhuận

58. Giá dịch vụ và Chi phí hoạt động của Quỹ

58.1 Giá dịch vụ Quản Lý

Giá dịch vụ quản lý được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước Ngày Định Giá và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản Lý Quỹ. Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Giá dịch vụ Quản Lý sẽ là 1,5% /NAV/năm và có thể thay đổi khi được Đại Hội Nhà Đầu Tư phê duyệt.

Phù hợp với quy định của pháp luật, trong mọi trường hợp, tổng giá dịch vụ quản lý như nêu tại đây, giá dịch vụ quản trị quỹ và giá dịch vụ Đại Lý Chuyển Nhượng như nêu tại khoản 58.2 của Điều này sẽ tuân thủ mức tối đa theo yêu cầu của pháp luật.

58.2 Giá dịch vụ ngân hàng lưu ký, giám sát, quản trị quỹ và các chi phí khác liên quan đến vận hành hoạt động của Quỹ

Giá dịch vụ lưu ký, giám sát, và quản trị quỹ được trả cho Ngân Hàng Giám Sát và lưu ký để cung cấp dịch vụ Ngân Hàng Giám Sát, lưu ký và quản trị quỹ cho Quỹ. Giá dịch vụ được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày Ngày Định Giá và được trả hàng tháng. Số tiền trả dịch vụ hàng tháng là tổng số được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

STT	Loại Giá dịch vụ	Mức giá dịch vụ	Tối thiểu/tối đa	Ghi chú
I	Giá dịch vụ lưu ký, giám sát			
1.1	Dịch vụ Lưu ký	0,06%/NAV/Năm	Tối thiểu: 20.000.000 đồng /tháng	
1.2	Dịch vụ Giám sát	0,02%/NAV/Năm	Tối thiểu: 5.000.000 đồng /tháng	Thuế VAT 10%
II	Giá dịch vụ lưu ký xử lý hồ sơ			
2.1	Đối với giao dịch cổ phiếu niêm yết/dăng ký giao dịch	0,03% giá trị giao dịch	Tối thiểu 100.000 đồng/ngày giao	

2.2	Đối với giao dịch trái phiếu niêm yết/d đăng ký giao dịch	0,01% giá trị giao dịch	dịch, Tối đa 10.000.000 đồng/ngày giao dịch	
2.3	Đối với các giao dịch mua bán CK OTC và các tài sản khác	100.000 đồng/giao dịch		
III	Giá dịch vụ quản trị quỹ	0.03%/NAV/Năm	Tối thiểu: 15,000,000 đồng/tháng	
IV	Giá dịch vụ lưu ký, chuyển khoản của VSD (Phí của bên thứ 3)			
4.1	Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng	10,000,000 đồng/tháng		Chưa gồm thuế VAT (nếu có)
4.2	Giá dịch vụ lưu ký	0,4 đồng/cổ phiếu, CCQ/tháng; 0,2 đồng/trái phiếu /tháng		Giá dịch vụ lưu ký và chuyển khoản theo Quy định Bộ Tài chính trong từng thời kỳ. Khi BTC thay đổi biểu giá thì khoản mục này sẽ thay đổi tương ứng.
4.3	Giá dịch vụ chuyển khoản thực hiện giao dịch	0,5 đồng/chứng khoán/1 lần chuyển khoản/1 mã	Tối thiểu: Không áp dụng Tối đa: 500,000 đồng/lần/mã CK	
4.4	Các khoản giá dịch vụ VSD thu của thành viên liên quan trực tiếp đến hoạt động của Quỹ	Theo mức phát sinh cụ thể		

58.3 Phí kiểm toán

Phí kiểm toán phụ thuộc vào kết quả lựa chọn và thương lượng với Công Ty Kiểm Toán và sẽ được xác định hàng năm vào cuối năm tài chính của Quỹ.

58.4 Phụ cấp Ban Đại Diện Quỹ

Các chi phí của Ban Đại Diện Quỹ bao gồm chi phí ăn ở, đi lại với mức hợp lý và phù hợp với các quy định tại Điều lệ Quỹ, các chi phí phát sinh từ hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ để phục vụ cho lợi ích của Quỹ sẽ được tính vào chi phí của Quỹ. Để dễ hiểu, chi phí trên không bao gồm các chi phí bảo hiểm đối với trách nhiệm phát sinh cho Ban Đại Diện Quỹ khi thực hiện nghĩa vụ của Ban Đại Diện Quỹ. Thủ lao của các thành viên của Ban Đại Diện Quỹ được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ và tổng mức thù lao không được vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Đại Diện đã được thông qua tại Đại Hội Nhà Đầu Tư.

58.5 Chi phí khác

- Chi phí in án dự thảo và gửi Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà Đầu Tư, chi phí Công bố thông tin của Quỹ theo quy định Pháp Luật;
- Chi phí phát sinh cho bất kỳ cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư;
- Thuế và các loại phí và giá dịch vụ bắt buộc của chính phủ áp dụng cho Quỹ; và các chi phí khác được Pháp Luật cho phép.
- Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ: Bao gồm các chi phí và giá dịch vụ phải trả cho công ty chứng khoán, công ty luật, công ty định giá tài sản và các bên cung cấp dịch vụ liên quan tới giao dịch tài sản của quỹ khác.

CHƯƠNG XIII: CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

- 59. Các điều kiện hợp nhất, sáp nhập và chia tách Quỹ**
- 59.1 Việc hợp nhất, sáp nhập hoặc chia tách Quỹ chỉ được thực hiện theo quy định của Pháp Luật và khi được Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ thông qua.
- 59.2 Việc tách Quỹ sẽ xảy ra khi xảy ra sự kiện (i) Công ty Quản Lý Quỹ không thể xác định được NAV của Quỹ vào Ngày Định Giá để mua lại Chứng Chỉ Quỹ do Sở giao dịch chứng khoán quyết định đình chỉ vô thời hạn giao dịch chứng khoán trong phần lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ hoặc (ii) theo quyết định bằng văn bản của UBCKNN.
- 59.3 Việc hợp nhất, sáp nhập hoặc chia tách Quỹ phải được UBCKNN chấp thuận.
- 60. Các điều kiện thanh lý và giải thể Quỹ**
- 60.1 Quỹ được thanh lý và giải thể trong các trường hợp sau:
- a) Công ty Quản Lý Quỹ bị giải thể, phá sản hoặc giấy phép thành lập và hoạt động quỹ bị thu hồi nhưng Ban Đại diện Quỹ không tìm được Công ty Quản Lý Quỹ thay thế trong vòng 2 (hai) tháng kể từ ngày Công ty Quản Lý Quỹ bị giải thể, phá sản hoặc bị thu hồi giấy phép.
 - b) Ngân Hàng Giám Sát bị giải thể, phá sản hoặc Hợp Đồng Giám Sát bị chấm dứt bởi Công ty Quản Lý Quỹ; hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán bị thu hồi và Công ty Quản Lý Quỹ không tìm được Ngân Hàng Giám Sát thay thế trong vòng 2 (hai) tháng kể từ ngày Ngân Hàng Giám Sát bị giải thể, phá sản hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán bị thu hồi.
 - c) Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ quyết định giải thể Quỹ;
 - d) NAV của Quỹ giảm xuống dưới 10.000.000.000 VNĐ (mười tỷ đồng Việt Nam) trong vòng 6 (sáu tháng) liên tiếp; và
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật.
- 60.2 Việc thanh lý và giải thể của Quỹ sẽ được thực hiện theo quy định của Pháp Luật. Công ty Quản Lý Quỹ sẽ đóng vai trò là bên thanh lý cho Quỹ trừ trường hợp Đại Hội Nhà Đầu Tư có quyết định khác
- 61. Kiểm soát xung đột lợi ích**
- Công ty Quản Lý Quỹ sẽ hành động một cách Công bằng đối với tất cả các quỹ do mình quản lý, tuân thủ các quy định của Pháp Luật, khoản 33.1 và khoản 33.3 của Điều Lê này và sẽ thành lập hệ thống kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro để theo dõi và giám sát xung đột lợi ích thực tế và tiềm tàng. Trong trường hợp này sinh xung đột lợi ích, Công ty Quản Lý Quỹ sẽ thông báo cho Ban Đại diện Quỹ và thông nhất về phương thức xử lý để giảm nhẹ hoặc kiểm soát xung đột đó.
- 62. Thông báo và Công bố thông tin**
- 62.1 Tất cả các thông báo hoặc tài liệu phát hành và gửi đến cho Nhà Đầu Tư phải được gửi

trực tiếp đến tay Nhà Đầu Tư hoặc bằng đường bưu điện đến địa chỉ của Nhà Đầu Tư đăng ký trong sổ Đăng Ký. Nhà Đầu Tư phải thông báo cho Công ty Quản Lý Quỹ về bất kỳ thay đổi liên quan đến địa chỉ nhận thư.

- 62.2 Tất cả các thông báo hoặc tài liệu gửi qua đường bưu điện sẽ được coi là được chuyển khi thư có thông báo hoặc tài liệu được gửi qua bưu điện. Tài liệu và thông báo sẽ được coi là đã gửi nếu trong thư chứa thông báo và tài liệu đã được ghi đúng địa chỉ và gửi đi.
- 62.3 Các thông báo và tài liệu gửi cho bất kỳ Nhà Đầu Tư sẽ được coi là gửi cho tất cả những Nhà Đầu Tư còn lại.
- 62.4 Các thông báo và tài liệu gửi qua hình thức fax hoặc thư điện tử được coi là đã gửi vào thời gian ghi trên báo cáo chuyển của người gửi nếu được gửi đến đúng Số fax và địa chỉ thư điện tử của Nhà Đầu Tư đã được đăng ký tại sổ Đăng Ký. Tài liệu có đóng dấu và chữ ký gốc đã gửi qua hình thức fax hoặc thư điện tử sẽ phải gửi bản gốc muộn nhất vào ngày làm việc tiếp theo đến địa chỉ thư tín đăng ký trong sổ Đăng Ký.
- 62.5 Hàng tháng, hàng quý và hàng năm, Công ty Quản Lý Quỹ sẽ gửi cho Nhà Đầu Tư danh sách giao dịch và số dư trên tài khoản, tiêu khoản và các báo cáo về thay đổi NAV của Quỹ. Với những Nhà Đầu Tư giao dịch bằng tài khoản ký danh, Công ty Quản Lý Quỹ sẽ gửi thông tin khi Nhà Đầu Tư có yêu cầu bằng văn bản. Báo cáo sẽ được gửi cho Nhà Đầu Tư trong thời gian sớm nhất có thể nhưng không quá 5 (năm) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Nhà Đầu Tư.
- 62.6 Công ty Quản Lý Quỹ sẽ Công bố trên trang điện tử của mình trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc nửa năm tài chính và trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính Bán Cáo Bạch Của Quỹ, bản cáo bạch rút gọn, báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính năm đã kiểm toán, báo cáo tổng kết về hoạt động Quản Lý Quỹ bán niên và cả năm, báo cáo thống kê về giá dịch vụ giao dịch trong hoạt động đầu tư của Quỹ bán niên và cả năm, báo cáo về hoạt động của Quỹ bán niên và cả năm.

63. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

- 63.1 Điều Lệ này sẽ được sửa đổi và bổ sung nếu được thông qua bằng nghị quyết của Đại Hội Nhà Đầu Tư phù hợp với quy định của khoản 21.2 và Điều 22.
- 63.2 Quy định tại Khoản 1 của Điều này sẽ không áp dụng cho các sửa đổi đối với:
- a) Bất cứ nội dung nào của Điều Lệ này nếu việc sửa đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh đó do sự thay đổi của quy định của Pháp Luật: Khi các quy định của Pháp Luật thay đổi làm bất cứ nội dung nào trong Điều Lệ này có thay đổi theo, Công ty Quản Lý Quỹ sẽ sửa đổi nội dung có liên quan đó mà không cần phải có nghị quyết của Đại Hội Nhà Đầu Tư.
 - b) Chỉnh sửa lỗi chính tả, số thứ tự của các chương hoặc điều phát sinh từ sự thay đổi của Điều Lệ đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua: Công ty Quản Lý Quỹ sẽ sửa đổi khi những lỗi đó hoặc những thay đổi đó được phát hiện hoặc trở nên cần thiết.
- 63.3 Bất cứ sửa đổi bổ sung nào đối với Điều Lệ, bao gồm cả các sửa đổi bổ sung theo quy

định tại Khoản 63.2 của Điều này sẽ phải báo cáo tới UBCKNN. Công ty Quản Lý Quỹ sẽ lưu hồ sơ tất cả các sửa đổi của Điều Lệ này.

64. Hiệu lực của Điều lệ

Điều Lệ này bắt đầu có hiệu lực kể từ ngày UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ và sẽ tiếp tục có hiệu lực cho thời hạn không xác định.

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KỸ THƯƠNG



GIÁM ĐỐC
Đặng Lưu Dũng

PHỤ LỤC 1:
CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty Quản Lý Quỹ: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Ký Thương

Giấy phép Thành lập và Hoạt động số: Số 40/UBCK-GP do UBCK Nhà nước cấp ngày 21/10/2008.

Công ty Quản Lý Quỹ theo đây xin cam kết thực hiện các nghĩa vụ sau đối với các Quỹ:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ Quỹ trong hoạt động quản lý quỹ.
2. Thực hiện nhiệm vụ quản lý quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tuỵ và phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà Đầu Tư.
3. Đảm bảo Quỹ luôn có một Ngân Hàng Giám Sát vào mọi thời điểm.
4. Trả cho Ngân Hàng Giám Sát các khoản giá dịch vụ và cho các tổ chức cung ứng dịch vụ khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ.
5. Định kỳ cung cấp cho Ngân Hàng Giám Sát các thông tin sau:
 - a. Các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của quỹ, Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư và số lượng chứng chỉ quỹ mà Nhà Đầu Tư nắm giữ;
 - b. Các báo cáo liên quan đến Quỹ hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ;
 - c. Bản đánh giá giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ;
 - d. Các thông tin có liên quan tới hoạt động quản lý quỹ và nghĩa vụ khác.
6. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao Điều lệ Quỹ (và các phụ lục kèm theo), Bản cáo bạch (và các phụ lục kèm theo) cho các Nhà Đầu Tư theo yêu cầu.
7. Không được đầu tư vào các chứng khoán, hoặc các tài sản mà chính Công ty Quản Lý Quỹ hoặc những người có liên quan đến Công ty Quản Lý Quỹ có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp pháp luật cho phép.
8. Không sử dụng vị thế của Công ty Quản Lý Quỹ trong hoạt động quản lý quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính công ty hoặc những người có liên quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà Đầu Tư.
9. Thực hiện việc định giá và công tác kê toán cho Quỹ một cách trung thực, chính xác và kịp thời.
10. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm và các báo cáo khác của Quỹ cho các Nhà Đầu Tư theo yêu cầu.
11. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm của Ngân Hàng Giám Sát đánh giá về hoạt động quản lý quỹ của Công ty Quản Lý Quỹ cho các Nhà Đầu Tư theo yêu cầu.

12. Đảm bảo rằng mọi thông tin đã được Công ty Quản Lý Quỹ hoặc người đại diện Công ty Quản Lý Quỹ công bố là đầy đủ, trung thực, chính xác, không bỏ sót những sự kiện có ảnh hưởng đến quyền lợi Nhà Đầu Tư, những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của thông tin được công bố, không bỏ sót những thông tin phải công bố theo yêu cầu của pháp luật và không gây hiểu nhầm cho Nhà Đầu Tư.
13. Cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để tổ chức kiểm toán độc lập của quỹ có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời.
14. Báo cáo kịp thời cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong trường hợp đối chiếu tài sản có/nợ của quỹ giữa Công ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát không thống nhất.
15. Thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ theo quy định của pháp luật.



PHỤ LỤC 2:
CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành
Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 cấp lần đầu ngày 12/9/2003
thay đổi lần 10 ngày 20/05/2015 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Số giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán: Số 510/QĐ-DKHDLC ngày
01/08/2006 do UBCKNN cấp.

Ngân Hàng Giám Sát cam kết:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ Quỹ trong hoạt động giám sát.
2. Đảm bảo cho Quỹ luôn luôn có một Công ty Quản Lý Quỹ tại mọi thời điểm.
3. Thực hiện một cách tận tụy, trung thực và thận trọng các chức năng Ngân Hàng Giám Sát đối với Quỹ.
4. Thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của Quỹ thay cho các Nhà Đầu Tư; thực hiện việc đổi chiểu tài sản có/nợ của quỹ với Công ty Quản Lý Quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nếu như tình trạng tài sản có/nợ là không thống nhất giữa Công ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.
5. Tách biệt tài sản của quỹ khỏi tài sản của Ngân Hàng Giám Sát, tài sản của Công ty Quản Lý Quỹ và tài sản của các quỹ khác, tài sản của các khách hàng khác của Ngân Hàng Giám Sát.
6. Giám sát danh mục đầu tư của Quỹ, việc định giá tài sản quỹ, việc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, xác định giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ theo các quy định của pháp luật hiện hành và theo quy định tại Điều lệ Quỹ.
7. Đảm bảo nghĩa vụ giám sát để Công ty Quản Lý Quỹ không lợi dụng vị thế quản lý quỹ của mình thực hiện các hoạt động thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho Công ty Quản Lý Quỹ hoặc những người có liên quan làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà Đầu Tư.
8. Đảm bảo Quỹ được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập hàng năm.

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Mỹ Linh

PHỤ LỤC 3:
CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Công ty Quản Lý Quỹ: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Kỹ thương

Số giấy phép thành lập: Số 40/UBCK-GP do UBCK Nhà nước cấp ngày 21/10/2008

Ngân Hàng Giám Sát: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 cấp lần đầu ngày 12/9/2003 thay đổi lần 10 ngày 20/05/2015 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Số giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán: Số 510/QĐ-ĐKHDLK ngày 01/08/2006 do UBCKNN cấp.

1. Cùng cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho các Nhà Đầu Tư.
2. Cùng cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ trong suốt thời gian hoạt động của Quỹ.
3. Cùng cam kết thực hiện quyền bỏ phiếu phát sinh liên quan đến việc sở hữu các cổ phiếu/vốn góp mà Quỹ đã đầu tư theo tinh thần và vì lợi ích của người đầu tư tại Đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát hành hoặc tại Hội đồng thành viên của doanh nghiệp Quỹ góp vốn.
4. Cùng cam kết không nhận bất kỳ một bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong Điều lệ Quỹ hoặc Bản Cáo Bạch.

ĐẠI DIỆN

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ



GIÁM ĐỐC

Dặng Lưu Dũng

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Mỹ Linh

PHỤ LỤC 4:
PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN

I. Các nguyên tắc chung của việc định giá các tài sản đầu tư của Quỹ

Việc định giá các tài sản đầu tư của Quỹ phải tuân theo các nguyên tắc sau:

- Định giá tài sản trên nguyên tắc định giá thị trường, phản ánh sát nhất với giá trị của các tài sản và khả năng thực hiện các giao dịch của Quỹ
- Việc định giá phải đảm bảo được thực hiện theo các quy định, quy trình, nguyên tắc, phương pháp định giá phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ, cũng như phù hợp với thông lệ quốc tế và điều kiện thị trường của Việt Nam
- Việc thay đổi nguyên tắc, phương pháp định giá để phù hợp với điều kiện thị trường Việt Nam sẽ được TCC đề xuất để cấp có thẩm quyền phê duyệt thông qua.

II. Lựa chọn các tổ chức báo giá

- Hàng năm, công ty quản lý quỹ sẽ xem xét việc lựa chọn và trình Ban đại diện phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá cho Quỹ. Tổ chức cung cấp báo giá được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:
 - Là tổ chức kinh doanh chứng khoán, tổ chức tín dụng được phép kinh doanh các công cụ tiền tệ, ngoại hối, trái phiếu, các sản phẩm phái sinh, các hệ thống báo giá được công ty quản lý quỹ lựa chọn để cung cấp báo giá trong các trường hợp giá thị trường có biến động lớn và cung cấp báo giá cho các tài sản không phải là chứng khoán niêm yết hoặc chứng khoán đăng ký giao dịch.
 - Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ báo giá.
 - Tiêu chí thay đổi tổ chức cung cấp báo giá: Khi có một trong những tiêu chí sau:
 - Tổ chức đang báo giá không còn khả năng cung cấp dịch vụ báo giá
 - Có những thay đổi theo quy định của các cơ quan chức năng về phương thức báo giá.

III. Phương pháp xác định giá trị tài sản

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá
4.	Tín phiếu kho bạc, hồi phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá

Trái phiếu		
5.	Trái phiếu niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá thị trường là giá yết cuối ngày (*) (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> • Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc • Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc • Giá xác định theo Phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận <p><u>Ghi chú:</u></p> <p>(*) Trong trường hợp tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá có nhiều hơn một giao dịch của trái phiếu cần định giá (đến đến có nhiều giá yết), giá sử dụng là trung bình cộng của các giá yết đã thực hiện trong ngày đó.</p>
6.	Trái phiếu không niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá yết(*) (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước ngày định giá; - Trong trường hợp không có giá yết trên hệ thống báo giá là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá mua cộng lãi lũy kế; + Mệnh giá cộng lãi lũy kế. + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận <p><u>Ghi chú:</u></p> <p>(*) Trong trường hợp tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá có nhiều hơn một giao dịch của trái phiếu cần định giá (đến đến có nhiều giá yết), giá sử dụng là bình quân của các giá yết đã thực hiện trong ngày đó.</p>
Cổ phiếu		
7.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh	<ul style="list-style-type: none"> - Giá thị trường là Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá thì giá cổ phiếu được sử

		dụng để định giá là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách. + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quy chấp thuận.
8.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	- Giá thị trường là Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá thì giá cổ phiếu được sử dụng để định giá là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách. + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quy chấp thuận.
9.	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	- Giá thị trường là Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá thì giá cổ phiếu được sử dụng để định giá là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách. + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quy chấp thuận.
10.	Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch	- Giá trị trung bình các giao dịch thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan được Ban Đại Diện Quỹ lựa chọn tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. - Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: + Giá trung bình từ 02 tổ chức báo giá; hoặc + Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày định giá;

		<ul style="list-style-type: none"> + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách. <p>+ Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.</p>
11.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	<p>Là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách; hoặc + Mệnh giá. <p>+ Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.</p>
12.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	<p>Là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận theo từng trường hợp cụ thể.
13.	Cổ phần, phần vốn góp khác	<p>Là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc + Giá trị sổ sách. <p>+ Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.</p>
Chứng khoán phái sinh		
14.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa tại ngày giao dịch trước gần nhất trước ngày định giá
15.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng 2 tuần trở lên	Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận theo từng trường hợp cụ thể.
Các tài sản khác		
16.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận theo từng trường hợp cụ thể.

Ghi chú:

- Lãi lũy kế là: khoản lãi tính từ ngày trả lãi gần nhất tới ngày trước Ngày Định Giá;*
- Giá trị sổ sách (book value) của một Cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét;*
- Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá trái phiếu (Reuters/Bloomberg/VNBF/VBMA...) để tham khảo;*
- Ngày được hiểu là ngày theo lịch dương.*

Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh:

- 1) Giá trị cam kết (global exposure) là giá trị quy đổi ra tiền mà quỹ là bên có nghĩa vụ phải

thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.

- 2) Khi tính giá trị cam kết, công ty quản lý quỹ được áp dụng:

- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán, ví dụ vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
- Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro

STT	Loại tài sản	Giá trị cam kết
1	Quyền chọn cổ phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ⁴ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × Khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng × giá thị trường hiện tại của cổ phiếu × hệ số delta ⁵
2	Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ⁶ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × mệnh giá × giá thị trường hiện tại của trái phiếu × hệ số delta
3	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị tính trên một điểm chỉ số × mức chỉ số hiện tại

⁴ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

⁵ Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát xác định sau khi đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận

⁶ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

4	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) × giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao
5	Các hợp đồng khác	Theo mô hình do Công ty quản lý quỹ lựa chọn, thống nhất cùng ngân hàng giám sát, và được Ban đại diện quỹ chấp thuận

IV. Phương pháp xác định NAV và NAV/CCQ

Giá trị tài sản ròng (NAV): là tổng giá trị các tài sản do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ có liên quan (như phải trả mua chứng khoán, phải trả phí quản lý, phí giám sát, phí môi giới, phí lưu ký, phí hành chính, phí định giá,...) tại ngày trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng của quỹ (NAV) = Tổng tài sản có của Quỹ - Tổng nợ phải trả của Quỹ

Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường hoặc giá thị trường có nhiều biến động bất thường, giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo các phương pháp nêu tại mục III và đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản.)

Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày trước ngày định giá. Phương thức xác định giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán phải được ngân hàng giám sát xác nhận là phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan.

Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ (NAV/CCQ) bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch trước ngày định giá, và được làm tròn xuống đến 2 chữ số thập phân.



PHIẾU Ý KIẾN NHÀ ĐẦU TƯ
QUÝ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LINH HOẠT TECHCOM

Kính gửi: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ Thương

Trụ sở: Tầng 10, tòa nhà Techcombank Tower, 191 Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

1. Họ và tên nhà đầu tư:
2. Giấy CNĐKKD số: do.....
Cấp ngày:
Hoặc:
Số CMND: Ngày cấp : Nơi cấp:
3. Địa chỉ liên hệ:
4. Tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ số:
5. Số lượng chứng chỉ quỹ sở hữu:
6. Ý kiến biểu quyết đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại Hội Nhà Đầu Tư thường niên lần thứ nhất của Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Techcom như sau:

STT	VĂN ĐỀ BIỂU QUYẾT	NHẤT TRÍ	KHÔNG NHẤT TRÍ	KHÔNG CÓ Ý KIẾN
1	<ul style="list-style-type: none">• Thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.• Chỉ định Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ Thương là công ty quản lý Quỹ.• Chỉ định Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành là ngân hàng giám sát,	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

	ngân hàng lưu ký và thực hiện dịch vụ quản trị quỹ.			
2	Thông qua việc không tổ chức Đại hội Nhà Đầu Tư thường niên lần thứ nhất	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3	<p>Thông qua:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Danh sách các thành viên Ban Đại Diện Quỹ nhiệm kỳ 2018 – 2021 như sau: - Ông Nguyễn Xuân Minh - Ông Đặng Thế Đức - Ông Trần Viết Thỏa • Việc bổ nhiệm Ông Nguyễn Xuân Minh là Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ nhiệm kỳ 2018 – 2021. • Mức thù lao cho các thành viên Ban Đại Diện Quỹ là 5 triệu đồng/người/tháng 	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4	<p>Thông qua:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Danh sách các thành viên điều hành Quỹ nhiệm kỳ 2018 – 2021 như sau: - Ông Phí Tuấn Thành - Bà Đồng Thị Khánh Ngọc • Việc bổ nhiệm Ông Phí Tuấn Thành là trưởng ban điều hành Quỹ nhiệm kỳ 2018 – 2021. • Mức thù lao cho các thành viên Ban Điều hành Quỹ là 0đồng/người/tháng 	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5	Ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ:			

- C,
NG T
HIỆM HU
N LÝ C
THƯƠ

RUNG -

	<ul style="list-style-type: none"> • Lựa chọn và quyết định Công ty kiểm toán năm 2018 cho Quỹ. • Phê duyệt chính sách định giá, chế độ kế toán và các thanh đối trong chính sách định giá, chế độ kế toán của Quỹ. 	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6	Thông qua và ủy quyền cho Ông Đặng Lưu Dũng, giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ Thương đàm phán và ký kết các hợp đồng liên quan đến các hoạt động của quỹ, bao gồm nhưng không giới hạn hợp đồng cung cấp dịch vụ lưu ký và giám sát, hợp đồng cung cấp dịch vụ quản trị quỹ, hợp đồng đại lý chuyển nhượng, hợp đồng đại lý phân phối	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Ngày
(Ký tên và đóng dấu đối với tổ chức)



Số: /HĐMTK/TCBS-TCC

**HỢP ĐỒNG MỞ TÀI KHOẢN
GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUÝ MỞ**
(Mẫu dành cho nhà đầu tư cá nhân)

1 | 0 | 5 | C |

Số tài khoản giao dịch:

Hợp đồng này được ký ngày tháng năm giữa các bên có tên sau đây:

NHÀ ĐẦU TƯ – KHÁCH HÀNG

Họ và tên:	Giới tính:
Ngày sinh:	Quốc tịch:
Số CMND/Thẻ CCCD:	Nghề nghiệp:
Email:	Ngày cấp:
Địa chỉ liên hệ:	Nơi cấp:
Địa chỉ thường trú:	Di động:
Số tài khoản ngân hàng:	Chủ tài khoản:
Tai ngân hàng:	Chi nhánh:

CHỮ KÝ MẪU KHÁCH HÀNG

Chữ ký 1

Chữ ký 2

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KỸ THƯƠNG (TCBS)

Trụ sở: Tầng 10 + Tầng 21, Tòa nhà Techcombank, 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 1800588826 Fax: (84-4) 36331808 Email: cskh@tcbs.com.vn Website: www.tcbs.com.vn

Giấy phép thành lập và hoạt động số 125/GP-UBCK do UBCKNN

Cấp ngày: 30/05/2018

Người đại diện:

Chức vụ:

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUÝ KỸ THƯƠNG (TCC)

Trụ sở: Tầng 10 Tòa nhà Techcombank, 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84.4)39446368 Fax: (84.4)39446583 Email: [Website: www.techcomcapital.com.vn](http://www.techcomcapital.com.vn)

Giấy phép thành lập và hoạt động số : 40/UBCK-GP do UBCKNN

Cấp ngày: 21/10/2008

Người đại diện:

Chức vụ:

CAM KẾT CỦA KHÁCH HÀNG

- Khách hàng đã tìm hiểu đầy đủ về các hình thức giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quý mở và đồng ý với các "Điều khoản và điều kiện giao dịch chứng khoán", "Điều khoản và điều kiện giao dịch chứng chỉ quý mở" đính kèm hợp đồng này (được Công ty Chứng khoán Kỹ thương và Công ty Quản lý Quỹ Kỹ thương công bố trên website chính thức và được sửa đổi, bổ sung và thực hiện trong từng thời kỳ).
- Khách hàng hoàn toàn ý thức được những rủi ro có thể phát sinh từ việc giao dịch chứng khoán và chứng chỉ quý mở và đồng ý chịu mọi rủi ro liên quan đến hình thức đầu tư và giao dịch mà mình lựa chọn.
- Khách hàng xác nhận rằng các thông tin cung cấp trên là chính xác. Trong trường hợp có bất kỳ thay đổi nào về các thông tin trên, Khách hàng sẽ cập nhật kịp thời trên tài khoản online và /hoặc thông báo bằng văn bản cho các bên.
- Đồng ý để Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank) sử dụng thông tin của khách hàng (nếu có) tại Techcombank để thực hiện việc xác thực thông tin cho TCBS.

Hợp đồng được lập thành 03 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

**CTY CỔ PHẦN CHỨNG
KHOÁN KỸ THƯƠNG**

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

**CTY TNHH QUẢN LÝ QUÝ
KỸ THƯƠNG**

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

NHÂN VIÊN XÁC THỰC
(Ký và ghi rõ họ tên)

(Ký và ghi rõ họ tên)

KHÁCH HÀNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC: THÔNG TIN DỊCH VỤ ĐĂNG KÝ VÀ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

THÔNG TIN DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN LỰA CHỌN

1. Giao dịch chứng khoán bao gồm: giao dịch mua bán chứng khoán, chứng chỉ quỹ, giao dịch ký quỹ, ứng trước tiền bán, bán chứng khoán lô lẻ, lưu ký và thực hiện quyền.
2. Loại chứng khoán giao dịch: Chứng khoán niêm yết, chứng khoán đăng ký giao dịch và chứng khoán chưa niêm yết, chứng chỉ quỹ mở.
3. Phương thức giao dịch: sàn giao dịch, điện thoại và trực tuyến.
4. Phương thức giao dịch được thay đổi và cập nhật theo thời kỳ trên website của TCBS
5. Nhận kết quả giao dịch qua tin nhắn điện thoại, email đã đăng ký.
6. Nhận sao kê thông qua email đã đăng ký.
7. Thuế thu nhập được khấu trừ tại TCBS, trừ trường hợp đã được khấu trừ tại tổ chức phát hành.

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH QUỸ MỞ

Quỹ tham gia: TCFF Khác (.....)

Chính sách cổ tức: Trả vào tài khoản Tái đầu tư

Tài khoản tiền gửi: Tài khoản này được dùng để nhà đầu tư chuyển khoản các khoản đầu tư, nhận tiền bán chứng chỉ quỹ và các khoản lợi nhuận, cổ tức (nếu có).

Chủ tài khoản:

Số tài khoản:

Ngân hàng: Tỉnh / TP:

THÔNG TIN ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

Tên đại lý: Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương

(TCBS)

Giấy phép kinh doanh số: 125/GP-UBCK cấp ngày 30/5/2018

Địa chỉ: Tầng 10+ tầng 21, Tòa nhà Techcombank, 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Điện thoại: (84-4) 222 01039 Fax: (84-4) 222 01032

Website: www.tcbs.com.vn Email: sales@tcbs.com.vn

THÔNG TIN KHÁCH HÀNG VÀ KIẾN THỨC ĐẦU TƯ

Trình độ học vấn: Ngành nghề:

Nơi công tác: Chức vụ:

Tình trạng hôn nhân: Họ tên vợ/chồng:

Hiểu biết về đầu tư	<input type="checkbox"/> Chưa có	<input type="checkbox"/> Còn hạn chế	<input type="checkbox"/> Tốt	<input type="checkbox"/> Rất tốt
Kinh nghiệm đầu tư	<input type="checkbox"/> Chưa có	<input type="checkbox"/> Cổ phiếu	<input type="checkbox"/> Trái phiếu	<input type="checkbox"/> Khác
Mục tiêu đầu tư	<input type="checkbox"/> Dài hạn	<input type="checkbox"/> Trung hạn	<input type="checkbox"/> Ngắn hạn	<input type="checkbox"/> Khác
Mức độ chấp nhận rủi ro	<input type="checkbox"/> Thấp	<input type="checkbox"/> Trung bình	<input type="checkbox"/> Cao	<input type="checkbox"/> Khác

Các tài khoản đã mở tại các công ty chứng khoán khác

SĐT	Số tài khoản	Tai cong ty	SĐT	Số tài khoản	Tai cong ty

Tên công ty đại chúng mà Khách hàng đang nắm giữ chức danh quản lý:

SĐT	Tai cong ty	SĐT	Tai cong ty

Tên công ty đại chúng mà khách hàng sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên:

SĐT	Tai cong ty	SĐT	Tai cong ty

Tên công ty đại chúng/Quỹ đại chúng mà khách hàng là cổ đông nội bộ, người có liên quan của người nội bộ:

Số	Tên công ty đại chúng Quỹ đại chúng (TCPH)	Mã chứng khoán	Quan hệ với TCPH()	Chữ ký/nhật ký TCPH

*) Điều "Người nội bộ" hoặc "Người có liên quan của người nội bộ"

THÔNG TIN NGƯỜI THỦ HƯỞNG (NẾU CÓ)

Họ và tên: Giới tính:
Ngày sinh: Nơi sinh: Quốc tịch:
Số CMND/Thẻ CCCD: Ngày cấp: Nơi cấp:
Email:
Điện thoại: Di động:
Địa chỉ liên hệ:
Số tài khoản ngân hàng: Chủ tài khoản:
Tại ngân hàng: Chi nhánh:
Giấy tờ kèm theo: CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu còn hiệu lực (Bản công chứng)

THÔNG TIN NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN GIAO DỊCH (NẾU CÓ)

Họ và tên: Giới tính:
Ngày sinh: Nơi sinh: Quốc tịch:
Số CMND/Thẻ CCCD: Ngày cấp: Nơi cấp:
Email:
Điện thoại: Di động:
Địa chỉ liên hệ:



XÁC THỰC VÀ NHẬN BIẾT DẤU HIỆU HOA KỲ THEO FATCA

FATCA là Đạo luật Tuân thủ về Thuế đối với Tài khoản nước ngoài được Chính phủ Hoa Kỳ thông qua vào ngày 18/03/2010. FATCA nhằm vào việc ngăn chặn người đóng thuế Hoa Kỳ sử dụng tài khoản mở ở ngoài lãnh thổ Hoa Kỳ để trốn thuế. Bất kỳ tổ chức tài chính nào không tuân thủ FATCA sẽ có thể bị khấu trừ 30% thuế trên các khoản thanh toán có nguồn gốc từ khách hàng tại Hoa Kỳ. Theo luật thuế Liên bang Hoa Kỳ, TCBS được yêu cầu cung cấp thông tin người nộp thuế là các cá nhân đang duy trì tài khoản tại TCBS (dù cá nhân đó là người Hoa Kỳ hay không phải người Hoa Kỳ). Thông tin được thu thập sẽ được sử dụng duy nhất theo yêu cầu của Luật thuế liên bang Hoa Kỳ và sẽ không được sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

Để đáp ứng yêu cầu này, TCBS cần phải nhận được mẫu W9 hoặc W8 được điền đầy đủ và/hoặc các mẫu biểu và chứng từ khác chứng minh tình trạng của quý khách hàng (cho dù quý khách hàng là người Hoa Kỳ hay không phải người Hoa Kỳ), nêu rõ tình trạng thuế của quý khách hàng. Xin quý khách hàng lưu ý, việc không nộp mẫu kê khai thuế này có thể khiến TCBS bắt buộc phải khấu trừ (giữ lại) 30% của bất kỳ giao dịch nào có nguồn gốc từ Hoa Kỳ được chuyển tới/chuyển về tài khoản của quý khách hàng tháng cho IRS và/hoặc đóng tài khoản của quý khách. Quy trình này sẽ tiếp tục cho đến khi TCBS nhận được form W9 hoặc W8 hoặc các chứng từ khác để xác minh tình trạng của quý khách, nếu có thể áp dụng.

Xin vui lòng xác nhận tình trạng FATCA của quý khách bằng cách điền vào các ô thích hợp:

Nội dung kê khai	Chủ tài khoản	Người được ủy quyền sử dụng tài khoản (nếu có)	Diễn giải
Quý khách là công dân Hoa Kỳ hoặc là thường trú nhân hợp pháp tại Hoa Kỳ (có thẻ xanh)?	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không	Nếu có, vui lòng điền form W-9.
Quý khách có sinh ra tại Hoa Kỳ không (Nơi sinh tại Hoa Kỳ)?	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không	Nếu có, vui lòng điền Form W-9 hoặc Form W-8BEN cùng các giải trình hợp lý bằng văn bản về việc không có quốc tịch Mỹ bao gồm nhưng không giới hạn việc: cung cấp hộ chiếu thể hiện việc là công dân của một quốc gia không phải Hoa Kỳ hoặc giấy tờ tương tự chứng thực tình trạng công dân nước ngoài và văn bản chứng nhận về việc từ bỏ quyền công dân Hoa Kỳ của chủ tài khoản hay lý do chủ tài khoản không có quốc tịch Mỹ khi sinh ra.
Quý khách có thư ủy quyền hoặc ủy quyền cho một cá nhân/tổ chức có địa chỉ tại Hoa Kỳ không?	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không	Nếu có, vui lòng điền Form W-9; hoặc Form W-8BEN cùng với hộ chiếu thể hiện việc là công dân của một quốc gia không phải Hoa Kỳ; hoặc giấy tờ chứng nhận nơi ở.
Quý khách có lệnh chuyển tiền tới tài khoản tại Hoa Kỳ hoặc khoản tiền nhận được thường xuyên từ một địa chỉ Hoa Kỳ không?	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không	Nếu có, vui lòng điền Form W-9; hoặc Form W-8BEN cùng với hộ chiếu thể hiện việc là công dân của một quốc gia không phải Hoa Kỳ; hoặc giấy tờ chứng nhận nơi ở.
Quý khách có địa chỉ trên hồ sơ "có liên quan" hoặc "gửi thư" hoặc có địa chỉ P.O. Box Hoa Kỳ hoặc/ và số điện thoại Hoa Kỳ?	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không	Nếu có, vui lòng điền Form W-9; hoặc Form W-8BEN cùng với hộ chiếu thể hiện việc là công dân của một quốc gia không phải Hoa Kỳ; hoặc giấy tờ chứng nhận nơi ở.

Số: /HĐMTK/TCBS-TCC

**HỢP ĐỒNG MỞ TÀI KHOẢN
GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUÝ MỞ**
(Mẫu dành cho nhà đầu tư tổ chức)

4 0 5 C

Số tài khoản giao dịch:

Hợp đồng này được ký ngày tháng năm giữa các bên có tên sau đây:

KHÁCH HÀNG – CHỦ TÀI KHOẢN

I. THÔNG TIN TỔ CHỨC

Tên giao dịch đầy đủ:
 Tên viết tắt:
 Trụ sở:
 Địa chỉ liên hệ/giao dịch:
 Lĩnh vực hoạt động kinh doanh:
 Mã số thuế:
 Mã số DN/Giấy CNĐKKD số: Ngày cấp: Nơi cấp:
 Số tài khoản: Tại ngân hàng: Chi nhánh:
 Điện thoại: Email: Fax:

II. THÔNG TIN NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện thứ nhất: Chức vụ: CMND/ Thẻ CCCD: Địa chỉ liên lạc: 	Ngày sinh: Quốc tịch: Số điện thoại: Ngày cấp: Nơi cấp:
Người đại diện thứ hai: Chức vụ: CMND/ Thẻ CCCD: Địa chỉ liên lạc: 	Ngày sinh: Quốc tịch: Số điện thoại: Ngày cấp: Nơi cấp:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KỸ THƯƠNG (TCBS)

Trụ sở: Tầng 10 + Tầng 21, Tòa nhà Techcombank, 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
 Điện thoại: 1800588826 Fax: (84-4) 36331808 Website: www.tcbs.com.vn
 Giấy phép thành lập và hoạt động số 125/GP-UBCK do UBCKNN Cấp ngày 30/05/2018
 Người đại diện: Ông Trần Nhật Nam Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc TCBS
 Số tài khoản 138.33336666.059 tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – TECHCOMBANK SGD

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUÝ KỸ THƯƠNG (TCC)

Trụ sở: Tầng 10 Tòa nhà Techcombank, 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
 Điện thoại: (84.4)39446368 Fax: (84.4)39446583 Email: Website: www.techcomcapital.com.vn
 Giấy phép thành lập và hoạt động số: 40/UBCK-GP do UBCKNN Cấp ngày: 21/10/2008
 Người đại diện: Chức vụ:

CAM KẾT CỦA KHÁCH HÀNG

- Khách hàng đã tìm hiểu đầy đủ về các hình thức giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quý mở và đồng ý với các "Điều khoản và điều kiện giao dịch chứng khoán", "Điều khoản và điều kiện giao dịch chứng chỉ quý mở" đính kèm hợp đồng này (được Công ty Chứng khoán Kỹ thương và Công ty Quản lý Quỹ Kỹ thương công bố trên website chính thức và được sửa đổi, bổ sung và thực hiện trong từng thời kỳ).
- Khách hàng hoàn toàn ý thức được những rủi ro có thể phát sinh từ việc giao dịch chứng khoán và chứng chỉ quý mở và đồng ý chịu mọi rủi ro liên quan đến hình thức đầu tư và giao dịch mà mình lựa chọn.
- Khách hàng xác nhận rằng các thông tin cung cấp trên là chính xác. Trong trường hợp có bất kỳ thay đổi nào về các thông tin trên, Khách hàng sẽ cập nhật kịp thời trên tài khoản online và /hoặc thông báo bằng văn bản cho các bên.
- Đồng ý để Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank) sử dụng thông tin của khách hàng (nếu có) tại Techcombank để thực hiện việc xác thực thông tin cho TCBS.

ĐĂNG KÝ MẪU DẤU VÀ CHỮ KÝ

CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT THỨ NHẤT		MẪU DẤU CỦA KHÁCH HÀNG
Chữ ký 1	Chữ ký 2	
CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT THỨ HAI		
Chữ ký 1	Chữ ký 2	

Hợp đồng này được lập thành 03 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

**CTY CP CHỨNG KHOÁN KÝ
THƯƠNG**
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

**CTY TNHH QUẢN LÝ QUỸ
KÝ THƯƠNG**
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

NHÂN VIÊN XÁC THỰC
(Ký và ghi rõ họ tên)

KHÁCH HÀNG
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC: THÔNG TIN DỊCH VỤ ĐĂNG KÝ VÀ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

THÔNG TIN DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN LỰA CHỌN

1. Giao dịch chứng khoán bao gồm: giao dịch mua bán chứng khoán, chứng chỉ quỹ, giao dịch ký quỹ, ứng trước tiền bán, bán chứng khoán lô lẻ, lưu ký và thực hiện quyền.
2. Loại chứng khoán giao dịch: Chứng khoán niêm yết, chứng khoán đăng ký giao dịch và chứng khoán chưa niêm yết, chứng chỉ quỹ mở.
3. Phương thức giao dịch: sàn giao dịch, điện thoại và trực tuyến.
4. Phương thức giao dịch được thay đổi và cập nhật theo thời kỳ trên website của TCBS
5. Nhận kết quả giao dịch qua tin nhắn điện thoại, email đã đăng ký.
6. Nhận sao kê thông qua email đã đăng ký.
7. Thuế thu nhập được khấu trừ tại TCBS, trừ trường hợp đã được khấu trừ tại tổ chức phát hành.

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH QUỸ MỞ

Quỹ tham gia: TCFF Khác (.....)
 Chính sách cổ tức: Trả vào tài khoản Tái đầu tư
 Tài khoản tiền gửi: Tài khoản này được dùng để nhà đầu tư chuyển khoản các khoản đầu tư, nhận tiền bán chứng chỉ quỹ và các khoản lợi nhuận, cổ tức (nếu có).
 Chủ tài khoản:
 Số tài khoản:
 Ngân hàng: Tỉnh/TP:

THÔNG TIN ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

Tên đại lý: Công ty CP Chứng khoán Kỹ Thương (TCBS)
 Giấy phép kinh doanh số: 125/GP-UBCK cấp ngày 30/5/2018
 Địa chỉ: Tầng 10+ tầng 21, Tòa nhà Techcombank, 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
 Điện thoại: (84-4) 222 01039 Fax: (84-4) 222 01032
 Website: www.tcbs.com.vn Email: sales@tcbs.com.vn

THÔNG TIN KHÁCH HÀNG VÀ KIẾN THỨC ĐẦU TƯ

Kiến thức đầu tư:

- | | | | | |
|-------------------------|----------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|
| Hiểu biết về đầu tư | <input type="checkbox"/> Chưa có | <input type="checkbox"/> Còn hạn chế | <input type="checkbox"/> Tốt | <input type="checkbox"/> Rất tốt |
| Kinh nghiệm đầu tư | <input type="checkbox"/> Chưa có | <input type="checkbox"/> Cổ phiếu | <input type="checkbox"/> Trái phiếu | <input type="checkbox"/> Khác |
| Mục tiêu đầu tư | <input type="checkbox"/> Dài hạn | <input type="checkbox"/> Trung hạn | <input type="checkbox"/> Ngắn hạn | <input type="checkbox"/> Khác |
| Mức độ chấp nhận rủi ro | <input type="checkbox"/> Thấp | <input type="checkbox"/> Trung bình | <input type="checkbox"/> Cao | <input type="checkbox"/> Khác |

Số	Số tài khoản	Tai công ty	Số	Số tài khoản	Tai công ty

Tên công ty đại chúng mà khách hàng sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên:

Số	Tên công ty	Số	Tên công ty

Tên công ty đại chúng mà khách hàng là cổ đông nội bộ, người có liên quan của người nội bộ:

Số	Tên công ty đại chúng/ Quyết định (TCPH)	Mã chứng khoán	Cách giao dịch TCPH (A)	Ghi chú về TCPH/ Mối quan hệ với người nội bộ của TCPH

(*) Điền "Người nội bộ" hoặc "Người có liên quan của người nội bộ"

THÔNG TIN NGƯỜI THU HƯỞNG (NẾU KHÁC VỚI NHÀ ĐẦU TƯ)

Họ và tên: Giới tính:
Ngày sinh: Nơi sinh: Quốc tịch:
Số CMND/Thẻ CCCD: Ngày cấp: Nơi cấp:
Email:
Điện thoại: Di động:
Địa chỉ liên hệ: Chủ tài khoản:
Số tài khoản ngân hàng: Chi nhánh:
Tại ngân hàng:
Giấy tờ kèm theo: CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu còn hiệu lực (Bản công chứng)

THÔNG TIN NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN GIAO DỊCH (NẾU CÓ)

Họ và tên: Giới tính:
Ngày sinh: Nơi sinh: Quốc tịch:
Số CMND/Thẻ CCCD: Ngày cấp: Nơi cấp:
Email:
Điện thoại: Di động:
Địa chỉ liên hệ:
Giấy tờ kèm theo: Hợp đồng ủy quyền (Mẫu dành cho Tổ chức)

DẤU HIỆU HOA KỲ
 Có Không

THÔNG TIN VỀ FATCA (Đạo luật tuân thủ về thuế đối với các tài khoản nước ngoài do Hoa Kỳ ban hành)

Tình trạng FATCA (chỉ ký hiệu duy nhất một dấu ✓ trong số các mục dưới đây và cung cấp các thông tin được yêu cầu)

Công ty của Hoa Kỳ (một công ty được hình thành tại Hoa Kỳ, được thành lập theo pháp luật của Hoa Kỳ hoặc là một chủ thể phải thực hiện nghĩa vụ thuế đối với Chính phủ Hoa Kỳ)

Cung cấp Mã số thuế công ty phải thực hiện nghĩa vụ thuế đối với Chính phủ Hoa Kỳ:

Công ty có thuộc đối tượng được miễn nộp thuế cho Chính phủ Hoa Kỳ không?

Sau khi xác định công ty là công ty của Hoa Kỳ như trên, thực hiện tiếp các bước bên dưới

Định chế tài chính (Một định chế có liên quan đến hoạt động chứng khoán, một chủ thể thực hiện các hoạt động đầu tư, hoặc một công ty bảo hiểm có liên quan đến FATCA)

Cung cấp Số Định danh Toàn cầu của công ty (GIIN), nếu có:

Nếu công ty không có số GIIN, vui lòng cung cấp tình trạng FATCA:

Sau khi xác định công ty là một Định chế Tài chính như trên, thực hiện tiếp các bước bên dưới

Các loại hình Công ty khác không phải là Công ty của Hoa Kỳ và Định chế Tài chính như được quy định ở trên

Có bất kỳ chủ sở hữu hưởng lợi nào của công ty là công dân Hoa Kỳ hoặc cá nhân thường trú hợp pháp ở Hoa Kỳ theo các quy định về thuế của Hoa Kỳ hay không? Có Không

Nếu có, cung cấp tên và mã số thuế (TIN) của mỗi chủ sở hữu hưởng lợi là công dân Hoa Kỳ hoặc cá nhân thường trú hợp pháp tại Hoa Kỳ phải thực hiện nghĩa vụ thuế đối với Chính phủ Hoa Kỳ

Họ và tên	Hộ chiếu	Mã số thuế	Địa chỉ	Quốc tịch

ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

(kèm theo và không tách rời Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán và Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở)

Các Điều khoản và Điều kiện (sau đây gọi tắt là "Các Điều khoản và Điều kiện") được áp dụng cho tất cả các tài khoản giao dịch được mở tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Ký thương (sau đây gọi tắt là "Công ty chứng khoán"). Theo đó, Khách hàng thừa nhận rằng, trước khi ký: (i) Giấy yêu cầu mở tài khoản và đăng ký sử dụng dịch vụ chứng khoán tại Công ty chứng khoán, và (ii) Phiếu đề nghị đăng ký giao dịch và đăng ký mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở, Khách hàng đã được cung cấp đầy đủ, rõ ràng, ý thức rõ ràng buộc của Các Điều khoản và Điều kiện của Công ty chứng khoán áp dụng cho tất cả các Chủ tài khoản (và các sửa đổi, bổ sung của Các Điều khoản và Điều kiện này) được Công ty chứng khoán thực hiện trong từng thời kỳ, bao gồm: Các Điều khoản và Điều kiện Chung của Hợp đồng, Các Điều khoản và Điều kiện khác liên quan đến Tài khoản giao dịch chứng khoán và các dịch vụ cụ thể do Công ty chứng khoán cung cấp. Khách hàng đồng ý rằng, Giấy yêu cầu mở tài khoản và đăng ký sử dụng dịch vụ chứng khoán, Các Điều khoản và Điều kiện cùng với các văn bản khác nhằm mở, sử dụng tài khoản và sử dụng dịch vụ do Công ty Chứng khoán cung cấp sẽ có hiệu lực ràng buộc như một hợp đồng giữa Khách hàng và Công ty chứng khoán.

CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CHUNG

Điều 1: Mở tài khoản và sử dụng dịch vụ

- 1) Theo hợp đồng này, Khách hàng đề nghị Công ty chứng khoán mở tài khoản giao dịch đứng tên Khách hàng tại Công ty chứng khoán. Tên Khách hàng trong Hợp đồng mở tài khoản có thể là khống dấu, Khách hàng cần ký và ghi đầy đủ họ tên có dấu (nếu có) dưới chữ ký mẫu. Tên có dấu dưới chữ ký mẫu của Khách hàng và tên trên Thủ Cấp cước công dân/Chứng minh nhân dân (CCCD/CMND) và số CCCD/CMND của Khách hàng sẽ được sử dụng làm cơ sở nhận diện Khách hàng khi thực hiện giao dịch với Công ty chứng khoán.
- 2) Tài khoản giao dịch (TKGD) được mở tại Công ty chứng khoán theo hợp đồng này gồm: (i) tài khoản giao dịch chứng khoán (TKGDK), (ii) tài khoản giao dịch ký quỹ (TKGDKO) (trừ các trường hợp pháp luật không cho phép TKGDKO), và (iii) tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở (TKGDCOM). Trong trường hợp pháp luật cho phép mở thêm các tài khoản khác, Công ty chứng khoán sẽ tự động mở tài khoản cho Khách hàng trên cơ sở Khách hàng đã có TKGD tại Công ty chứng khoán.
- 3) Công ty chứng khoán cung cấp các dịch vụ theo hợp đồng này bao gồm:
 - (i) Mở tài khoản giao dịch chứng khoán; hướng dẫn Khách hàng thực hiện ký quỹ tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán tại Công ty chứng khoán tại ngân hàng chỉ định thanh toán;
 - (ii) Quản lý tiền/chứng khoán của Khách hàng và phối hợp với Ngân hàng chỉ định thanh toán quản lý tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của Khách hàng (đối với trường hợp Khách hàng thanh toán thông qua ngân hàng chỉ định);
 - (iii) Thực hiện giao dịch theo lệnh của Khách hàng và cung cấp kết quả giao dịch cho Khách hàng;
 - (iv) Thực hiện lưu ký, thanh toán bù trừ và đăng ký chứng khoán cho Khách hàng thông qua Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán theo ủy quyền của Khách hàng;
 - (v) Thay mặt Khách hàng, thực hiện các quyền lợi hợp pháp gắn liền với chứng khoán thuộc quyền sở hữu của Khách hàng, theo ủy quyền của Khách hàng bằng hợp đồng này;
 - (vi) Khách hàng ủy quyền cho Công ty chứng khoán thay mặt Khách hàng thực hiện các nội dung sau:
 - Phong tỏa/hủy phong tỏa tiền trên TKTG theo lệnh giao dịch chứng khoán của Khách hàng, phối hợp với ngân hàng chỉ định thanh toán phong tỏa/hủy phong tỏa (trong trường hợp Khách hàng thanh toán thông qua ngân hàng chỉ định);
 - Thanh toán tiền, thanh toán phí theo kết quả giao dịch mua bán chứng khoán của Khách hàng mở tại Công ty chứng khoán;
 - Thanh toán các nghĩa vụ nợ khác phát sinh đối với tài khoản giao dịch chứng khoán của Khách hàng mở tại Công ty chứng khoán;
 - Nhận tiền bán chứng khoán, cổ tức và các quyền khác bằng tiền phát sinh từ tài khoản giao dịch chứng khoán của Khách hàng mở tại Công ty chứng khoán.
 - (vii) Các dịch vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật được Công ty chứng khoán cung cấp theo từng thời điểm và được công bố trên website chính thức của Công ty chứng khoán.

Điều 2: Cách thức nhận lệnh

- 1) Đặt lệnh trực tiếp tại quầy giao dịch của Công ty chứng khoán bằng cách nộp phiếu lệnh tại quầy giao dịch:
 - Khi muốn giao dịch mua bán chứng khoán, Khách hàng sẽ lập phiếu lệnh (theo mẫu của Công ty chứng khoán) ghi đầy đủ thông tin và nộp cho Công ty chứng khoán tại quầy giao dịch của Công ty chứng khoán.
 - Phiếu lệnh chỉ được coi là chấp nhận khi đã được điền đầy đủ thông tin, nộp tại quầy và có xác nhận của Công ty chứng khoán trừ trường hợp các bên có thỏa thuận hình thức đặt lệnh khác.
- 2) Đặt lệnh qua các phương thức giao dịch điện tử theo Các Điều khoản và Điều kiện về Giao dịch điện tử.

Điều 3: Tỷ lệ ký quỹ đặt mua/bán chứng khoán được áp dụng

Khách hàng phải bao đảm tỷ lệ ký quỹ bằng tiền và chứng khoán trong giao dịch theo quy định của Công ty chứng khoán, phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 4: Lãi suất trên số dư tiền gửi giao dịch chứng khoán

Đối với số dư tiền mặt trong TKGDCK, Khách hàng được hưởng hưởng lãi suất không kỳ hạn do Công ty chứng khoán công bố vào từng thời điểm

Điều 5: Cách thức xử lý tài sản trong trường hợp khách hàng không có khả năng thanh toán đúng hạn

Khách hàng đồng ý và ủy quyền cho Công ty chứng khoán được quyền tự động trích và/hoặc cản ngắn hóa thanh toán, ngân hàng lưu ký sử dụng tiền trong tài khoản thanh toán của Khách hàng đồng ý và ủy quyền cho Công ty chứng khoán để thanh toán các nghĩa vụ tài chính phát sinh theo quy định tại hợp đồng này, bao gồm khách hàng, chọn và bán một phần hoặc toàn bộ chứng khoán trong tài khoản của Khách hàng để thanh toán các nghĩa vụ tài chính phát sinh theo quy định của Công ty chứng khoán khi Khách hàng vi phạm thời hạn thanh toán theo quy định của Công ty chứng khoán. Trong trường hợp số dư tiền và/hoặc chứng khoán của Khách hàng không đủ để thanh toán các nghĩa vụ phát sinh, Công ty chứng khoán có quyền yêu cầu Khách hàng thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và bồi thường thiệt hại phát sinh (nếu có).

Điều 6: Quyền của Khách hàng

- 1) Sở hữu hợp pháp số tiền và chứng khoán đã ủy thác cho Công ty chứng khoán lưu giữ;
- 2) Đặt lệnh mua bán chứng khoán theo đúng qui định hiện hành;
- 3) Được hưởng các khoản lợi nhuận hợp pháp phát sinh từ số chứng khoán của mình lưu giữ tại Công ty chứng khoán bao gồm: cổ tức, lãi trái phiếu, cổ phiếu thường...theo qui định của pháp luật;
- 4) Được yêu cầu Công ty chứng khoán sửa lệnh, hủy lệnh đối với những lệnh giao dịch chưa khớp hoặc phản chưa khớp của lệnh theo đúng qui định hiện hành của mỗi Sở giao dịch chứng khoán.
- 5) Thực hiện các quyền hợp pháp của người sở hữu chứng khoán theo qui định của pháp luật và các qui định khác được áp dụng;
- 6) Được Công ty chứng khoán thông báo đầy đủ về kết quả thực hiện các giao dịch chứng khoán mà Khách hàng ủy quyền;
- 7) Yêu cầu rút một phần hoặc toàn bộ tiền, chứng khoán ra khỏi tài khoản giao dịch khi không có nhu cầu giao dịch hoặc khi chấm dứt hợp đồng này.

Điều 7: Nghĩa vụ của Khách hàng

- 1) Cam kết những thông tin được liệt kê tại hợp đồng này và bất kỳ hợp đồng cũng như các giấy tờ ký kết khác với Công ty chứng khoán và/hoặc bất kỳ thông tin nào khác cung cấp cho Công ty chứng khoán là trung thực và đúng sự thật và phải thông báo cho Công ty chứng khoán khi phát sinh những thay đổi có liên quan. Việc thông báo này phải được tiến hành trong vòng 07 ngày kể từ ngày phát sinh những thay đổi đó. Trường hợp thông tin sai sự thật Khách hàng phải chịu phạt, bồi thường hoàn toàn thiệt hại phát sinh và/hoặc đình chỉ thực hiện hợp đồng;
- 2) Cung cấp đầy đủ và bao đảm tính xác thực của thông tin, tài liệu cần thiết để Công ty chứng khoán thực hiện công việc ủy quyền;
- 3) Thanh toán các khoản phí môi giới và các khoản phí phát sinh khác theo qui định của Công ty chứng khoán tùy từng thời kỳ đối với các giao dịch do Công ty chứng khoán thực hiện theo lệnh của Khách hàng;
- 4) Nộp các khoản thuế theo đúng quy định của pháp luật (nếu có) phát sinh từ các giao dịch của Khách hàng;
- 5) Thực hiện ký quỹ tiền và chứng khoán đúng hạn để bao đảm cho Công ty chứng khoán thực hiện các giao dịch cho Khách hàng;
- 6) Bảo đảm tính hợp pháp số tiền và chứng khoán mà Khách hàng đang sở hữu;
- 7) Tuân thủ và thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật và các hướng dẫn của Công ty chứng khoán liên quan đến việc sử dụng TKGD;
- 8) Chịu trách nhiệm công bố thông tin đối với các giao dịch mua bán, chuyển nhượng chứng khoán trên TKGD của Khách hàng mà theo quy định của pháp luật Khách hàng có nghĩa vụ công bố thông tin, bao gồm nhưng không hạn chế bởi các trường hợp Khách hàng tự bán chứng khoán, Công ty chứng khoán thực hiện lệnh bán giải chấp chứng khoán ký quỹ hoặc bán chứng khoán cầm cố.

Điều 8: Quyền của Công ty chứng khoán

- 1) Hướng phí môi giới và các khoản phí khác do Công ty chứng khoán áp dụng từng thời kỳ, phù hợp với quy định của pháp luật;
- 2) Bằng hợp đồng này, Khách hàng ủy quyền cho Công ty chứng khoán yêu cầu ngân hàng quản lý tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của Khách hàng thực hiện thanh toán phi giao dịch, các khoản phí, các nghĩa vụ nợ phát sinh khác và thuế (nếu có) cho Công ty chứng khoán.
- 3) Được quyền từ chối thực hiện lệnh giao dịch chứng khoán của Khách hàng khi lệnh không phù hợp với qui định của Công ty chứng khoán và qui định luật pháp hiện hành.

- 4) Thanh toán tiền, chứng khoán trên tài khoản của Khách hàng theo lệnh giao dịch của Khách hàng đã được thực hiện.
- 5) Công bố thông tin đối với các giao dịch mua/bán/chuyển nhượng chứng khoán trên TKGD của Khách hàng mà theo quy định của pháp luật thì Công ty chứng khoán có nghĩa vụ công bố, bao gồm nhưng không hạn chế bởi các trường hợp Khách hàng tự bán chứng khoán (nếu pháp luật quy định Công ty chứng khoán phải công bố thông tin), Công ty chứng khoán thực hiện lệnh bán giải chấp chứng khoán ký quỹ hoặc bán chứng khoán cầm cố.
- 6) Trong trường hợp Khách hàng vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào trong hợp đồng này, quy định của pháp luật, hoặc các quy định khác do Công ty chứng khoán công bố theo từng thời điểm, bằng một văn bản thông báo gửi cho Khách hàng trước ba (03) ngày, Công ty chứng khoán có quyền đình chỉ hoặc chấm dứt hiệu lực hoạt động TKGD của Khách hàng theo Hợp đồng này mà không bị xem là vi phạm Hợp đồng, không phải bồi thường cho Khách hàng.

Điều 9: Nghĩa vụ của Công ty chứng khoán

- 1) Thực hiện các giao dịch của Khách hàng phù hợp với quy định của Công ty chứng khoán và nội dung của hợp đồng này.
- 2) Lưu giữ chứng khoán của Khách hàng ủy thác tại tài khoản chứng khoán của người đầu tư đứng tên Công ty chứng khoán tại Trung Tâm Lưu ký Chứng Khoán.
- 3) Giữ bí mật các thông tin về Khách hàng, trừ trường hợp phải cung cấp theo quy định của pháp luật.
- 4) Không được sử dụng tiền và chứng khoán của Khách hàng nếu không có lệnh của Khách hàng.
- 5) Thông báo kết quả giao dịch theo yêu cầu của Khách hàng.
- 6) Không được chấm dứt hợp đồng trước thời hạn trừ trường hợp Khách hàng vi phạm hợp đồng này và/hoặc Khách hàng thực hiện các hành vi bị cấm theo quy định của pháp luật.
- 7) Bồi thường thiệt hại cho Khách hàng theo quy định của pháp luật nếu các thiệt hại đó phát sinh do lỗi của Công ty chứng khoán.

Điều 10: Quyền ủy quyền

Trường hợp Khách hàng ủy quyền cho một bên thứ ba điều hành tài khoản của mình, Khách hàng sẽ phải lập Giấy ủy quyền theo mẫu của Công ty chứng khoán và theo đúng với quy định của pháp luật. Khách hàng cam kết tự chịu hoàn toàn mọi trách nhiệm về việc ủy quyền đồng thời cam kết chấp nhận và không thực hiện bất cứ khiếu nại nào với Công ty chứng khoán đối với mọi hành vi của người được ủy quyền thực hiện trong phạm vi nội dung đã ủy quyền.

Điều 11: Giải quyết tranh chấp

Tất cả các tranh chấp có thể nảy sinh từ hoặc liên quan đến hợp đồng này sẽ được giải quyết trước tiên bằng thương lượng và hòa giải. Trong trường hợp không giải quyết được bằng thương lượng hòa giải, một trong hai bên có thể đưa ra Tòa án có thẩm quyền xét xử theo quy định của pháp luật.

Điều 12: Sửa đổi, bổ sung các điều khoản và điều kiện

Khách hàng đồng ý rằng, Công ty chứng khoán có quyền sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ toàn bộ hoặc từng phần, bất kỳ các điều khoản và điều kiện nào (kể cả các loại phí dịch vụ) liên quan đến bất kỳ dịch vụ nào do Công ty chứng khoán cung cấp và Khách hàng mặc nhiên chấp nhận với điều kiện là Công ty chứng khoán sẽ đưa ra thông báo về việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ cho Khách hàng thông qua một trong các phương thức do Công ty chứng khoán lựa chọn như: (i) gửi văn bản; hoặc (ii) điện thoại có ghi âm; hoặc (iii) email; (iv) hoặc công bố trên website chính thức của Công ty chứng khoán, trước khi những sửa đổi, bổ sung có hiệu lực. Việc sử dụng dịch vụ sau ngày mà các sửa đổi này có hiệu lực (theo thông báo của Công ty chứng khoán) sẽ được xem là sự chấp nhận hoàn toàn của Khách hàng đối với các sửa đổi đó. Nếu Khách hàng không đồng ý với bất kỳ sửa đổi nào, thi Khách hàng phải thông báo cho Công ty chứng khoán bằng văn bản về việc hủy bỏ hoặc chấm dứt sử dụng các dịch vụ với Công ty chứng khoán và/hoặc đóng tài khoản giao dịch.

Điều 13: Hiệu lực của các điều khoản và điều kiện về việc mở và sử dụng tài khoản giao dịch chứng khoán

- 1) Trong trường hợp bất kỳ điều khoản nào của Các Điều khoản và Điều kiện được xác định là không có hiệu lực pháp luật và không khả thi, những điều khoản còn lại vẫn có hiệu lực và ràng buộc các Bên trong phạm vi pháp luật cho phép;
- 2) Tài khoản của Khách hàng chấm dứt hoạt động và bị đóng trong các trường hợp:
 - Khách hàng yêu cầu chấm dứt hợp đồng sau khi đã hoàn thành mọi nghĩa vụ liên quan và được Công ty chứng khoán đồng ý;
 - Khách hàng vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng này và/hoặc vi phạm pháp luật;
 - Khách hàng bị chết, hoặc mất năng lực hành vi, đồng thời đã hoàn thành mọi nghĩa vụ liên quan đến Công ty chứng khoán, bên thứ ba có liên quan;
 - Công ty chứng khoán giải thể, phá sản, bị đình chỉ hoạt động, bị rút nghiệp vụ mồi giới hoặc thu hồi giấy phép hoạt động.

CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN VỀ GIAO DỊCH DIỆN TỬ

Các Điều khoản và Điều kiện về Giao dịch điện tử sau đây được áp dụng cho tất cả các giao dịch được thực hiện bằng phương thức điện tử thông qua hệ thống của Công ty chứng khoán. Khi đăng ký sử dụng dịch vụ giao dịch điện tử tại Công ty chứng khoán, Khách hàng thừa nhận đã hiểu và chấp nhận rằng buộc bởi Các Điều khoản và Điều kiện về Giao dịch điện tử này, và bất kỳ sửa đổi, bổ sung nào của Các Điều kiện và Điều khoản và Dịch vụ giao dịch điện tử này được Công ty chứng khoán thực hiện tại từng thời điểm.

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

- 1.1. "Giao dịch điện tử": là các giao dịch liên quan đến chứng khoán và tiền gửi trên tài khoản giao dịch chứng khoán của Khách hàng mở tại Công ty chứng khoán mà các giao dịch đó (i) được thực hiện phù hợp với các quy định và các dịch vụ do Công ty chứng khoán ban hành hoặc sửa đổi bổ sung trong từng thời kỳ; và (ii) được thực hiện thông qua các phương tiện điện tử, bao gồm nhưng không giới hạn bởi điện thoại, fax, internet, tin nhắn SMS, email, web-chat hoặc các phương tiện điện tử khác.
- 1.2. "Dịch vụ giao dịch điện tử": là các dịch vụ do Công ty chứng khoán cung cấp cho Khách hàng tùy từng thời điểm để Khách hàng thực hiện các Giao dịch điện tử.
- 1.3. "Tên đăng nhập": là dấu ký tự do Công ty chứng khoán cung cấp và Khách hàng dùng để sử dụng Dịch vụ giao dịch điện tử.
- 1.4. "Mật khẩu đăng nhập": là mật khẩu để xác định Khách hàng khi truy cập vào Hệ thống của Công ty chứng khoán.
- 1.5. "Mật khẩu bảo mật": là mật khẩu sử dụng một lần (OTP: one-time-password) để Khách hàng thực hiện các Giao dịch điện tử, chỉ có hiệu lực duy nhất đối với một giao dịch tại một thời điểm nhất định của một Khách hàng cụ thể, và sẽ tự động hủy trong một thời gian xác định.
- 1.6. "Hệ thống của Công ty chứng khoán" là hệ thống giao dịch điện tử mà Công ty chứng khoán triển khai sử dụng tại từng thời điểm, bao gồm nhưng không giới hạn trong internet, điện thoại, fax, email.

Điều 2. Điều kiện giao dịch điện tử

- Khi Khách hàng mở TKGD, Khách hàng mặc định được quyền sử dụng tất cả các Dịch vụ giao dịch điện tử Công ty chứng khoán đang hoặc sẽ triển khai. Khách hàng khi thực hiện bất kỳ giao dịch nào theo phương thức Giao dịch điện tử phải tuân thủ các điều kiện sau:
- 2.1 Khách hàng chỉ sử dụng được Dịch vụ Dịch vụ giao dịch điện tử tại Công ty chứng khoán sau khi đã cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để Công ty chứng khoán kích hoạt các Dịch vụ giao dịch điện tử trên TKGD của Khách hàng.
 - 2.2 Khách hàng sử dụng Tên đăng nhập và Mật khẩu đăng nhập, Mật khẩu bảo mật và các yếu tố nhận dạng khác (nếu có) để thực hiện các Giao dịch điện tử.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Khách hàng

- 3.1. Cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin cần thiết theo yêu cầu của Công ty chứng khoán và của pháp luật khi mở TKGD và trong suốt quá trình sử dụng Dịch vụ giao dịch điện tử, Tuân thủ hướng dẫn và quy định của Công ty chứng khoán, quy định của pháp luật về giao dịch điện tử nói chung và giao dịch điện tử trong lĩnh vực chứng khoán nói riêng.
- 3.2. Khách hàng xác nhận đã được tạo mọi điều kiện và đã nghiên cứu đầy đủ, chính xác nội dung hướng dẫn của Công ty chứng khoán về việc sử dụng các Dịch vụ giao dịch điện tử, ý thức được đầy đủ các rủ ro có thể phát sinh như quy định tại Điều 6 của Các Điều khoản và Điều kiện về Giao dịch điện tử này.
- 3.3. Giao dịch của Khách hàng thực hiện được ghi nhận bằng hệ thống của Công ty chứng khoán. Khách hàng có trách nhiệm kiểm tra lại trạng thái lệnh đặt của mình đã được nhập vào hệ thống của Công ty chứng khoán hay chưa thông qua hệ thống giao dịch điện tử hoặc nhân viên nhận lệnh.
- 3.4. Chịu trách nhiệm bảo mật Tên đăng nhập, Mật khẩu đăng nhập, Mật khẩu bảo mật và các yếu tố nhận dạng khác (nếu có) và thực hiện tất cả các biện pháp cần thiết ở mức độ cao nhất nhằm phòng chống việc sử dụng trái phép Tên đăng nhập, Mật khẩu đăng nhập, Mật khẩu bảo mật, và các yếu tố nhận dạng khác (nếu có). Mọi yêu cầu về giao dịch và hỗ trợ phát sinh từ Khách hàng gửi đến Công ty chứng khoán được hiểu là yêu cầu bằng tay viết hoặc bằng điện tử, và Khách hàng ghi rõ tên và số điện thoại để Công ty chứng khoán có thể xác minh và xác nhận.
- 3.5. Khách hàng không được sử dụng hoặc cung cấp Tên đăng nhập, Mật khẩu đăng nhập, Mật khẩu bảo mật, các yếu tố nhận dạng khác (nếu có) và các thông tin liên quan đến việc sử dụng dịch vụ này cho người khác hoặc các mục đích gây hại cho hệ thống giao dịch điện tử của Công ty chứng khoán. Nếu phát hiện ra, Công ty chứng khoán có quyền đơn phương dừng cung cấp dịch vụ và chuyển hồ sơ cho các cơ quan pháp luật xử lý theo quy định pháp luật.
- 3.6. Khách hàng đồng ý và chấp nhận việc Công ty chứng khoán được tự động trích TKGD của Khách hàng để thanh toán phí dịch vụ và/hoặc chi phí khác theo quy định của Công ty chứng khoán liên quan đến việc sử dụng Dịch vụ giao dịch điện tử và/hoặc thực hiện Giao dịch điện tử của Khách hàng.
- 3.7. Trong mọi trường hợp, Khách hàng phải chịu trách nhiệm và có nghĩa vụ thanh toán đối với tất cả các giao dịch đã được thực hiện bằng Tên đăng nhập, Mật khẩu đăng nhập, Mật khẩu bảo mật, các yếu tố nhận dạng khác (nếu có) của Khách hàng mà không được, vì bất cứ lý do gì, hủy, phủ nhận, thay đổi, thoái thác giao dịch sau khi các giao dịch này đã được xác nhận, và Khách hàng phải chịu hoàn toàn trách nhiệm ngay cả đối với các lệnh được đặt do lỗi đánh máy, do nhập thông tin sai, các lệnh Công ty chứng khoán duyệt và/hoặc thực hiện. Đặc biệt, Khách hàng phải chịu hoàn toàn trách nhiệm ngay cả đối với các lệnh được đặt do lỗi đánh máy, do nhập thông tin sai, các lệnh vượt quá các giới hạn giao dịch vv....Công ty chứng khoán mặc nhiên nội dung thông tin trên các lệnh giao dịch mà Công ty chứng khoán nhận được là đúng, chính xác và chính xác Khách hàng thực hiện và Công ty chứng khoán không có nghĩa vụ kiểm tra, phát hiện, chỉnh sửa, ngăn chặn, cảnh báo đối với bất kỳ lệnh nào bằng bất kỳ cách nào.
- 3.8. Khách hàng cam kết không thực hiện các giao dịch trái pháp luật.
- 3.9. Thông báo bằng hình thức nhanh nhất cho Công ty chứng khoán khi phát hiện hoặc nghi ngờ việc truy cập trái phép dịch vụ được Công ty chứng khoán cung cấp cho Khách hàng; hoặc nghỉ ngơi có người biết mật khẩu của Khách hàng theo số điện thoại đường dây nóng của Công ty chứng khoán tại từng thời điểm. Khách hàng phải xác nhận lại thông báo của mình bằng văn bản gửi cho Công ty chứng khoán (nếu trước đó thông báo bằng các hình thức khác).
- 3.10. Khách hàng có trách nhiệm đăng ký địa chỉ, số điện thoại/email/fax hoặc các phương tiện liên lạc khác để Công ty chứng khoán gửi các thông tin về số dư tiền/chứng khoán và các thông tin khác liên quan đến việc cung cấp Dịch vụ cho Khách hàng mà Công ty chứng khoán thấy cần thiết (sau đây gọi tắt là "Thông báo từ Công ty chứng khoán"). Trường hợp có sự thay đổi tin tức liên quan đến việc cung cấp Dịch vụ cho Khách hàng mà Công ty chứng khoán thấy cần thiết (sau đây gọi tắt là "Thông báo từ Công ty chứng khoán"), Khách hàng có trách nhiệm đăng ký lại với Công ty chứng khoán. Công ty chứng khoán địa chỉ, số điện thoại, số fax, email và các phương tiện liên lạc đã đăng ký với Công ty chứng khoán thi Khách hàng có trách nhiệm đăng ký lại với Công ty chứng khoán. Công ty chứng khoán không chịu trách nhiệm trong trường hợp Khách hàng không nhận được các Thông báo từ Công ty chứng khoán và các hậu quả kèm theo mà nguyên nhân là do Khách hàng không

kểm tra hoặc không thể kiểm tra Thông báo từ Công ty chứng khoán gửi đến hoặc qua các phương tiện đã đăng ký và/hoặc do Khách hàng không đăng ký lại thông tin liên hệ với Công ty chứng khoán như quy định tại điều khoản này.

- 3.11. Thanh toán các khoản phí sử dụng Dịch vụ giao dịch điện tử cho Công ty chứng khoán, bao gồm phí SMS, phí mua thiết bị xác thực (nếu có), các loại phí liên quan đến từng Dịch vụ giao dịch điện tử theo quy định của Công ty chứng khoán tùy từng thời kỳ. Có nghĩa vụ nộp thuế (nếu có) đối với các Dịch vụ giao dịch điện tử mà Khách hàng sử dụng.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Công ty chứng khoán

- Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Công ty chứng khoán**

4.1. Cung cấp Dịch vụ giao dịch điện tử một cách tốt nhất và cố gắng giảm thiểu các rủi ro có thể gặp phải về kỹ thuật cho Khách hàng.

4.2. Yêu cầu Khách hàng nghiên cứu kỹ và tuân thủ các hướng dẫn sử dụng Dịch vụ giao dịch điện tử.

4.3. Công ty chứng khoán có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) kiểm tra độ tin cậy của lệnh giao dịch và người đặt lệnh, mật khẩu giao dịch và mã xác thực và các yếu tố nhận dạng khác (nếu có).

4.4. Chủ động trích chuyển các khoản tiền từ TKGD của Khách hàng phù hợp với quy định tại Điều 3.6 của Các Điều khoản và Điều kiện về Giao dịch điện tử.

4.5. Công ty chứng khoán có quyền tạm ngừng/chấm dứt/tùy chỉnh việc sử dụng Dịch vụ giao dịch điện tử của Khách hàng phù hợp với Các Điều khoản và Điều kiện về Dịch vụ giao dịch điện tử hoặc theo yêu cầu của pháp luật hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

4.6. Phong tỏa trên TKGD của Khách hàng số tiền/chứng khoán mà hai bên tranh chấp và khẩu trừ bất kỳ khoản tiền/trách nhiệm/chi phí nào mà theo phán quyết của tòa án có thẩm quyền Khách hàng phải trả cho Công ty chứng khoán.

4.7. Công ty chứng khoán không chịu bù trừ trách nhiệm gì đối với những giao dịch không thực hiện được hay bắt cứ thiệt hại nào trực tiếp hoặc gián tiếp gây ra bởi việc Khách hàng không thực hiện đúng những nội dung trong các hướng dẫn sử dụng Dịch vụ giao dịch điện tử và các quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện về Giao dịch điện tử này.

4.8. Công ty chứng khoán hoàn toàn không chịu trách nhiệm trong các trường hợp sau:

 - Bất cứ giao dịch nào thực hiện ngoài ý muốn của Khách hàng do Khách hàng chưa hiểu rõ nội dung, cách thức sử dụng các hình thức giao dịch mà mình đã đăng ký với Công ty chứng khoán;
 - Bất kỳ khiếu nại nào của Khách hàng về việc giao dịch được thực hiện dưới Tên đăng nhập của Khách hàng không phải do chính Khách hàng thực hiện;
 - Giao dịch của Khách hàng bị cản trở, chậm trễ, sai sót, không thể thực hiện gây ra bởi hoặc có liên quan đến việc:
 - Hệ thống xử lý, hệ thống truyền tin của Công ty chứng khoán gặp sự cố kỹ thuật;
 - Hệ thống thông tin hiện tại giữa Công ty chứng khoán và Khách hàng đang bị lỗi;
 - Hệ thống thông tin hiện tại giữa Công ty chứng khoán và Sở Giao dịch chứng khoán bị lỗi chưa khắc phục được trong phiên giao dịch;
 - Công ty chứng khoán xé贴 thấy cần kiểm tra tính hợp lệ của việc đặt lệnh và người đặt lệnh;
 - Lệnh giao dịch không hợp lệ;
 - Theo yêu cầu của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;
 - Các lý do bất khả kháng như phá hoại, động đất, cháy nổ, thiên tai, đứt nghẽn mạng, mất điện, hành vi phá hoại từ bên ngoài (bao gồm virus, phần mềm độc hại, v.v...).
 - Bất kỳ khiếu nại, yêu cầu bồi thường nào của Khách hàng về thiệt hại gây ra bởi bất kỳ nguyên nhân nào ngoài tầm kiểm soát của Công ty chứng khoán, bao gồm nhưng không giới hạn trong chiến tranh, sự thay đổi về luật pháp hoặc lệnh, yêu cầu, quy định của cơ quan Nhà nước, hỏa hoạn, thiên tai, trục trặc của các thiết bị cơ khí hoặc điện tử hoặc hệ thống hạ tầng công cộng, do lỗi của các bên thứ ba cung cấp dịch vụ Internet, điện thoại hoặc viễn thông vv...

4.9. Từ chối việc thực hiện các giao dịch có dấu hiệu khả nghi, bát thường hoặc không hợp pháp, hợp lệ theo quy định của Công ty chứng khoán, Sở Giao dịch Chứng khoán, của pháp luật hoặc trong các trường hợp ngoài khả năng kiểm soát của Công ty chứng khoán và không chịu trách nhiệm đối với Khách hàng về việc từ chối này.

4.10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện về Giao dịch điện tử này và quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 5. Cam kết chung của hai Bên

- 5.1. Tuân thủ các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, giao dịch điện tử, phòng chống rửa tiền, các quy định pháp luật có liên quan, các quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán và các quy định của Công ty chứng khoán liên quan đến dịch vụ này.

5.2. Bảo mật các thông tin của Khách hàng liên quan đến việc sử dụng các dịch vụ này ngoại trừ phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

5.3. Các tài liệu, chứng từ liên quan đến việc cung cấp dịch vụ giữa Công ty chứng khoán và Khách hàng cũng như các sổ liệu được ghi chép, xác nhận và lưu giữ bởi hệ thống ghi âm, hệ thống máy tính của Công ty chứng khoán sẽ là bằng chứng về việc giao dịch điện tử của Khách hàng với Công ty chứng khoán (sau đây gọi chung là "Chứng từ Điện tử"). Hai bên hiểu rằng các bằng chứng này có đầy đủ tính pháp lý và hiệu lực thi hành đối với Công ty chứng khoán và Khách hàng.

5.4. Công ty chứng khoán có trách nhiệm lưu giữ các Chứng từ liên quan đến các yêu cầu giao dịch điện tử của Khách hàng theo quy định của pháp luật. Công ty chứng khoán có quyền chuyển chúng từ điện tử sang chứng từ giấy. Khách hàng cam kết hợp tác với Công ty chứng khoán trong việc hoàn thiện tính pháp lý của chứng từ bằng văn bản theo yêu cầu của Công ty chứng khoán/hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

5.5. Thông tin về đề nghị sử dụng dịch vụ từng lần của Khách hàng sẽ được lưu giữ tại Công ty chứng khoán qua hệ thống ghi âm/hệ thống máy tính của Công ty chứng khoán, có giá trị pháp lý và được coi là một chứng từ trong thanh toán, chuyển khoản.

5.6. Công ty chứng khoán có thể tạm ngừng/chấm dứt việc cung cấp dịch vụ vì bất kỳ lý do gì mà không cần báo trước khi Công ty chứng khoán thấy là cần thiết, bao gồm nhưng không giới hạn các trường hợp (i) Khách hàng vi phạm quy định của Công ty chứng khoán hoặc của pháp luật về việc sử dụng và quản lý TKGD, hoặc (ii) theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, hoặc (iii) các trường hợp liên quan đến cửa hàng mua và rủi ro; hoặc (iv) khi lợi ích của Công ty chứng khoán/Khách hàng/Bên thứ ba có thể bị tổn hại hoặc có gian lận; hoặc (v) trường hợp Công ty chứng khoán tạm ngưng dịch vụ để bảo trì, nâng cấp Hệ thống của Công ty chứng khoán, hoặc (vi) khi phát hiện Khách hàng vi phạm bất kỳ nội dung nào của Các Điều kiện và Điều khoản về Giao dịch điện tử, hoặc (vii) TKGD của Khách hàng tạm đình chỉ hoạt động hoặc bị đóng.

5.7. Công ty chứng khoán có quyền coi mỗi yêu cầu của Khách hàng là một yêu cầu độc lập, bao gồm cả trường hợp Khách hàng gửi nhiều yêu cầu cùng lúc có nội dung giống nhau. Trường hợp Công ty chứng khoán nghi ngờ đây là bản sao của một yêu cầu giao dịch trước đó, Công ty chứng khoán được lựa chọn (nhưng không có nghĩa vụ) không chấp thuận thực hiện giao dịch và thông báo lại Khách hàng để xử lý.

5.8. Bất kỳ lệnh giao dịch nào của Khách hàng đã thực hiện sẽ được Công ty chứng khoán coi là có giá trị và không hủy ngang. Khách hàng cam kết và chấp thuận rằng các giao dịch được thực hiện thông qua Tên đăng nhập, Mật khẩu đăng nhập, Mật khẩu bảo mật và các yếu tố nhận dạng khác (nếu có) liên quan đến việc sử dụng Dịch vụ giao dịch điện tử là giao dịch do chính Khách hàng/người được ủy quyền hợp pháp của Khách hàng thực hiện.

5.9. Trường hợp Khách hàng muốn huỷ yêu cầu thực hiện giao dịch của mình, Công ty chứng khoán sẽ chỉ xem xét với điều kiện (i) yêu cầu huỷ giao dịch được gửi đến Công ty chứng khoán ngay lập tức sau khi Khách hàng gửi lệnh giao dịch, và (ii) Công ty chứng khoán chưa ghi nhận và/hoặc chưa xử lý giao dịch trên hệ thống của mình theo yêu cầu của Khách hàng, và (iii) việc huỷ giao dịch không ảnh hưởng đến lợi ích của Công ty chứng khoán cũng như lợi ích của bất kỳ một bên thứ ba nào khác.

Điều 6. Điều khoản về công bố các rủi ro tiềm tàng có thể phát sinh

- 6.1.** Việc sử dụng Dịch vụ giao dịch điện tử luôn tồn tại những rủi ro tiềm tàng do lỗi của Hệ thống của Công ty chứng khoán, của Khách hàng hoặc của bất kỳ bên thứ ba nào khác. Khách hàng cam kết chấp nhận mọi rủi ro, mất mát hoặc bất kỳ thiệt hại nào khi phát sinh khi sử dụng Dịch vụ giao dịch điện tử do lỗi hệ thống, lỗi của bất kỳ bên thứ ba hoặc do các hành động, thao tác của Khách hàng ảnh hưởng đến việc sử dụng Dịch vụ giao dịch điện tử. Khách hàng cam kết đã đọc, ý thức rõ ràng và cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về những rủi ro có thể phát sinh từ việc sử dụng Dịch vụ giao dịch điện tử, bao gồm nhưng không giới hạn các rủi ro:

 - Lỗi hệ thống phần cứng, phần mềm không hoạt động hoặc hoạt động không đúng chức năng thiết kế do lũ lụt, hỏa hoạn, thiên tai, chập điện, hư hỏng tự nhiên, hành vi phá hoại hoặc gian lận của con người khiến cho lệnh giao dịch không được thực hiện hoặc bị hoãn;
 - Rủi ro đường truyền điện thoại hoặc internet của nhà cung cấp dịch vụ gặp sự cố kỹ thuật như đứt đường truyền, quá tải hoặc những sự cố tương tự có thể ảnh hưởng đến việc thực hiện các giao dịch trực tuyến của khách hàng như giao dịch trực tuyến của Khách hàng không thể truyền đến hệ thống của Công ty chứng khoán (lệnh giao dịch của khách hàng có thể bị treo/ngưng/trì hoãn hoặc có lỗi dữ liệu) hoặc việc nhận dạng thông tin của Khách hàng bị nhầm lẫn, sai lệch.
 - Hệ thống thông tin hiện tại giữa Công ty chứng khoán và Sở giao dịch Chứng khoán bị lỗi trong phiên giao dịch; Bảng giá chứng khoán và các thông tin chứng khoán khác có thể có lỗi/sai, lệch hoặc Khách hàng không thể truy cập vào hệ thống của Công ty chứng khoán;
 - Hệ thống máy tính của Công ty chứng khoán gặp sự cố do bị mất nguồn điện, bị tấn công, nhiễm virus hoặc bị ảnh hưởng của những sự cố ngoài ý muốn dẫn đến việc không thể xử lý hoặc thực hiện các giao dịch trực tuyến của khách hàng;
 - Hệ thống máy tính của Khách hàng bị hỏng, bị virus, bị tấn công dẫn đến việc làm lộ hoặc bị đánh cắp các thông tin về giao dịch của khách hàng (tên đăng nhập, mật khẩu, thiết bị xác thực, số điện thoại /điện thoại di động và các yếu tố nhận dạng khác (nếu có)) hoặc tài khoản của Khách hàng bị sử dụng một cách trái phép bởi một bên thứ ba;
 - Bất cứ giao dịch nào thực hiện ngoài ý muốn của Khách hàng do Khách hàng chưa hiểu rõ nội dung, cách thức sử dụng các hình thức giao dịch mà mình đã đăng ký với Công ty chứng khoán, do sai sót trong quá trình Khách hàng thao tác với các thiết bị (như nhập sai dữ liệu, dữ kiện, gõ nhầm phím, v.v.);
 - Giao dịch trực tuyến do Khách hàng thực hiện sẽ được xử lý và thực hiện một cách tự động hoặc mặc nhiên ngay khi truyền đến hệ thống của Công ty chứng khoán. Công ty chứng khoán mặc nhiên xác nhận mọi giao dịch trực tuyến của Khách hàng gửi đến Công ty chứng khoán đều do chính Khách hàng thực hiện. Vì vậy, mọi ý kiến cho rằng đó là nhầm lẫn hoặc sai sót liên quan đến giao dịch của Khách hàng đều không được chấp nhận. Mọi thiệt hại phát sinh do Khách hàng chịu trách nhiệm.

6.2. Công ty chứng khoán không chịu trách nhiệm nếu Khách hàng để lộ Mật khẩu đăng nhập, Mật khẩu giao dịch và các yếu tố nhận dạng khác (nếu có). Trong trường hợp bị lộ hoặc Khách hàng phát hiện có người sử dụng trái phép Tên đăng nhập, Mật khẩu đăng nhập, Mật khẩu giao dịch và các yếu tố nhận dạng khác (nếu có), Khách hàng phải thông báo ngay lập tức cho Công ty chứng khoán để chính chí giao dịch và có biện pháp xử lý kịp thời.

Điều 7. Giao dịch chứng khoán lô lè trực tuyến

- 7.1. Giao dịch chứng khoán lô lẻ trực tuyến là việc Khách hàng thực hiện giao dịch chứng khoán lô lẻ thông qua phương thức giao dịch điện tử của Công ty chứng khoán.

7.2. Giá chuyển nhượng chứng khoán lô lẻ sẽ là mức giá do Công ty chứng khoán quy định đang có hiệu lực tại thời điểm Khách hàng đặt lệnh bán chứng khoán lô lẻ và tuân thủ theo quy định của pháp luật và Công ty chứng khoán.

7.3. Khi sử dụng dịch vụ Khách hàng đồng ý trả cho Công ty chứng khoán phí dịch vụ cho dịch vụ giao dịch chứng khoán lô lẻ trực tuyến được Công ty chứng khoán quy định theo từng thỏa thuận.

Điều 8. Thiết bị, phần mềm và truy cập mạng

- 8.1. Khách hàng đơn phương chịu trách nhiệm về việc lắp đặt, duy trì và vận hành máy tính cá nhân, điện thoại của Khách hàng. Công ty chứng nhận không chịu trách nhiệm về lỗi do lỗi

8.2. Khách hàng chịu trách nhiệm bảo đảm hệ thống điện thoại, máy tính cá nhân và phần mềm của Khách hàng sử dụng trong việc truy cập các Dịch vụ đáp ứng được các tiêu chí tối thiểu để có thể truy cập được Dịch vụ.

Điều 9. Hiệu lực của Các Điều khoản và Điều kiện về Giao dịch điện tử

9.1. Các Điều khoản và Điều kiện về Dịch vụ giao dịch điện tử chấm dứt hiệu lực khi:

a) Khách hàng yêu cầu chấm dứt sử dụng Dịch vụ giao dịch điện tử phù hợp với quy định của Công ty chứng khoán và pháp luật;

b) Theo Điều 5.6 của Các Điều khoản và Điều kiện về Giao dịch điện tử;

9.2. Công ty chứng khoán có toàn quyền quyết định bổ sung, hủy bỏ hoặc thay đổi phạm vi Dịch vụ giao dịch điện tử và/hoặc bất kỳ điều nào trong Các Điều khoản và Điều kiện này mà Công ty chứng khoán thấy là phù hợp. Công ty chứng khoán sẽ đưa ra thông báo về việc sửa đổi đó cho Khách hàng và việc Khách hàng sử dụng Dịch vụ giao dịch điện tử sau ngày mà bắt đầu thay đổi nào đó với các Điều khoản và Điều kiện này có hiệu lực (theo thông báo của Công ty chứng khoán) sẽ là sự chấp nhận mà không cần Khách hàng xác nhận về sự thay đổi và thay đổi đó sẽ được xem là một phần không tách rời của Các Điều khoản và Điều kiện này. Nếu Khách hàng không chấp nhận bất kỳ điều thay đổi nào, Khách hàng được quyền hủy bỏ Dịch vụ giao dịch điện tử bằng cách thông báo cho Công ty chứng khoán phù hợp với quy định của bản Các Điều khoản và Điều kiện.

9.3. Trường hợp Khách hàng muốn hủy bỏ sử dụng Dịch vụ giao dịch điện tử do Công ty chứng khoán cung cấp cho Khách hàng, Khách hàng phải thông báo cho Công ty chứng khoán về việc hủy bỏ đó bằng văn bản trước một khoảng thời gian hợp lý.

CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN VỀ DỊCH VỤ ỦNG TRƯỚC TIỀN BÁN CHỨNG KHOÁN

Các Điều khoản và Điều kiện về Ủng trước Tiền bán Chứng khoán (sau đây gọi tắt là "Các Điều khoản và Điều kiện về UTBCK") được áp dụng cho tất cả các Tài khoản Giao dịch Chứng khoán mở tại Công ty Chứng khoán. Khi sử dụng dịch vụ Ủng trước tiền bán chứng khoán, Khách hàng thừa nhận rằng Khách hàng đã đọc, hiểu và chấp nhận các điều khoản và điều kiện được nêu dưới đây và đồng ý chịu ràng buộc bởi các điều khoản và điều kiện này, và các bản sửa đổi, bổ sung của Các Điều khoản và Điều kiện về UTBCK này do Công ty chứng khoán thực hiện tại từng thời điểm.

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

- 1.1. "Lệnh mua/Lệnh bán chứng khoán": là Lệnh mua/Lệnh bán chứng khoán của Khách hàng, do Khách hàng lập theo mẫu của Công ty chứng khoán đã được Khách hàng xác nhận (bằng chữ ký trên giấy hoặc mật khẩu đối với các Lệnh mua/Lệnh bán điện tử).
- 1.2. "Khớp lệnh": là kết quả Lệnh mua/Lệnh bán đã được xác nhận giao dịch thành công.
- 1.3. "Tiền bán chứng khoán": là số tiền Khách hàng được nhận từ việc bán chứng khoán theo Lệnh bán chứng khoán của Khách hàng và đã được Công ty chứng khoán xác nhận là giao dịch khớp lệnh thành công.
- 1.4. "Phi ứng trước": là khoản phí Khách hàng phải trả Công ty chứng khoán do sử dụng dịch vụ Ủng trước tiền bán chứng khoán theo Biểu phí của Công ty chứng khoán từng thời kỳ.
- 1.5. "Ủng trước tiền bán chứng khoán": là việc Công ty chứng khoán thanh toán ứng trước một khoản tiền cho Khách hàng trên cơ sở Khách hàng chuyển nhượng lại và/hoặc điều kiện cho Công ty chứng khoán quyền nhận tiền bán chứng khoán của mình và bảo đảm hoàn trả đầy đủ cho Công ty chứng khoán số tiền ứng trước cộng Phi ứng trước.
- 1.6. "Ngày T" là ngày giao dịch, "ngày T+1" là ngày giao dịch tiếp ngay sau ngày T; "ngày T+2" là ngày giao dịch tiếp ngay sau ngày giao dịch T+1; "ngày T+3" là ngày giao dịch tiếp ngay sau ngày giao dịch T+2.
- 1.7. "Ngày ứng trước tiền bán": là ngày mà Khách hàng phát sinh các nhu cầu thanh toán tại các trường hợp nêu tại Điều 2.1 và nhận được số tiền ứng trước trong TKGDCK của Khách hàng (trong khoảng thời gian từ ngày T+0 đến ngày T+2 kể từ ngày khớp Lệnh bán).
- 1.8. "Số tiền ứng trước" là số tiền Công ty chứng khoán ứng vào TKGD của Khách hàng.
- 1.9. "Số tiền ứng trước tối đa": là số tiền bán chứng khoán trừ Phi giao dịch, Phi ứng trước và Thuế, phí khác theo quy định pháp luật (nếu có).

Điều 2. Điều kiện và phương thức thực hiện

- 2.1. Khi mở TKGD, Khách hàng mặc định đồng ý và chấp nhận sử dụng dịch vụ Ủng trước tiền bán chứng khoán. Công ty chứng khoán sẽ tự động Ủng trước tiền bán chứng khoán trên cơ sở kết quả Khớp lệnh đối với Lệnh bán chứng khoán trong các trường hợp sau:
- a) Khách hàng sử dụng bất kỳ giao dịch chứng khoán nào trên TKGD mà không có đủ tiền mặt để thanh toán (rút hoặc chuyển khoản tiền mặt ra khỏi tài khoản, thanh toán nợ gốc và lãi, phí các khê ước vay, thanh toán tiền mua mua chứng khoán, giao dịch ký quỹ và các giao dịch chứng khoán khác); và/hoặc;
- b) Khách hàng có những nghĩa vụ tài chính đến hạn với Công ty chứng khoán (bao gồm nhưng không giới hạn trong nghĩa vụ thanh toán tiền mua chứng khoán, các nghĩa vụ tài chính đến hạn khác); Công ty chứng khoán tự động ứng trước tiền bán chứng khoán để thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính đến hạn đó.

2.2. Trong mọi trường hợp, Số tiền ứng trước không vượt quá Số tiền ứng trước tối đa.

2.3. Thanh toán hoàn trả Số tiền ứng trước: Khách hàng đồng ý chuyển nhượng và/hoặc điều kiện cho Công ty chứng khoán quyền nhận tiền bán chứng khoán của Khách hàng để hoàn trả cho Công ty chứng khoán đầy đủ số tiền ứng trước cộng phí ứng trước từ Tiền bán chứng khoán đã được Khớp lệnh và thanh toán vào ngày T+3 kể từ ngày khớp Lệnh bán.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Khách hàng

- 3.1. Thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện về UTBCK này.
- 3.2. Khi phát sinh các nghĩa vụ thanh toán như nêu tại Điều 2.1 và điều kiện thực hiện việc Ủng trước tiền bán chứng khoán, Khách hàng được coi là đã chấp thuận các điều kiện về mức Phi ứng trước và các điều kiện khác quy định tại Điều 2 của Các Điều khoản và Điều kiện về UTBCK này.
- 3.3. Đồng ý để Công ty chứng khoán được tự động khấu trừ tiền từ TKGDCK của Khách hàng để hoàn trả toàn bộ Số tiền ứng trước, Phi ứng trước và cam kết không có bất cứ khiếu nại, khiếu kiện nào về việc trích chuyển từ TKGDCK của Khách hàng để thực hiện các khoản thanh toán này.
- 3.4. Nếu kết quả khớp lệnh bị hủy thanh toán thông báo của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam vì bất kỳ lý do gì thì Khách hàng sẽ có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Công ty chứng khoán các khoản mà Công ty chứng khoán đã ứng trước cùng với phí, lệ phí phát sinh đến thời điểm hoàn trả theo quy định của Công ty chứng khoán.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Công ty chứng khoán

- 4.1. Thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện về UTBCK.
- 4.2. Tự động khấu trừ toàn bộ Số tiền ứng trước, phí ứng trước từ TKGDCK của Khách hàng khi tiền bán chứng khoán về tài khoản của Khách hàng mà không cần có ý kiến chấp thuận của Khách hàng.
- 4.3. Công ty chứng khoán có quyền đơn phương ngưng cung cấp dịch vụ cho Khách hàng nếu Công ty chứng khoán xét thấy việc cung cấp dịch vụ có thể gây rủi ro, tổn thất cho Công ty chứng khoán hoặc việc cung cấp dịch vụ không phù hợp với chính sách, điều kiện hoạt động của Công ty chứng khoán.

Điều 5. Cam kết chung

Các bên thông nhất rằng, tùy từng thời kỳ và trường hợp cụ thể theo quy định của Công ty chứng khoán, việc dịch vụ Ủng trước tiền bán chứng khoán có thể thực hiện qua nguồn của Công ty chứng khoán hoặc bên thứ ba. Do vậy khi ứng qua nguồn của bên thứ ba, ngoài việc tuân thủ các Điều khoản và Điều kiện về UTBCK này, Khách hàng phải tuân thủ quy định của bên thứ ba đó về việc ứng trước tiền bán chứng khoán.

Điều 6. Hiệu lực

Các Điều khoản và Điều kiện về UTBCK chấm dứt trong các trường hợp sau:

6.1. Hai bên có thỏa thuận bằng văn bản về việc chấm dứt dịch vụ;

6.2. Khi Khách hàng vi phạm tại Điều 2 và Điều 3 và không sửa chữa vi phạm trong thời hạn Công ty chứng khoán thông báo;

6.3. Do quy định của pháp luật hiện hành hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền;

6.4. Khi Công ty chứng khoán dừng cung cấp dịch vụ này;

Không bị ảnh hưởng bởi việc Các Điều khoản và Điều kiện về UTBCK chấm dứt trước thời hạn, tất cả các nghĩa vụ còn lại của Khách hàng đối với Công ty chứng khoán theo Các Điều khoản và Điều kiện về UTBCK sẽ được bảo lưu và sẽ chỉ được xem như hoàn thành khi Khách hàng thực hiện tất cả các nghĩa vụ đó với Công ty chứng khoán.

CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN VỀ GIAO DỊCH KÝ QUỸ CHỨNG KHOÁN

Các Điều khoản và Điều kiện về Giao dịch ký quỹ chứng khoán sau đây được áp dụng cho tất cả các TKGDQK mở tại Công ty chứng khoán. Khi sử dụng dịch vụ do Công ty chứng khoán cung cấp, Khách hàng thừa nhận rằng Khách hàng đã được cung cấp đầy đủ, đã đọc, hiểu rõ, đồng ý tuân thủ và chịu sự ràng buộc của Các Điều khoản và Điều kiện được nêu dưới đây và đồng ý chấp nhận các Điều khoản và Điều kiện này, và bắt đầu sử dụng và/hoặc điều kiện này. Các Điều khoản và Điều kiện này được Công ty chứng khoán thực hiện tại từng thời điểm. Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK, cùng với các yêu cầu giao dịch ký quỹ chứng khoán của Khách hàng và các quy định liên quan khác do Công ty chứng khoán ban hành trong từng thời kỳ tạo thành Hợp đồng giữa Công ty chứng khoán và Khách hàng về việc cung cấp và sử dụng dịch vụ giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Trong Các Điều khoản và Điều kiện này, các từ ngữ sau được hiểu theo nghĩa thống nhất như sau:

- 1.1. "Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK" là các điều kiện và điều khoản về giao dịch ký quỹ chứng khoán này và cũng đồng thời được coi là hợp đồng tín dụng cho các khoản vay trên tài khoản giao dịch ký quỹ.
- 1.2. "Danh mục chứng khoán ký quỹ - DMKQ" là danh mục các mã chứng khoán được giao dịch ký quỹ, tỉ lệ ký quỹ, tỉ lệ cho vay được quy định bởi Công ty chứng khoán trong từng thời kỳ.
- 1.3. "Tài sản quy đổi": là tổng giá trị số lượng chứng khoán quy đổi theo giá cho vay và tỷ lệ cho vay do TCBS quy định từng thời kỳ.
- 1.4. "Tỷ lệ ký quỹ" là tỷ lệ giữa Tài sản quy đổi trên tổng dư nợ vay.
- 1.5. "Tỷ lệ ký quỹ ban đầu" là tỷ lệ giữa Tài sản quy đổi (trước khi thực hiện giao dịch) so với tổng dư nợ vay (dự kiến thực hiện).

- 1.6. "Tỷ lệ ký quỹ duy trì" - MR: là tỷ lệ tối thiểu giữa Tài sản quy đổi so với tổng dư nợ vay trên TKGDKQ.
- 1.7. "Tài sản bảo đảm - TSĐB" là toàn bộ tài sản có trong TKGDKQ của Khách hàng, bao gồm: tiền mặt hiện có, tiền bán chứng khoán đang chờ về, chứng khoán hiện có hoặc đang chờ về được tính theo tỉ lệ do Công ty chứng khoán quy định trong từng thời kỳ, trừ đi tất cả các nghĩa vụ tài chính của Khách hàng đối với Công ty chứng khoán.
- 1.8. "Dư nợ ký quỹ" là tổng số tiền (bao gồm gốc, lãi) mà Khách hàng nợ Công ty chứng khoán để thực hiện giao dịch ký quỹ mua chứng khoán, thể hiện bằng sổ dư nợ vay trên TKGDKQ của Khách hàng.
- 1.9. "Hạn mức - HM" là số tiền cho vay tối đa đối với từng Khách hàng do Công ty chứng khoán quy định trong từng thời kỳ/thời điểm và được áp dụng đối với mỗi Khách hàng khác nhau.
- 1.10. "Sức mua - BP" là số tiền mà Khách hàng được phép mua chứng khoán trong ngày do Công ty chứng khoán tính toán và xác định.
- 1.11. "Lệnh gọi yêu cầu ký quỹ bổ sung - CM" là lệnh của Công ty chứng khoán gửi đến Khách hàng vào bất kỳ thời điểm nào khi tài sản của Khách hàng sụt giảm do bất kỳ lý do gì hoặc do lệnh mua vượt giá trị được phép vay theo mô hình Giao dịch ký quỹ, theo đó, Khách hàng phải ký quỹ thêm tiền hoặc ký quỹ thêm chứng khoán được phép vay tương đương với số tiền nợ nộp hoặc bán bớt chứng khoán để bảo đảm Tỷ lệ ký quỹ duy trì. Công ty chứng khoán tiến hành bán TSĐB trên TKGDKQ của Khách hàng khi Khách hàng không bổ sung hoặc bỏ lệnh gọi ký quỹ bổ sung. Lệnh gọi ký quỹ bổ sung có thể được thể hiện bằng một trong các hình thức sau: Tin nhắn SMS, email, điện thoại, văn bản hoặc các phương tiện khác.
- 1.12. "Lãi vay" là số tiền lãi được cộng dồn theo số ngày vay tính trên số tiền mà Khách hàng đã vay Công ty chứng khoán.

Điều 2 Tài khoản Giao dịch ký quỹ

- 2.1. Ngay sau khi mở TKGDKQ cho Khách hàng, Công ty chứng khoán sẽ cam kết thay mặt Khách hàng thực hiện các nghĩa vụ thanh toán đối với các giao dịch chứng khoán do Khách hàng thực hiện và được Công ty chứng khoán chấp thuận phù hợp với các điều khoản và điều kiện về GDKQCK này. Khách hàng tại đây đồng ý và ủy quyền Công ty chứng khoán thay mặt Khách hàng thực hiện các nghĩa vụ thanh toán này.
- 2.2. Khách hàng được Công ty chứng khoán cấp HM cho TKGDKQ để thực hiện giao dịch mua/bán chứng khoán theo đúng các quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này. Khách hàng có trách nhiệm sử dụng HM được cấp theo đúng quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này và quy định pháp luật hiện hành liên quan.
- 2.3. Công ty chứng khoán có quyền đơn phương thay đổi HM cung cấp cho Khách hàng bằng cách thông báo cho Khách hàng. Phương thức thông báo do Công ty chứng khoán toàn quyền quyết định.
- 2.4. Liên quan đến việc quản lý TKGDKQ, Khách hàng ủy quyền cho Công ty chứng khoán thực hiện các công việc sau:
- (i) Thay mặt Khách hàng rút tiền/chuyển khoản tiền để thanh toán nợ cho Công ty chứng khoán khi Khách hàng còn dư nợ;
 - (ii) Thay mặt Khách hàng thực hiện bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào khác đến hạn đối với Công ty chứng khoán theo quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK, theo các tài liệu khác đã ký giữa Công ty chứng khoán và Khách hàng và quy định của pháp luật hiện hành;
 - (iii) Thay mặt Khách hàng trích nộp các khoản thuế theo quy định của pháp luật, giữ lại chứng khoán/tiền của Khách hàng để thực hiện việc bảo đảm nộp thuế;
 - (iv) Cung cấp thông tin liên quan đến tài khoản theo quy định của pháp luật.
- Nội dung ủy quyền nêu trên không được hủy ngang cho đến khi Khách hàng hoàn tất nghĩa vụ tài chính cho Công ty chứng khoán và chính thức thanh lý Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này với Công ty chứng khoán.

Điều 3 Các điều kiện và điều khoản để được phép thực hiện Giao dịch ký quỹ

- Khách hàng được phép thực hiện Giao dịch ký quỹ khi đáp ứng các điều kiện, điều khoản sau đây:
- Đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về giao dịch chứng khoán ký quỹ, đáp ứng các quy định về vay và nhận TSĐB của Công ty chứng khoán trong từng thời kỳ/thời điểm.
- 3.1 Không thuộc các trường hợp chấm dứt, thu hồi nợ trước hạn theo quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này.
- 3.2 Có khả năng tài chính bảo đảm trả nợ vay thuộc HM một cách đúng hạn và đúng cam kết.
- 3.3 Chứng khoán mà Khách hàng mua nằm trong DMKQ và trong hạn mức của Công ty chứng khoán. Danh mục này có thể thay đổi tại từng thời kỳ/thời điểm theo quyết định đơn phương của Công ty chứng khoán.
- 3.4 Khách hàng chỉ được đặt lệnh với giá trị nhỏ hơn hoặc bằng BP đã được xác định tại thời điểm đặt lệnh đối với từng mã chứng khoán.

Điều 4 Nguyên tắc cho vay và giải ngân, nguyên tắc rút tiền/chứng khoán

- 4.1 Các nguyên tắc cho vay và giải ngân khi mua chứng khoán ký quỹ:
- (i) Số tiền cho vay: Số tiền cho vay được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị chứng khoán khớp lệnh bao gồm phí giao dịch và các khoản chi phí khác (nếu có) và số tiền có trên TKGDKQ của Khách hàng. Kết quả khớp lệnh mua chứng khoán của Khách hàng (trường hợp TKGDKQ của Khách hàng không đủ số dư tiền thanh toán cho tổng giá trị lệnh mua đã khớp) được xem là đề nghị vay vốn của Khách hàng và số tiền giải ngân thực tế của Công ty chứng khoán là căn cứ nhận nợ của Khách hàng.
 - (ii) Khách hàng có thể được cho vay trong phạm vi hạn mức quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK một hoặc nhiều lần để thực hiện các giao dịch mua/bán chứng khoán của Khách hàng. Trong HM, Khách hàng có thể trả nợ vay và tiếp tục vay lại, nhưng tổng Dư nợ ký quỹ tại mọi thời điểm không vượt quá giá trị HM theo thông báo của Công ty chứng khoán từng thời kỳ đối với Khách hàng và theo quy định về HM nêu tại Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này.
 - (iii) Cách thức giải ngân: Căn cứ vào kết quả giao dịch ngày T+0 của Khách hàng trên TKGDKQ, vào ngày giải ngân theo qui định từng thời kỳ, Công ty chứng khoán sẽ giải ngân số tiền Khách hàng còn thiếu để thanh toán cho số tiền phát sinh mua chứng khoán ký quỹ.
 - (iv) Trong thời hạn hiệu lực của Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK, Khách hàng ủy quyền và yêu cầu Công ty chứng khoán tự động giải ngân tiền vay theo nguyên tắc dưới đây:
 - Căn cứ vào yêu cầu Mua chứng khoán của Khách hàng ghi trên Phiếu lệnh mua chứng khoán giao dịch ký quỹ và/hoặc thông qua các phương tiện giao dịch điện tử khác mà Công ty chứng khoán chấp nhận và giao dịch thành công. Công ty chứng khoán chuyển tiền giải ngân vào TKGDKQ của Khách hàng;
 - Khách hàng đương nhiên nhận nợ vay các khoản được giải ngân theo quy định trên đây và Khách hàng có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền Công ty chứng khoán đã giải ngân cho Công ty chứng khoán theo quy định tại Điều này.
 - Mỗi yêu cầu vay của Khách hàng để thực hiện một giao dịch ký quỹ mà được Công ty chứng khoán chấp thuận giải ngân là một khoản vay độc lập.
 - (v) Khách hàng tuân thủ đúng quy định của Công ty chứng khoán về bảo đảm khoản vay/các tỷ lệ ký quỹ quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này.

Nguyên tắc khi Khách hàng rút tiền/chứng khoán:

- Khách hàng chỉ được rút tiền trên TKGDKQ sau khi đã thanh toán hết các khoản nợ với Công ty chứng khoán hoặc khi trên TKGDKQ có tiền hoác/và chứng khoán và sau khi rút vẫn phải bảo đảm tỷ lệ ký quỹ ban đầu và bảo đảm các quy định của Công ty chứng khoán từng thời kỳ. Khách hàng tại đây cam kết đã hiểu, đồng ý và không có bất cứ khiếu nại, tranh chấp nào đối với Công ty chứng khoán về nguyên tắc, phương thức, thủ tục giải ngân và nhận nợ theo quy định tại Điều này.

4.3 Mục đích vay: vay mua chứng khoán ký quỹ.

Điều 5 Quy định về lãi suất; nguyên tắc thu hồi nợ gốc, lãi và các khoản thuế, phí (nếu có)

- 5.1 Quy định về lãi suất:
- Khách hàng phải trả lãi suất cho Công ty chứng khoán theo lãi suất do Công ty chứng khoán thông báo theo từng thời kỳ và được niêm yết tại website hoặc các điểm giao dịch của Công ty chứng khoán, được tính trên dư nợ thực tế, lãi sẽ được tạm tính sau khi kết thúc ngày giao dịch và được cộng dồn. Lãi vay được tính từ thời điểm Công ty chứng khoán giải ngân thanh toán giao dịch ký quỹ cho Khách hàng tới khi Khách hàng thực hiện tất toán khoản vay.
- Lãi suất cho vay có thể được điều chỉnh theo quyết định đơn phương của Công ty chứng khoán phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của Công ty chứng khoán và quy định của pháp luật về lãi suất cho vay. Khách hàng đồng ý với phương thức thay đổi lãi suất này và cam kết không có bất kỳ khiếu nại nào đối với Công ty chứng khoán.
- 5.2 Nguyên tắc thu nợ gốc và lãi vay:
- (i) Thu hồi nợ gốc và lãi khi trên TKGDKQ có tiền mặt: khi trên TKGDKQ có tiền mặt (do Khách hàng nộp tiền, tiền bán chứng khoán về, ứng trước tiền bán, cỗ tức bằng tiền, các lợi ích tài chính khác được chi trả bằng tiền mặt, các trường hợp khác làm phát sinh tiền mặt trên TKGDKQ của Khách hàng...) Công ty chứng khoán sẽ tự động thu lại gốc và lãi vay mà Khách hàng còn nợ Công ty chứng khoán theo nguyên tắc thu hết lãi của món vay sau đó mới thu gốc.
 - (ii) Thu hồi nợ trong các trường hợp các khoản vay đến hạn: Khách hàng có trách nhiệm thanh toán toàn bộ gốc và lãi của khoản tiền vay tại ngày hết hạn của khoản vay.
 - (iii) Thu hồi nợ trong trường hợp phải xử lý TSĐB: theo quy định tại Điều 8 của Các Điều khoản và Điều kiện GDKQCK này.
 - (iv) Nếu ngày trả nợ gốc và/hoặc lãi trùng với ngày nghỉ (theo quy định chung của pháp luật hoặc ngày nghỉ khác của Công ty chứng khoán) thì ngày trả nợ được tính là ngày làm việc tiếp theo sau ngày nghỉ, và lãi được tính đến ngày Khách hàng thực tế trả nợ.
- 5.3 Quy định về thu thuế, phí (nếu có):
- Khách hàng có trách nhiệm thanh toán các khoản thuế, phí (nếu có) theo quy định của Công ty chứng khoán và cơ quan có thẩm quyền trong từng thời kỳ.
- 5.4 Chuyển nợ quá hạn:
- (i) Công ty chứng khoán sẽ chuyển khoản nợ gốc không thanh toán đúng hạn thành Nợ quá hạn khi Khách hàng:
 - Không thanh toán các khoản nợ gốc theo đúng thời hạn quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này; hoặc
 - Không thanh toán các khoản nợ gốc theo đúng thời hạn quy định bởi Công ty chứng khoán khi được yêu cầu trả nợ trước hạn.
 - (ii) Khi bị chuyển thành Nợ quá hạn thì sẽ áp dụng lãi suất quá hạn tại thời điểm chuyển quá hạn theo quy định của Công ty chứng khoán.
 - (iii) Thời điểm chuyển quá hạn là ngày liền sau một (01) ngày làm việc đến hạn thanh toán nợ gốc hoặc ngày Khách hàng phải thanh toán khi được yêu cầu trả nợ trước hạn của Công ty chứng khoán mà Khách hàng không thực hiện thanh toán.

Điều 6 Thời hạn của các khoản vay

- 6.1. Thời hạn cụ thể của các khoản vay trong hạn mức được mặc định là 89 ngày kể từ ngày Công ty chứng khoán thực hiện giải ngân. Phù hợp với quy định của pháp luật, thời hạn này có thể được thay đổi tùy theo chính sách sản phẩm giao dịch ký quỹ của Công ty chứng khoán tại từng thời kỳ và được và được niêm yết tại website hoặc các điểm giao dịch của Công ty chứng khoán.
- 6.2. Công ty chứng khoán có quyền (không phải là nghĩa vụ) xem xét tiếp tục gia hạn cho các khoản vay trong hạn mức trên cơ sở đề nghị bằng văn bản của khách hàng và phù hợp với Chính sách của Công ty chứng khoán tại từng thời kỳ.

Điều 7 Lệnh gọi ký quỹ bổ sung

- 7.1. Trường hợp tỷ lệ ký quỹ của khách hàng giảm xuống thấp hơn Tỷ lệ ký quỹ duy trì, Công ty chứng khoán sẽ phát hành Lệnh gọi ký quỹ bổ sung gửi đến Khách hàng. Khách hàng có nghĩa vụ bù sung tài sản thế chấp trong thời hạn theo yêu cầu của Công ty chứng khoán.
- 7.2. Kể từ khi nhận được thông báo yêu cầu ký quỹ bổ sung, Khách hàng phải thực hiện bù sung tài sản thế chấp để tối thiểu bù đắp tỷ lệ ký quỹ duy trì. Việc bù sung tài sản thế chấp được thực hiện dưới hình thức sau:
- Bù sung tài sản thế chấp bằng Nộp tiền.
 - Bù sung tài sản bù đắp bằng chứng khoán trong DMKQ.

Điều 8 Tài sản bảo đảm và xử lý Tài sản bảo đảm

- 8.1. Khi sử dụng dịch vụ ký quỹ chứng khoán, Khách hàng đã mặc nhiên thể chấp toàn bộ tài sản có trong TKGDKQ của Khách hàng, bao gồm: tiền mặt hiện có, tiền bán chứng khoán đang chờ về, chứng khoán hiện có hoặc đang chờ về để bù đắp cho nghĩa vụ thanh toán của Khách hàng đối với Công ty chứng khoán.. Nghĩa vụ thanh toán được quy định trong Các Điều kiện và Điều kiện về GDKQCK này bao gồm và không giới hạn trong nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, lãi, phí, phạt, bồi thường thiệt hại và tất cả các chi phí khác cũng như các nghĩa vụ hoàn trả, thanh toán trong trường hợp Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK bị hủy bỏ, chấm dứt, vô hiệu của Khách hàng với Công ty chứng khoán.
- 8.2. Công ty chứng khoán và/bên thứ ba do Công ty chứng khoán ủy quyền có quyền tính toán, đánh giá và xác định lại giá trị của tài sản bảo đảm này theo giá thị trường như quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này. Khách hàng đồng ý với việc tính toán, đánh giá và xác định lại này và cam kết không có bất kỳ khiếu nại, tranh chấp nào với Công ty chứng khoán về vấn đề này.
- 8.3. Thời hạn bù đắp cho các nghĩa vụ thanh toán tại Điều 8.1: tính từ khi Khách hàng sử dụng dịch vụ ký quỹ chứng khoán cho đến khi Khách hàng hoàn thành toàn bộ các nghĩa vụ thanh toán gốc, lãi, phí, phạt... và các nghĩa vụ khác theo quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này.
- 8.4. Phong tỏa tài sản bảo đảm
- Khách hàng chấp nhận và Công ty chứng khoán đồng ý phong tỏa toàn bộ tài sản bảo đảm của Khách hàng tại TKGDKQ kể từ ngày sử dụng dịch vụ giao dịch ký quỹ.
 - Trong thời hạn bảo đảm nghĩa vụ thanh toán, Khách hàng có thể bán một phần hoặc toàn bộ tài sản bảo đảm để mua chứng khoán khác với điều kiện số tiền về tài khoản của Khách hàng sẽ phải trả các nghĩa vụ thanh toán cho Công ty chứng khoán trước.
 - Trong trường hợp Khách hàng đã hoàn thành toàn bộ và đầy đủ nghĩa vụ thanh toán quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này, Công ty chứng khoán sẽ giải tỏa tài sản bảo đảm.
- 8.5. Xử lý tài sản bảo đảm:
- Công ty chứng khoán có quyền xử lý Tài sản bảo đảm của Khách hàng tại bất kỳ thời điểm nào khi xảy ra một trong các sự kiện sau:
- Khi đến hạn mà Khách hàng thực hiện không đúng/delay đủ các nghĩa vụ thanh toán cho Công ty chứng khoán.
 - Khi Công ty chứng khoán thông báo ký quỹ bù sung mà Khách hàng không thực hiện ký quỹ thêm tiền/ chứng khoán và/hoặc ký quỹ không đủ và/hoặc trả bớt nợ trong thời gian quy định của Công ty chứng khoán.
 - Khách hàng vi phạm các cam kết khác nhau tại Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này.
 - Pháp luật quy định TSDB phải được xử lý để thực hiện nghĩa vụ khác đã đến hạn hoặc theo các yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền.
- 8.6. Phương thức xử lý tài sản bảo đảm:
- Ngay khi phát sinh các sự kiện tại Điều 8.5 này, Công ty chứng khoán có toàn quyền trong việc xử lý tài sản bảo đảm, bao gồm nhưng không hạn chế bởi việc quyết định giá bán, phương thức và thời điểm. Khách hàng theo đây cam kết từ bỏ mọi quyền khiếu nại, khiếu kiện, tranh chấp với Công ty chứng khoán liên quan đến vấn đề xử lý tài sản bảo đảm được thực hiện bởi Công ty chứng khoán hoặc bên thứ ba do Công ty chứng khoán ủy quyền.
 - Khách hàng đồng ý và chấp nhận thanh toán mọi chi phí liên quan đến việc xử lý tài sản bảo đảm.
 - Sau khi xử lý TSDB, số tiền thu được sẽ được sử dụng để thanh toán các khoản phí, chi phí và các khoản thuế liên quan (nếu có) trong quá trình xử lý tài sản bảo đảm, trả các khoản nợ mà Khách hàng phải trả cho Công ty chứng khoán, gồm cả nợ gốc, lãi, phí, chi phí, nghĩa vụ thuế liên quan đến xử lý TSDB, tiền phạt và tiền bồi thường thiệt hại (nếu có) và các nợ mà Khách hàng phải trả cho Công ty chứng khoán từ TSDB không đúng với các quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này; nếu còn dư thì Công ty chứng khoán sẽ hoàn trả lại cho Khách hàng phần tiền còn dư nghĩa vụ thanh toán khác theo quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này; nếu còn thiếu thì Khách hàng có nghĩa vụ tiếp tục trả cho Công ty chứng khoán cho đến khi thanh toán đầy đủ các nghĩa vụ tài chính còn tồn đọng cho Công ty chứng khoán.

Điều 9 Quyền và nghĩa vụ của Khách hàng

Nghĩa vụ của Khách hàng

- 9.1. Cung cấp đầy đủ và trung thực các thông tin, tài liệu liên quan đến việc vay vốn và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, tài liệu đã cung cấp; đồng thời tạo mọi điều kiện thuận lợi và không làm bất cứ điều gì khó khăn trở ngại trong trường hợp Công ty chứng khoán phải xử lý TSDB.
- a) Nhận nợ và điều kiện và cam kết thanh toán đầy đủ và đúng hạn đối với các khoản tiền vay được Công ty chứng khoán tự động giải ngân trên TKGDKQ (không cần có chữ ký của Khách hàng) để thanh toán cho các giao dịch đã thành công tại Công ty chứng khoán.
- b) Chủ động theo dõi biến động giá chứng khoán trên thị trường hàng ngày, chủ động bù sung TSDB, trả bớt nợ vay, chủ động hoặc yêu cầu Công ty chứng khoán xử lý một phần hoặc toàn bộ TSDB để bù đắp Tỷ lệ ký quỹ duy trì.
- c) Trong thời gian cầm cố TSDB, không được phép chuyển nhượng, không được cầm cố TSDB cho bên thứ ba, không chuyển giao, không cho tặng chứng khoán, không thực hiện bất cứ quyền nào phát sinh từ TSDB không đúng với các quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này, không xâm phạm đến TSDB hoặc sử dụng biện pháp khác để rút tiền/chuyển chứng khoán từ TSDB không đúng với các quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này.
- d) Thanh toán phí, chi phí, các khoản thuế liên quan tới việc gửi, giữ, cầm cố, quản lý, phong tỏa TSDB, xử lý TSDB, mở, sử dụng và quản lý TKGDKQ.
- e) Bù sung TSDB theo quy định của Công ty chứng khoán trong trường hợp TSDB của Khách hàng bị giảm sút giá trị theo đánh giá của Công ty chứng khoán.
- f) Trả nợ (gốc và lãi), phí, chi phí, các khoản đến hạn khác (nếu có) đầy đủ và đúng hạn cho Công ty chứng khoán. Trường hợp không trả nợ gốc, lãi vay và phí, chi phí đúng hạn, Khách hàng phải trả lãi cho số tiền chậm thanh toán theo tỷ lệ phạt chậm trả được Công ty chứng khoán quy định trong từng thời kỳ;
- g) Cam kết với điều kiện dùng mọi nguồn thu và tài sản khác của Khách hàng để trả đủ nợ gốc và tiền lãi vay, phí, chi phí và các khoản nợ đến hạn khác (nếu có) cho Công ty chứng khoán; đồng thời đồng ý để Công ty chứng khoán tự động phong tỏa tài khoản và trích tài khoản của Khách hàng mở tại Công ty chứng khoán để trích tiền thu hồi các khoản nợ gốc, lãi, phí, phạt, bồi thường thiệt hại cho Công ty chứng khoán;
- h) Tự chịu trách nhiệm về các khoản thuế và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- i) Tự chịu trách nhiệm công bố thông tin nếu giao dịch mua bán chứng khoán trên TKGDKQ của Khách hàng nằm trong diện phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
- j) Tự chịu trách nhiệm công bố thông tin nếu giao dịch mua bán chứng khoán trên TKGDKQ của Khách hàng nằm trong diện phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
- k) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này.
- 9.2. Quyền của Khách hàng
- a) Khách hàng chỉ được rút tiền trên TKGDKQ sau khi đã thanh toán hết các khoản nợ với Công ty chứng khoán hoặc khi trên TKGDKQ có tiền và sau khi rút vẫn phải bù đắp tỷ lệ ký quỹ ban đầu và bù đắp các quy định của Công ty chứng khoán từng thời kỳ.
- b) Có quyền được nhận các thông báo về việc thay đổi chính sách của Công ty chứng khoán liên quan tới Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK theo phương thức do Công ty chứng khoán quyết định.
- c) Chấm dứt Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK trước thời hạn với điều kiện đã thanh toán mọi khoản nợ cho Công ty chứng khoán.
- d) Khiếu nại, khởi kiện Công ty chứng khoán nếu vi phạm quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này.

Điều 10 Quyền và nghĩa vụ của Công ty chứng khoán

Quyền của Công ty chứng khoán

- 10.1. Quyền của Công ty chứng khoán
- 10.1.1. Từ chối giải ngân nếu Khách hàng không đáp ứng đầy đủ các điều kiện giải ngân, điều kiện về TSDB, các tỷ lệ ký quỹ và/hoặc các điều kiện khác theo quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này.
- 10.1.2. Từ chối giải ngân và không cho phép giao dịch mua chứng khoán kể cả bằng tiền mặt đối với một số trường hợp sau đây theo quy định của UBCKNN khi:
- i) Tổng dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ của Công ty chứng khoán vượt quá 200% vốn chủ sở hữu của Công ty chứng khoán;
 - ii) Tổng mức cho vay giao dịch ký quỹ của Công ty chứng khoán đối với một khách hàng vượt quá 3% vốn chủ sở hữu của Công ty chứng khoán;
 - iii) Tổng dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ của Công ty chứng khoán đối với một loại chứng khoán vượt quá 10% vốn chủ sở hữu của Công ty chứng khoán;
 - iv) Tổng số chứng khoán cho vay giao dịch ký quỹ của Công ty chứng khoán vượt quá 5% tổng số chứng khoán niêm yết của một tổ chức niêm yết.

Trường hợp có sự thay đổi trong quy định của pháp luật về hạn mức cho vay giao dịch ký quỹ, các quy định tại Điều này cũng sẽ được tự động sửa đổi tương ứng và Công ty chứng khoán chỉ giải ngân cho Khách hàng vay khi Công ty chứng khoán đáp ứng được các yêu cầu này.

- 10.1.3. Từ chối giải ngân trong trường hợp nằm ngoài khả năng cung cấp dịch vụ của Công ty chứng khoán.
- 10.1.4. Đơn phương xác định lại, điều chỉnh và chấm dứt HM, BP đã cấp cho Khách hàng.
- 10.1.5. Đơn phương thay đổi mức lãi suất cho vay, thay đổi cách tính lãi quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này.
- 10.1.6. Đơn phương xác định lại, thay đổi các tỷ lệ cho vay đối với bất kỳ mã chứng khoán nào thuộc DMKQ.
- 10.1.7. Đơn phương thay đổi, quyết định các tỷ lệ liên quan tới quản lý, xử lý TSDB của Khách hàng, ngày xử lý TSDB... quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này.
- 10.1.8. Tự động ghi nợ, ghi có, chuyển khoản, nộp/trích/nút/chuyển khoản tiền đối với các tài khoản của Khách hàng tại Công ty chứng khoán trong trường hợp chuyển tiền thanh toán cho các giao dịch mua/bán, thanh toán phí, thuế và các nghĩa vụ thanh toán khác của Khách hàng tại Công ty chứng khoán để thực hiện các giao dịch theo Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này.
- 10.1.9. Thực hiện các giao dịch khác theo ủy quyền của Khách hàng và/hoặc các quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này.
- 10.1.10. Cung cấp thông tin liên quan đến các tài khoản của Khách hàng theo yêu cầu của cơ quan chức năng có thẩm quyền.
- 10.1.11. Khi các khoản vay của Khách hàng đến hạn trả nợ hoặc phải trả nợ trước hạn theo các quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này, Công ty chứng khoán được quyền tự động trích tài khoản của Khách hàng tại Công ty chứng khoán (bao gồm TKGDKQCK và TKGDCK thường của Khách hàng) để bao đảm các nghĩa vụ thanh toán đó.
- 10.1.12. Được quyền xử lý TSDB theo quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này khi yêu cầu Khách hàng thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc đến thời hạn được Công ty chứng khoán yêu cầu trả nợ trước hạn mà Khách hàng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho Công ty chứng khoán.
- 10.1.13. Không cần sự chấp thuận của Khách hàng, được toàn quyền chuyển giao hoặc chuyển nhượng cho Bên thứ 3 (gọi tắt là bên nhận chuyển nhượng) thực hiện toàn bộ hoặc một phần các quyền lợi và nghĩa vụ của Công ty chứng khoán theo quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này bao gồm và không giới hạn quyền đổi các khoản nợ gốc, thu hưởng tiền lãi phát sinh, nợ quá hạn, nợ lãi quá hạn và chi phí khác (nếu có). Trong trường hợp này, Công ty chứng khoán có nghĩa vụ phải thông báo cho Khách hàng bằng văn bản.
- 10.1.14. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này.
- 10.2. Nghĩa vụ của Công ty chứng khoán
- 10.2.1. Giải ngân cho Khách hàng các khoản nằm trong HM khi Khách hàng đáp ứng đầy đủ các điều kiện giải ngân, điều kiện về TSDB và các tỷ lệ bảo đảm theo đúng quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này.
- 10.2.2. Thông báo cho Khách hàng các thay đổi về danh mục ký quỹ, các tỷ lệ liên quan tới xử lý, quản lý TSDB,... quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này, các tài liệu đi kèm và phát sinh (nếu có) theo phương thức do Công ty chứng khoán quyết định;
- 10.2.3. Thực hiện đúng quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này, các tài liệu đi kèm và phát sinh (nếu có).
- 10.2.4. Thực hiện lưu trữ hồ sơ Khách hàng phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 11 Cam kết của Khách hàng

- 11.1. Khách hàng đã đọc, hiểu rõ và chấp nhận các quy định về giao dịch ký quỹ quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này và tại đây cam kết không có bất kỳ khiếu nại, tranh chấp nào về các nguyên tắc, điều kiện, điều khoản, thủ tục giải ngân, nhận nợ, xử lý TSDB, công bố thông tin... với Công ty chứng khoán theo các quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này.
- 11.2. Khách hàng có đầy đủ năng lực dân sự và thẩm quyền để sử dụng GDKQCK này và tuân thủ các nghĩa vụ được quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này.
- 11.3. Trong trường hợp xảy ra tranh chấp giữa Khách hàng và người được ủy quyền hợp pháp của Khách hàng thì Khách hàng và cam kết và bao đảm không yêu cầu Công ty chứng khoán phải tham gia vào quá trình giải quyết tranh chấp dù trong bất kỳ trường hợp nào. Nếu Công ty chứng khoán phải tham gia theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thì Khách hàng cam kết chịu các phi tốn của Công ty chứng khoán để tham gia.
- 11.4. Khách hàng/đối tác/đơn vị/đơn vị kinh doanh/đơn vị cung cấp dịch vụ có trách nhiệm tự mình kiểm tra tình trạng giao dịch, số dư tiền (bao gồm cả số tiền mà Công ty chứng khoán đã giải ngân cho Khách hàng vay theo quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này) và chứng khoán trên TKGDKQ của Khách hàng. Mọi yêu cầu, thắc mắc của Khách hàng liên quan đến TKGDKQ cũng như dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp, bao gồm nhưng không giới hạn ở các sai sót, gian lận, giao dịch trái thẩm quyền hoặc bất kỳ sự phản đối nào của Khách hàng, phải được gửi đến Công ty chứng khoán trong vòng 03 ngày kể từ ngày phát sinh giao dịch trên TKGDKQ của Khách hàng. Sau thời hạn trên, Khách hàng mặc nhiên chấp nhận tình trạng được xác lập Công ty chứng khoán được giải phóng khỏi mọi nghĩa vụ đối với bất kỳ giao dịch nào được xác lập trên tài giao dịch, số dư tiền và chứng khoán trên TKGDKQ của mình, và theo đó Công ty chứng khoán được giải phóng khỏi mọi nghĩa vụ đối với bất kỳ giao dịch nào được xác lập trên tài khoản của Khách hàng trừ các giao dịch mà Khách hàng đã thông báo theo đúng quy định tại điều này và đã được xác minh là có sai sót hoặc gian lận hoặc là giao dịch trái thẩm quyền.

Điều 12 Vi phạm Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK

Trường hợp Khách hàng vi phạm bất kỳ quy định nào tại Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này, Công ty chứng khoán có quyền chấm dứt ngay việc cung cấp dịch vụ này. Tuy nhiên, Công ty chứng khoán có thể tùy quyết định của riêng mình lựa chọn phương án gửi thông báo cho Khách hàng về thời hạn thực hiện sửa chữa vi phạm. Thời hạn yêu cầu sửa chữa vi phạm quy định tại Điều này có thể được gia hạn tùy theo quyết định của Công ty chứng khoán.

Điều 13 Hiệu lực Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK

- 13.1. Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này đồng thời được coi là hợp đồng tín dụng cho các khoản vay trên TKGDKQ.
- 13.2. Hiệu lực Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này chấm dứt trong các trường hợp sau:
- 13.2.1. Hai bên có thỏa thuận bằng văn bản về việc chấm dứt dịch vụ;
- 13.2.2. Khi xảy ra vi phạm tại Điều 12 hoặc Khách hàng không sửa chữa vi phạm trong thời hạn thông báo;
- 13.2.3. Do quy định của pháp luật hiện hành hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền;
- 13.2.4. Công ty chứng khoán dừng cung cấp dịch vụ cho vay để mua chứng khoán ký quỹ.
- 13.2.5. Khách hàng yêu cầu hủy việc sử dụng dịch vụ theo Điều 9.2.
- Khi Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK chấm dứt, mọi khoản nợ, nghĩa vụ thanh toán của Khách hàng đối với Công ty chứng khoán sẽ tự động đến hạn vào thời điểm chấm dứt, bao gồm nợ gốc, lãi vay, phí và các chi phí và nghĩa vụ khác của các khoản vay của Khách hàng với Công ty chứng khoán.
- Khi xảy ra các trường hợp nêu tại Điều 13.2.2, 13.2.3 và 13.2.4. Công ty chứng khoán có quyền chủ động chấm dứt cung cấp dịch vụ và không phải bồi thường bất kỳ thiệt hại nào cho Khách hàng. Công ty chứng khoán có quyền chủ động chấm dứt cung cấp dịch vụ và không phải bồi thường bất kỳ thiệt hại nào của Khách hàng, Công ty chứng khoán có quyền chủ động chấm dứt cung cấp dịch vụ nếu Công ty chứng khoán cho rằng việc thông báo là cần thiết.
- Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK sẽ được bảo lưu và sẽ chỉ được xem như hoàn thành khi Khách hàng thực hiện tất cả các nghĩa vụ còn lại của Khách hàng đối với Công ty chứng khoán theo Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK.
- 13.3. Công ty chứng khoán có quyền quyết định sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ bất kỳ quy định nào của Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này tại từng thời điểm mà Công ty chứng khoán cho là phù hợp và Khách hàng mặc nhiên chấp nhận các sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ đó với điều kiện là Công ty chứng khoán sẽ đưa ra thông báo về việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ đó cho Khách hàng thông qua một trong các phương thức do Công ty chứng khoán lựa chọn như: (i) gửi văn bản; hoặc (ii) điện thoại có ghi âm; hoặc (iii) email; hoặc (iv) SMS; hoặc (v) công bố trên website của Công ty chứng khoán, trước khi những thay đổi hoặc bổ sung đó có hiệu lực. Việc sử dụng dịch vụ sau ngày mà các sửa đổi này có hiệu lực (theo thông báo của Công ty chứng khoán) sẽ được xem là sự chấp nhận hoàn toàn của Khách hàng đối với các sửa đổi đó.
- Nếu không đồng ý với các điều chỉnh của Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK, Khách hàng có quyền yêu cầu chấm dứt Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này bằng việc gửi giấy đề nghị hủy sử dụng dịch vụ. Công ty chứng khoán sẽ chấm dứt việc sử dụng Dịch vụ của Khách hàng kể từ ngày nhận được giấy đề nghị hủy sử dụng Dịch vụ bằng văn bản của Khách hàng.

Điều 14 Thông báo, luật điều chỉnh và giải quyết tranh chấp

- 14.1. Thông báo:
- Tất cả thông báo và tài liệu giao dịch giữa các Bên được gửi theo một hoặc tất cả các phương thức liên lạc đã đăng ký và được xem như đã được giao và nhận khi:
- a) Chuyển giao trực tiếp và có ký nhận bên nhận/hoặc bộ phận hành chính văn thư của bên nhận;
- b) Nếu gửi bằng đường bưu điện, theo dịch vụ chuyển phát thường thì ngày giao nhận là ngày làm việc thứ tư kể từ ngày gửi theo dấu xác nhận của bưu điện nơi gửi; nếu bằng dịch vụ bưu điện/chuyển phát nhanh, ngày giao nhận là ngày bưu cung cấp dịch vụ chuyển phát đã giao tài liệu cho bên nhận;
- c) Trong trường hợp gửi fax, telex trong giờ làm việc đến địa chỉ giao dịch nếu có hồi báo hoặc có giấy xác nhận đã chuyển xong bản fax hoặc telex;
- d) Tại thời điểm gửi đi (nếu gửi bằng email);
- e) Tại thời điểm thông báo được cập nhật lên Website của Công ty chứng khoán (nếu thông báo qua Website);
- f) Tại thời điểm thông báo bằng điện thoại hoặc bằng tin nhắn SMS được thực hiện. Việc thông báo bằng điện thoại, tin nhắn SMS cũng được coi là hợp lệ nếu các bên có đầy đủ bằng chứng về việc ghi âm, lưu giữ các cuộc điện thoại và tin nhắn.
- Trong mọi trường hợp, một trong các bên không chịu trách nhiệm nếu vi bất cứ lý do chủ quan hay khách quan nào mà bên kia không nhận được thông báo, với điều kiện chứng minh và lưu giữ được bằng chứng về việc đã thông báo như quy định trên đây. Các Bên có thể thay đổi địa chỉ mục đích của Điều này bằng các thông báo bằng văn bản cho Bên kia.
- 14.2. Trong quá trình thực hiện Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này, nếu phát sinh bất kỳ khó khăn, trở ngại nào, Hai Bên thống nhất sẽ thông báo cho nhau, cùng bàn bạc tìm biện pháp giải quyết khắc phục. Trường hợp một trong hai bên có lỗi gây thiệt hại cho Bên còn lại thì phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật. Mọi tranh chấp phát sinh (nếu có) liên quan đến Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này sẽ được giải quyết trên cơ sở hòa giải. Trong trường hợp không giải quyết được bằng con đường thương lượng, hòa giải, một trong Hai Bên có thể đưa tranh chấp ra giải quyết tại tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
- 14.3. Nếu bất kỳ điều khoản nào của Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này bị mất hiệu lực, không hợp lệ hoặc không thể thực thi theo bất kỳ quy định nào của pháp luật, hay vi phạm quy định, băn án có hiệu lực của tòa án có thẩm quyền hay cơ quan có thẩm quyền khác, thì tất cả các điều khoản khác của Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này vẫn giữ hiệu lực, băn án có hiệu lực của tòa án có thẩm quyền hay cơ quan có thẩm quyền hay cơ quan có thẩm quyền khác, thi tất cả các điều khoản khác của Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này vẫn giữ hiệu lực. Trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày xác định rằng bất kỳ điều khoản hay mục nào bị mất hiệu lực, không hợp lệ hoặc không thể thực thi, Các Bên sẽ thoả thuận để thay thế điều khoản mất hiệu lực, không hợp lệ hoặc không thể thực thi đó bằng một điều khoản có hiệu lực, hợp lệ và có thể thực thi để thực hiện càng gần mục tiêu ban đầu của Các Bên càng tốt và để các giao dịch quy định trong Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này được hoàn thành gần với mục tiêu xá xác định ở phạm vi cao nhất có thể. Các bên tại Các Bên càng đồng ý rằng, việc Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này hoặc bất kỳ điều khoản hay mục nào của Các Điều khoản và Điều kiện về GDKQCK này bị vô hiệu không được coi là lý do để miễn trừ nghĩa vụ của một bên với bên kia. Các bên tự chịu trách nhiệm về các bồi lợi và thiệt hại phát sinh nếu Hợp đồng bị vô hiệu theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUÝ MỚI

Điều 1. Cam kết của Nhà đầu tư

- 1.1. Bằng việc ký vào Hợp đồng mở tài khoản (kiêm Phiếu đăng ký giao dịch chứng chỉ Quý mới) này, Khách hàng đồng ý việc đăng ký mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quý để thực hiện các giao dịch chứng chỉ quý mở do Công ty TNHH Quản lý quỹ Ký Thương (TCC) quản lý. Khách hàng hiểu rằng việc đăng ký mở tài khoản của Khách hàng phụ thuộc vào việc xem xét và sự chấp thuận của Đại Lý Chuyển Nhượng.
- 1.2. Khách hàng đăng ký mua Đơn Vị Quý của (các) Quý và xác nhận rằng đã nhận, đọc và hiểu (các) tài liệu liên quan cung cấp thông tin cho nhà đầu tư đặc biệt là mục tiêu và chính sách đầu tư, các yếu tố rủi ro và các loại phí áp dụng cho (các) Quý, và chấp nhận các điều khoản và điều kiện chi tiết trong Bản Cáo Bạch, Điều Lệ Quý và Phiếu đăng ký giao dịch chứng chỉ Quý mới này.
- 1.3. Khách hàng ở đây xác nhận rằng Khách hàng nhận thức được rằng giá trị của Đơn Vị Quý có thể tăng hoặc giảm.
- 1.4. Khách hàng tuyên bố rằng Khách hàng trên 18 tuổi và có đầy đủ năng lực để tham gia vào giao dịch mua, nắm giữ và/hoặc liên quan đến Đơn vị Quý.
- 1.5. Khách hàng tuyên bố và đồng ý rằng các lệnh liên quan đến Đơn Vị Quý của Khách hàng sau này sẽ được thực hiện theo các văn bản hiện hành của Công ty TNHH Quản lý quỹ Ký Thương (TCC) áp dụng cho các quỹ mở.
- 1.6. Khách hàng đồng ý rằng việc chấp nhận và xử lý đơn đăng ký (trừ đơn đăng ký ban đầu), bán, và chuyển đổi nếu thực hiện theo chỉ định giao dịch bằng fax và/hoặc hình thức điện tử khác mà không có xác nhận văn bản sau đó vẫn được coi là hợp lệ; Khách hàng đồng ý rằng TCC sẽ không phải chịu trách nhiệm cho việc thực hiện theo chỉ dẫn bằng fax hoặc hình thức điện tử khác và các tồn thất phát sinh.
- 1.7. Khách hàng đồng ý rằng dữ liệu của Khách hàng có thể được chuyển cho cơ quan có thẩm quyền nếu luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu. Dữ liệu đó có thể được sử dụng cho mục đích quản trị tài khoản, chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố, xác minh về thuế khi cần thiết, cũng như để phát triển hoạt động bán hàng và tiếp thị cho các sản phẩm của TCC. Khách hàng đồng ý rằng dữ liệu có thể được chuyển cho các công ty do TCC chỉ định và/hoặc Đại Lý Chuyển Nhượng để hỗ trợ các hoạt động có liên quan đến khoản đầu tư vào Đơn Vị Quý của Khách hàng.
- 1.8. Khách hàng ở đây ủy quyền cho Đại Lý Chuyển Nhượng của quỹ mở của TCC tiết lộ các thông tin về tài khoản của Khách hàng (bao gồm cả sao kê tài khoản) cho Đại Lý Phân Phối của Khách hàng theo tên và địa chỉ được ghi trong đơn đăng ký của Khách hàng và không quyền trích nhiệm cho TCC và Đại Lý Chuyển Nhượng liên quan đến việc tiết lộ thông tin này.
- 1.9. Khách hàng đồng ý rằng TCC, ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát hoặc các tổ chức cung cấp dịch vụ khác có liên quan có quyền sử dụng, lưu giữ, tiết lộ, chuyển, soạn, kết hợp, lấy và trao đổi (bất kể trong hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam), các thông tin liên quan đến Khách hàng hoặc do Khách hàng cung cấp trực tiếp hay gián tiếp, với, tư hoặc kết hợp với bất kỳ bên thứ ba nào mà TCC, ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát hoặc các tổ chức cung cấp dịch vụ khác xem là cần thiết. Khách hàng cũng hiểu và đồng ý rằng bên thứ ba nhận thông tin đó có thể tiết lộ thông tin theo yêu cầu luật áp dụng. Tất cả các thông tin sẽ được nêu lục bát về mức độ hợp lý tránh việc bị xâm nhập hoặc tiết lộ trái phép.
- 1.10. Khi thực hiện lệnh mua bán chứng chỉ quý trực tuyến, Khách hàng được hiểu là đã chấp thuận các điều khoản và điều kiện giao dịch đối với giao dịch trực tuyến như áp dụng đối với tài khoản giao dịch chứng khoán do Công ty chứng khoán (đóng thời giờ và/hoặc Đại Lý Phân Phối) công bố trong Điều khoản và điều kiện giao dịch chứng khoán.
- 1.11. Khi đặt lệnh mua chứng chỉ quý mở, nếu Khách hàng lựa chọn chuyển tiền mua tự động từ TKGDKC của Khách hàng tại Công ty chứng khoán, Công ty chứng khoán có quyền chủ động trích chuyển số tiền mua tương ứng với lệnh đặt mua của Khách hàng (bao gồm phí giao dịch nếu có) từ TKGDKC của Khách hàng sang tài khoản ngân hàng của Quý theo quy định của Quý từng thời kỳ.
 - a) Thời gian chuyển tiền mua, tài khoản (thường hoặc ký quỹ) dùng để chuyển tiền mua do Công ty chứng khoán toàn quyền quyết định và có thông báo tới Khách hàng bằng một trong các hình thức như gửi SMS, email tới số điện thoại và email đã đăng ký của Khách hàng, hoặc thông báo khi Khách hàng đặt lệnh ngay trên hệ thống giao dịch điện tử của Công ty chứng khoán.
 - b) Khách hàng phải đảm bảo đủ số dư tiền trên TKGDKC tại thời điểm Công ty chứng khoán thực hiện chuyển tiền mua. Số dư tiền căn cứ để Công ty chứng khoán thực hiện chuyển tiền là số dư sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ nợ, số tiền ký quỹ/tạm giữ cho các lệnh mua của Khách hàng tại Công ty chứng khoán bao gồm nhưng không giới hạn các khoản nợ như nợ phí lưu ký chứng khoán, nợ giao dịch ký quỹ, số tiền tạm giữ cho các lệnh mua trái phiếu, mua cổ phiếu ... Trong trường hợp trên TKGDKC của Khách hàng không đủ tiền để thanh toán mua chứng chỉ quý mở thì Công ty chứng khoán sẽ không thực hiện lệnh cho Khách hàng và lệnh mua chứng chỉ quý mở sẽ được tự động chấm dứt hiệu lực.
 - c) Khách hàng hiểu và đồng ý không khiếu nại, yêu cầu bồi thường trong mọi trường hợp đối với các thiệt hại gây ra từ việc chuyển tiền từ TKGDKC do Công ty Chứng khoán thực hiện.

Điều 2. Cam kết của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Ký Thương

- 2.1. TCC cam kết tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ quý trong hoạt động quản lý quý.
- 2.2. TCC cam kết thực hiện nhiệm vụ quản lý quý một cách hiệu quả, trung thực, tận tụy và phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quý ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư.
- 2.3. TCC cam kết cung cấp miễn phí hoặc thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao Điều Lệ Quý (và các phụ lục kèm theo), Bản cáo bạch (và các phụ lục kèm theo) cho các nhà đầu tư theo yêu cầu.
- 2.4. TCC cam kết không đầu tư vào các chứng khoán, hoặc các tài sản mà chính công ty quản lý quý hoặc những người có liên quan đến công ty quản lý quý có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp pháp luật cho phép.
- 2.5. TCC cam kết không sử dụng ví thế của công ty quản lý quý trong hoạt động quản lý quý để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính công ty hoặc những người có liên quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của các nhà đầu tư.
- 2.6. TCC cam kết thực hiện việc định giá và công tác kế toán cho Quý một cách trung thực, chính xác và kịp thời.
- 2.7. TCC cam kết cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản báo cáo hàng năm và các báo cáo khác của Quý cho các nhà đầu tư theo yêu cầu.
- 2.8. TCC đảm bảo mọi thông tin đã được công ty quản lý quý hoặc người đại diện công ty quản lý quý công bố là đầy đủ, trung thực, chính xác, không bao sót những sự kiện có ảnh hưởng đến quyền lợi nhà đầu tư, những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của thông tin được công bố, không bao sót những thông tin phải công bố theo yêu cầu của pháp luật và không gây hiểu nhầm cho nhà đầu tư.
- 2.9. TCC đồng ý tuân thủ các cam kết khác theo quy định của Điều lệ quý và Bản cáo bạch.

Tổng ty TNHH Quản lý Quỹ Ký thương
Giấy phép kinh doanh số: 40/UBCK-GP cấp ngày 21/10/2008
Tài khoản giao dịch quý mới số:

Số:

/ĐNGD/TCC

HỒ SƠ NHÀ ĐẦU TƯ

Tên Nhà đầu tư/Tổ chức:

Ngày sinh:

Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD:

Địa chỉ thường trú/Trụ sở:

Địa chỉ liên hệ:

Điện thoại:

Quốc tịch:

Giới tính:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Email:

Số Tài khoản dùng để nhà đầu tư nhận tiền bán chứng chỉ quý và các khoản lì xì nhuận, cổ tức (nếu có) là tài khoản đã đăng ký kèm theo tài khoản Hợp đồng mở tài khoản của khách hàng.

Ngày giao dịch:
0/0/1900

Số lượng

Phần dành cho đại lý phân phối

Quy

Bảng số

Bảng chữ

Số thứ tự lệnh

Số Chứng từ

THÔNG TIN ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

Tên đại lý: Công ty CP Chứng khoán Ký Thương (TCBS)

Giấy phép kinh doanh số: 125/GP-UBCK-GP cấp ngày 30/5/2018

Địa chỉ: Tầng 10 + Tầng 21, Tòa nhà Techcombank, 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 222 01039 Fax: (84-4) 222 01032

Website: www.tcbs.com.vn Email: sales@tcbs.com.vn

Nhân viên phân phối:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày cấp:

Điện thoại:

Email:

DÀNH CHO ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

Thời gian nhận lệnh

Kiểm soát viên

Nhà đầu tư
(ký, ghi rõ họ tên)

Nhân viên nhận lệnh
(ký, ghi rõ họ tên)

Nhân viên Đại lý Phân phối
(ký, ghi rõ họ tên)

BeSpoke

Số/...../TĐTT /TCBS-TCC



PHIẾU YÊU CẦU THAY ĐỔI THÔNG TIN CÁ NHÂN
Dành cho giao dịch chứng khoán (CK) và giao dịch chứng chỉ quỹ mở (CCQ)

Số tài khoản giao dịch:

1	0	5	C					
---	---	---	---	--	--	--	--	--

Họ và tên:.....Điện thoại:.....Email:.....

Số CMND/Thẻ căn cước:.....Do:.....Cấp ngày:.....

Đề nghị thay đổi thông tin:

Nội dung thay đổi	Thông tin cũ	Thông tin mới		
<input type="checkbox"/> Họ và tên (chữ in hoa)				
<input type="checkbox"/> Ngày sinh				
<input type="checkbox"/> CMND/Thẻ CCCD				
Số CMND/CCCD				
Ngày cấp				
Nơi cấp				
<input type="checkbox"/> Số điện thoại				
<input type="checkbox"/> Email				
<input type="checkbox"/> Địa chỉ thường trú				
<input type="checkbox"/> Địa chỉ liên hệ				
<input type="checkbox"/> Tài khoản Ngân hàng	Loại đăng ký: Áp dụng cho:	<input type="checkbox"/> Thay thế <input type="checkbox"/> TKCK & TK CCQ mở	<input type="checkbox"/> Thêm mới <input type="checkbox"/> TKCK	<input type="checkbox"/> Hủy bỏ <input type="checkbox"/> TK CCQ mở
Tên chủ tài khoản				
Số tài khoản				
Tại ngân hàng				
Chi nhánh – Tỉnh/TP				
<input type="checkbox"/> Thay đổi mật khẩu				
Nhận mật khẩu mới qua	<input type="checkbox"/> Email		<input type="checkbox"/> SMS	
<input type="checkbox"/> Phân phối lợi nhuận Quỹ bằng	<input type="checkbox"/> Tiền mặt		<input type="checkbox"/> Chứng chỉ quỹ	
<input type="checkbox"/> Chữ ký				
<input type="checkbox"/> Khác				

Tôi cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực, đầy đủ và chính xác của nội dung Phiếu yêu cầu này và tài liệu kèm theo.

....., Ngày..... tháng..... năm

NHÂN VIÊN XÁC THỰC

(Ký và ghi rõ họ tên)

KHÁCH HÀNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

PHẦN DÀNH CHO CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

NHÂN VIÊN THỰC HIỆN (Ký và ghi rõ họ tên)	KIỂM SOÁT (Ký và ghi rõ họ tên)	CTY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KỸ THƯƠNG (Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



PHIẾU YÊU CẦU THAY ĐỔI THÔNG TIN TỔ CHỨC

Dành cho giao dịch chứng khoán và đăng ký giao dịch chứng chỉ quỹ mở

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Số tài khoản giao dịch:

Tên tổ chức: Ngày cấp: Nơi cấp:
Giấy Chứng nhận ĐKDN/Giấy phép Đầu tư:

Điện thoại: Email:

Địa chỉ trụ sở :

Đề nghị thay đổi thông tin:

1. Thay đổi thông tin tổ chức:

Nội dung thay đổi	Thông tin cũ	Thông tin mới		
<input type="checkbox"/> Tên tổ chức (chữ in hoa)				
<input type="checkbox"/> GCN ĐKDN/Giấy phép Đầu tư	Số GCN ĐKDN/Giấy phép Đầu tư			
<input type="checkbox"/> Ngày cấp				
<input type="checkbox"/> Nơi cấp				
<input type="checkbox"/> Loại hình doanh nghiệp				
<input type="checkbox"/> Mẫu dấu				
<input type="checkbox"/> Người đại diện trước pháp luật				
<input type="checkbox"/> Họ và tên				
<input type="checkbox"/> Ngày sinh				
<input type="checkbox"/> CMND/Thẻ CCCD				
<input type="checkbox"/> Số CMND/CCCD				
<input type="checkbox"/> Ngày cấp				
<input type="checkbox"/> Nơi cấp				
<input type="checkbox"/> Chữ ký				
<input type="checkbox"/> Số điện thoại				
<input type="checkbox"/> Email				
<input type="checkbox"/> Địa chỉ trụ sở				
<input type="checkbox"/> Tài khoản Ngân hàng	Loại đăng ký: Áp dụng cho:	<input type="checkbox"/> Thay thế <input type="checkbox"/> TKCK & TK CCQ mở	<input type="checkbox"/> Thêm mới <input type="checkbox"/> TKCK	<input type="checkbox"/> Hủy bỏ <input type="checkbox"/> TK CCQ mở
Tên chủ tài khoản				
Số tài khoản				
Tại ngân hàng				
Chi nhánh – Tỉnh/TP				
<input type="checkbox"/> Thay đổi mật khẩu				
Nhận mật khẩu mới qua	<input type="checkbox"/> Email		<input type="checkbox"/> SMS	
<input type="checkbox"/> Phân phối lợi nhuận Quỹ bằng	<input type="checkbox"/> Tiền mặt		<input type="checkbox"/> Chứng chỉ quỹ	
<input type="checkbox"/> Khác				

2. Thay đổi thông tin người sở hữu chứng chỉ quỹ mở :

Nội dung thay đổi	Trước khi thay đổi			Sau khi thay đổi		
	Chủ sở hữu trước đây/Số TK/ Tiêu khoản (tài khoản ký danh)	Mã Quỹ	Số lượng	Chủ sở hữu mới/ Số tài khoản/ Tiêu khoản (*)	Mã Quỹ	Số lượng
Giao dịch không mang tính thương mại						
1 Cho, tặng, thừa kế						
2 Khác						

(*) Là người sở hữu Đơn vị Quỹ TCEF/TCBF/TCFF Có Không

Chúng tôi xin cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực, đầy đủ và chính xác của nội dung Phiếu yêu cầu này và tài liệu kèm theo.

....., Ngày.....tháng.....năm

NHÂN VIÊN XÁC THỰC

(Ký và ghi rõ họ tên)

KHÁCH HÀNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

PHẦN DÀNH CHO CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

NHÂN VIÊN THỰC HIỆN (Ký và ghi rõ họ tên)	KIỂM SOÁT (Ký và ghi rõ họ tên)	CTY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KÝ THƯƠNG (Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)
--	------------------------------------	--

GIẤY ĐĂNG KÝ MÃ SỐ GIAO DỊCH

(áp dụng cho cá nhân)

Securities Trading Code Application Form for Foreign Individual Investors to Invest in Vietnam's Securities Markets

(Ban hành kèm theo Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 08 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam)

Kính gửi: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam

To: VietNam Securities Depository

1. Họ và Tên: Name:	Giới tính: Sex:
2. Ngày sinh: Date of birth:	Nơi sinh: Place of birth:
3. Quốc tịch: Nationality:	
4. Địa chỉ thường trú: Permanent address:	
5. Chỗ ở hiện nay tại nước ngoài: Oversea's residential address:	
6. Chỗ ở hiện nay tại Việt Nam (nếu có): Residential address in Vietnam (if any):	Tel/Fax: Tel/Fax:
7. Số an sinh xã hội: ID card/ or Social security Number (If any)	Ngày cấp: Date of issue:
Nơi cấp: Place of issue	
8. Số Hộ chiếu: Passport number: Nơi cấp: Place of issue:	Ngày cấp: Date of issues: Thời hạn: Expiry date:
9. Công ty chứng khoán tại Việt Nam, Đại diện của nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (nếu có) Broker firms in Vietnam/ Trade Representative/ Agent (if any):	
Tên Name	Số Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Số Giấy phép thành lập và hoạt động/ Number of Certificate For Business Registration
	Địa chỉ liên lạc Address
	Tel/fax/Email
	Đại diện giao dịch (nếu có) Trade Representative/Agent (if any)
	Tel/fax/Email
10. Các thông tin khác Other Information	Tên & Địa chỉ liên lạc Name & Address/Website/Email/Tel/Fax
Công ty quản lý quỹ tại Việt Nam (nếu có) Vietnamese Fund Management Company (if	

any)	
Ngân hàng lưu ký (nếu có) Global Custodian (if any)	
Thành viên lưu ký tại Việt Nam (nếu có) Vietnamese Custodian (if any)	
Công ty Chứng khoán tại Việt Nam Broker firms in Vietnam	
Đại diện giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (nếu có) Trade Representative/ Agent in Vietnam (if any)	
Người được ủy quyền báo cáo, công bố thông tin/ Information Disclosure Agent	
<p>11. Cam kết: (có hiệu lực kể từ ngày ký) Declaration: (effective from the date this registration form is signed)</p> <p>11.1. Tôi xin cam đoan những thông tin nêu trên và nội dung của toàn bộ hồ sơ và các tài liệu kèm theo là hoàn toàn chính xác, trung thực. I hereby certify that all the information given above is correct, the attached documents and the contents therein are true and accurate.</p> <p>2. Tôi xin cam kết sẽ tuân thủ pháp luật Việt Nam, không có các hành vi giao dịch trái luật làm ảnh hưởng tới sự công bằng và trật tự thị trường tài chính, thị trường chứng khoán của Việt Nam. I hereby undertake to comply to the Vietnamese law and not knowingly to take such measures to threatening to the stability or order of the Vietnam's financial and securities market.</p> <p>3. Tôi xin cam đoan những thông tin nêu trên hoàn toàn đúng và hiện nay chưa bị xử phạt về các hành vi lừa đảo, thao túng, giao dịch nội bộ ở nước sở tại cũng như ở nước ngoài. I hereby certify that I am not and have not been convicted of any fraud, manipulation, or insider trading offences either inside the country of birth, of permanent residence or of any other country (applicable to individual investor).</p>	
Ngày... tháng... năm... Date... month... year... Chữ ký của nhà đầu tư (Investor's signature)	
Hồ sơ kèm theo Attachments	

GIẤY ĐĂNG KÝ MÃ SỐ GIAO DỊCH

(áp dụng cho tổ chức)

Securities Trading Code Application Form for Foreign Institutional Investors to Invest in Vietnam's Securities Market

(Ban hành kèm theo Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 08 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam)

Kính gửi: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam

To: VietNam Securities Depository

1. Tên/ Applicant (Applicant's name shall be same as indicated on supporting identification documents)		
2. Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Certificate for Business Registration:		
3. Ngày thành lập/ Establishment Date:		
4. Quốc gia nơi thành lập/ Country of domicile		
5. Địa chỉ/ Address		
6. Loại hình tổ chức/ Type of Applicant		
7. Please check applicable box and fill in relevant information, as appropriate		
<input type="checkbox"/> Quỹ đầu tư / If Applicant is a fund. Loại hình/Type: <input type="checkbox"/> Quỹ dạng pháp nhân/ a fund established as a corporation. <input type="checkbox"/> Quỹ tín thác, dạng hợp đồng/ a trust fund, a contractual fund <input type="checkbox"/> Quỹ thành viên/ a fund established as a partnership <input type="checkbox"/> Quỹ hưu trí/ a pension fund <input type="checkbox"/> Quỹ mở (quỹ tương hỗ)/ a mutual fund/ open-ended fund <input type="checkbox"/> Quỹ đóng/ a closed-ended fund <input type="checkbox"/> Quỹ ETF, Quỹ chỉ số/ETF fund, Index Funds <input type="checkbox"/> Hợp đồng ủy thác/ discretionary account <input type="checkbox"/> Loại hình khác/ Others	<input type="checkbox"/> Không phải là quỹ đầu tư/ If Applicant is not a fund. Loại hình/Type: <input type="checkbox"/> Ngân hàng thương mại/ a commercial/merchant bank <input type="checkbox"/> Ngân hàng đầu tư / Investment bank <input type="checkbox"/> Công ty bảo hiểm/ an insurance company <input type="checkbox"/> Công ty chứng khoán/ a broker firm or a futures commission merchant <input type="checkbox"/> Công ty quản lý quỹ/ a fund (asset) management company <input type="checkbox"/> Chi nhánh tại Việt Nam của công ty quản lý quỹ nước ngoài/ Branch of a foreign fund (asset) management company in Vietnam <input type="checkbox"/> Loại hình khác/ Others ¹	
Trường hợp là quỹ con, quỹ quản lý bởi nhiều công ty quản lý quỹ, tổ chức đã được cấp mã số giao dịch chứng khoán, bổ sung thêm các thông tin sau/ If Applicant is a sub-fund or fund of a feeder fund/ master fund or Multiple Investment Managers fund being a foreign governmental/ inter-governmental organization, please check applicable box and fill relevant information, as appropriate.		Trường hợp là công ty chứng khoán, bổ sung thêm các thông tin sau/ If Applicant is a broker firm, please check applicable box and fill relevant information, as appropriate:
		<input type="checkbox"/> Mã số cho tài khoản môi giới/Trading code for broker (customers) account <input type="checkbox"/> Mã số cho tài khoản tự doanh/Trading code for own account
		Trường hợp công ty chứng khoán/ công ty mẹ/ bộ phận kinh doanh độc lập của một tổ chức đã được cấp một mã số giao dịch chứng khoán, đề nghị cung cấp thông tin về mã số đã được cấp, ngày cấp/ If the Applicant is a broker/ subsidiary of institution which has been granted with a trading code, please provide below details:
		Mã số giao dịch chứng khoán/ Trading Code

¹ Ghi rõ (Specify)

<p>7 Điều 2/ Trading Code of Foreign Related Parties according to Art 2.7.</p> <p>Ngày cấp/Date of issue</p> <p>Mối quan hệ giữa tổ chức đăng ký mã số giao dịch chứng khoán và tổ chức đã có mã số giao dịch chứng khoán/ The relationship between the Applicant and the above STC holder:</p> <ul style="list-style-type: none"> <input type="checkbox"/> Quỹ con/Sub-Fund to Fund <input type="checkbox"/> Quỹ được tài trợ từ một quỹ/Fund to Master/Feeder Fund <input type="checkbox"/> Quỹ quản lý bởi nhiều công ty quản lý quỹ/MIM Fund <input type="checkbox"/> Quỹ quản lý bởi cùng một công ty quản lý quỹ/ Managed, advised by the same Fund manager <input type="checkbox"/> Quỹ có cùng một đại diện giao dịch/ Traded by the same Agent <input type="checkbox"/> Tổ chức nước ngoài thuộc chính phủ, liên chính phủ/ Foreign governmental/ inter-governmental organization <input type="checkbox"/> Loại hình quan hệ khác/ Other 	<p>Ngày cấp/Date of issue</p> <p>Mối quan hệ giữa tổ chức đăng ký mã số giao dịch chứng khoán và tổ chức đã có mã số giao dịch chứng khoán/ The relationship between the Applicant and the affiliated institution:</p> <ul style="list-style-type: none"> <input type="checkbox"/> Là công ty con/ Subsidiary of a parent company <input type="checkbox"/> Là công ty trong cùng tập đoàn/ Company in the same group <input type="checkbox"/> Loại hình quan hệ khác/ Other
<p>7. Thông tin về nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan (nếu có)/ Foreign Related person in Vietnam (if any):</p> <p>a. Người có liên quan theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 2 (Related person according to Art 2.7.a)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên/ Name: Mã số giao dịch chứng khoán/ Trading Code - Tên/ Name: Mã số giao dịch chứng khoán/ Trading Code <p>b. Người có liên quan theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 2 (Related person according to Art 2.7.b)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên/ Name: Mã số giao dịch chứng khoán/ Trading Code - Tên/ Name: Mã số giao dịch chứng khoán/ Trading Code <p>c. Người có liên quan theo quy định tại điểm c khoản 7 Điều 2 (Related person according to Art 2.7.c)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên/ Name: Mã số giao dịch chứng khoán/ Trading Code - Tên/ Name: Mã số giao dịch chứng khoán/ Trading Code <p>d. Người có liên quan theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 2 (Related person according to Art 2.7.d)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên/ Name: Mã số giao dịch chứng khoán/ Trading Code - Tên/ Name: Mã số giao dịch chứng khoán/ Trading Code <p>8. Phương án kinh doanh tại Việt Nam/Investment Objective in Vietnam:</p> <ul style="list-style-type: none"> <input type="checkbox"/> Dài hạn/Long-term <input type="checkbox"/> Ngắn hạn/Short-term <p>Quy mô vốn tối đa dự kiến đầu tư/ Maximum Portfolio Value (in USD):</p> <p>Thời hạn dự kiến đầu tư/ Investment horizon (in years)</p>	

Cơ cấu tài sản dự kiến/ Asset Allocation

Asset/ Công cụ	Fixed-Income/Trái phiếu			Equity/Cổ phiếu		Real Estate/ Bất động sản	Others/ Các công cụ khác
	Ngắn hạn/ Short- term (<1 year)	Trung hạn/ Mid- Term (1- 2 year)	Dài hạn/ Long- Term (>2 years)	Listed/ Niêm yết	Unlisted/ Chưa niêm yết		
Maturity							
Asset Allocation (%)							

9. Cam kết: (có hiệu lực kể từ ngày ký)

Declaration: (effective from the date this registration form is signed)

9.1. Trên cơ sở các quy định tại Điều lệ Công ty/ Giấy phép thành lập hoặc các tài liệu tương đương, chiến lược đầu tư và giao dịch của chúng tôi nhằm mục đích sau:

Pursuant to the Articles on Memorandum of Incorporation or other corporate documents or agreements of the establishment of the applicant, the nature of applicant's overall investment or trading strategy is for the following purposes (please check the appropriate box):

Investment/đầu tư

Hedging/đầu cơ

9.2. Chúng tôi cam đoan rằng những thông tin nêu trên cùng nội dung toàn bộ hồ sơ và các tài liệu kèm theo là hoàn toàn chính xác, trung thực.

We hereby certify that all the information given above is correct, the attached documents and the contentstherein are true and accurate.

9.3. Chúng tôi xin cam kết tuân thủ các quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán tại Việt Nam, chúng tôi sẽ không có các hành vi giao dịch trái luật làm ảnh hưởng tới sự công bằng và trật tự thị trường tài chính, thị trường chứng khoán của Việt Nam.

We hereby undertake to comply to all laws and regulations on securities trading of Vietnam and do not take any action to threatening to the stability or order of the Vietnam's financial and securities market.

10. Thông tin cơ bản về tổ chức đầu tư (trường hợp tổ chức đầu tư không phải là quỹ đầu tư).

Background Information on Applicant (if the applicant is not a fund).

Tên các cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên phản vốn góp, vốn điều lệ của tổ chức đầu tư Names of the Shareholders who own 5% or more of Applicant's share capital.	Quốc tịch/ Quốc gia nơi thành lập Nationality/ County of domicile	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ CMTND/ Hộ chiếu Certificate For Business Registration/ ID card/ Passport
--	--	---

11. Các thông tin khác / Other Information (Please mark N/A, if such item is not applicable)

	Tên & Địa chỉ liên lạc Name & Address/Website/Email/Tel/Fax
Công ty Quản lý quỹ nước ngoài (nếu có) Foreign Asset Management Company (if any)	
Công ty quản lý quỹ tại Việt Nam (nếu có) Vietnamese Fund Management Company (if any)	
Tổ chức nhận ủy thác/Ngân hàng Giám sát (nếu có) Trustee (if any)	

Ngân hàng lưu ký (nếu có) Global Custodian (if any)	
Thành viên lưu ký tại Việt Nam (nếu có) Vietnamese Custodian (if any)	
Công ty chứng khoán tại Việt Nam (nếu có, liệt kê tất cả) Vietnamese Broker Firms	
Văn phòng đại diện tại Việt Nam (nếu có) Representative Office in Vietnam (if any)	
Đại diện giao dịch tại Việt Nam (nếu có)/Traded Representative in Vietnam (if any)	
Người được ủy quyền báo cáo, công bố thông tin (nếu có)/Information Disclosure Agent (if any)	
Người liên lạc (nếu có)/Contact person (if any)	
Hồ sơ kèm theo Attachments	

Tổ chức đăng ký

Applicant: _____

Đại diện có thẩm quyền của nhà đầu tư nước ngoài ký tên, đóng dấu (nếu có)

Name, Signature and Seal (if any)

of Authorized Signatory: _____

Chức danh

Title: _____

Ngày thực hiện

Execution Date: _____

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Hà Nội, ngày... tháng... năm

GIẤY UỶ QUYỀN
POWER OF ATTORNEY

I. Bên Uỷ quyền/ Authoriser:

- Họ và tên (Name):
- Quốc tịch (Nationality):
- Số hộ chiếu (Passport Number):
- Địa chỉ liên lạc (Current Address):
- Điện thoại/ Fax (Telephone/Fax):
- Email:

II. Bên nhận uỷ quyền/ Delegate: Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương,

- Địa chỉ công ty / Current Address: Tầng 10 + Tầng 21, Tòa nhà Techcombank, 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại/Fax/ Telephone/fax: +84-4-22201039/ Fax: +84-4-22201032
- Người đại diện trước pháp luật/ Legal representative: Ông Nguyễn Xuân Minh – Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương.

III. Nội dung Uỷ quyền/ Content:

1. Là đại diện duy nhất đăng ký mã số giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư qua Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam. / To be the only representative to apply for trading code for the investor at VSD.
2. Là đại diện thực hiện đăng ký, lưu ký và thanh toán bù trừ chứng khoán cho nhà đầu tư qua Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam./ To be the representative to register, custody and settle securities for the investor at VSD.

Chúng tôi xin cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực, đầy đủ và chính xác của nội dung Giấy uỷ quyền này. Giấy uỷ quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi có văn bản thay thế./ We hereby guarantee and take to the full responsibility of the sufficiency and accuracy of this Power of Attorney. This Power of Attorney is valid since it is signed until it is replaced.

Bên nhận uỷ quyền

Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương
(ký và đóng dấu)

Họ tên và chữ ký người uỷ quyền

(Name and signature of the authoriser)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-*

HỢP ĐỒNG ỦY QUYỀN

(Mẫu dành cho nhà đầu tư tổ chức)

BÊN ỦY QUYỀN:

Tên tổ chức: Ngày cấp: Nơi cấp:

Giấy chứng nhận ĐKKD số Ngày cấp: Nơi cấp:

Giấy phép kinh doanh (nếu có) số: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax: E-mail:

Số tài khoản: tại Ngân hàng:

Mã số thuế:

Người đại diện: Ngày cấp: Nơi cấp:

Số CMTND/Hộ chiếu: Ngày cấp: Nơi cấp:

Hộ khẩu thường trú:

Địa chỉ liên hệ:

Điện thoại: Di động: E-mail:

Là chủ tài khoản giao dịch chứng khoán số:

mở tại Công ty CP Chứng khoán Kỹ Thương (TCBS)

BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN:

Họ và tên: Ngày cấp: Nơi cấp:

Số CMTND/Hộ chiếu: Ngày cấp: Nơi cấp:

Hộ khẩu thường trú:

Địa chỉ liên hệ:

Điện thoại: Di động: E-mail:

Nội dung ủy quyền: Bằng văn bản này, Bên ủy quyền đồng ý ủy quyền cho Bên được ủy quyền có tên trên đây được thay mặt Bên ủy quyền toàn quyền sử dụng tài khoản giao dịch chứng khoán nêu trên, bao gồm nhưng không giới hạn các tiêu khoản thuộc tài khoản giao dịch chứng khoán để thực hiện một số công việc trong giao dịch chứng khoán với các nội dung cụ thể sau:

STT	Phạm vi ủy quyền	Đồng ý ủy quyền	Không đồng ý ủy quyền
1	Mang và Ký phiếu lệnh giao dịch, Đặt lệnh tại quầy		
2	Điều chỉnh thông tin về doanh nghiệp và người đại diện theo pháp luật (số ĐKKD, ngày cấp, nơi cấp, số điện thoại, địa chỉ, email...)		
3	Thực hiện quyền tại quầy		
4	Nhận kết quả Giao dịch mua bán chứng khoán và chứng từ liên quan đến tài khoản		
5	Mang các phiếu giao dịch tiền, Ký phiếu rút tiền mặt Ký phiếu chuyển khoản tiền tại quầy		
6	Ứng trước tiền bán CK tại quầy		
7	Ký gửi, rút chứng khoán, Chuyển khoản chứng khoán không qua giao dịch		

- Những nội dung ủy quyền tương ứng với dấu “x” tại cột “Đồng ý ủy quyền”.

- Những nội dung không được ủy quyền tương ứng dấu “x” tại cột “Không đồng ý ủy quyền”

Thời hạn ủy quyền

Không xác định thời hạn kể từ ngày ký....../.......

Ủy quyền có thời hạn kể từ ngày/..... đến ngày/.....

Trong trường hợp có sự thay đổi về thời hạn ủy quyền, Bên ủy quyền sẽ thông báo bằng văn bản và gửi đến TCBS. TCBS không chịu trách nhiệm về các giao dịch phát sinh do việc Bên ủy quyền chậm gửi thông báo thay đổi bằng văn bản.

Cam kết chung

1. Bên được ủy quyền chỉ được thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền nêu trên.
2. Bên ủy quyền cam kết tự chịu hoàn toàn mọi trách nhiệm và chấp nhận các rủi ro phát sinh (nếu có) từ việc ủy quyền này và chấp nhận mọi hành vi của Bên được ủy quyền thực hiện theo nội dung công việc đã ủy quyền.
3. Bên ủy quyền cam kết chấp nhận và không thực hiện bất cứ khiếu nại, khiếu kiện nào đối với TCBS về việc TCBS cung cấp thông tin tài khoản cho Bên được ủy quyền và việc TCBS thực hiện theo yêu cầu của Bên được ủy quyền trong phạm vi đã ủy quyền.

Hợp đồng ủy quyền này là một phần không tách rời của hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán ký giữa Bên ủy quyền và TCBS, được lập thành 03 (ba) bản, mỗi Bên giữ 01 (một) bản, 01 (một) bản lưu tại TCBS.

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm 20.....

BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN

BÊN ỦY QUYỀN

XÁC NHẬN CHẤP NHẬN ỦY QUYỀN CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

Ngày hiệu lực:...../...../20....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ PHONG TỎA CHỨNG CHỈ QUÝ MỞ TỰ NGUYỆN

Kính gửi: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam

- Tôi/Chúng tôi là:

*Đối với cá nhân

Số CMND (NĐT trong nước)

Ngày cấp:

Nơi cấp:

/Mã số giao dịch chứng khoán (NĐT nước ngoài):

Địa chỉ:

Quốc tịch:

*Đối với tổ chức

Số ĐKSH (NĐT trong nước)

Ngày cấp:

Nơi cấp:

/Mã số giao dịch chứng khoán (NĐT nước ngoài):

Địa chỉ:

Người đại diện theo pháp luật hoặc được ủy quyền:

Chức vụ:

- Số tài khoản giao dịch CCQ mở :

- DLPP nhà đầu tư đăng ký mở tài khoản:

Đề nghị Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) thực hiện phong tỏa số lượng chứng chỉ quý mở hiện Tôi/Chúng tôi đang sở hữu như sau:

Số	Mã chứng chỉ quý	Loại chứng chỉ quý	Số lượng	Ghi chú

Tôi/Chúng tôi cam kết :

- Số chứng chỉ quý đề nghị phong tỏa hoàn toàn thuộc quyền sở hữu và sử dụng hợp pháp của Tôi/Chúng tôi và đang ở trạng thái được tự do chuyển nhượng

- Không thực hiện việc mua bán, chuyển nhượng số chứng chỉ quý trên trong thời gian làm hồ sơ đề nghị phong tỏa tự nguyện với VSD và trong suốt quá trình thực hiện phong tỏa.

- Việc đề nghị phong tỏa số chứng chỉ quý trên của Tôi/Chúng tôi được thực hiện trên tinh thần hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc và Tôi/Chúng tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm về đề nghị này và tự giải quyết nếu có phát sinh tranh chấp.

- Việc đề nghị giải tỏa số chứng chỉ quý trên chỉ được thực hiện khi có văn bản yêu cầu có chữ ký của chính Tôi/Chúng tôi và Bên liên quan (nếu có) dưới đây:

Tên cá nhân/tổ chức:.....

Số CMND/ĐKKD:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú/trụ sở chính:

Người đại diện theo pháp luật hoặc được ủy quyền:.....

Chức vụ:.....

Kính đề nghị Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam xem xét, xử lý.

...., ngày..... tháng..... năm.....

Bên liên quan (nếu có)
(Ký, ghi rõ họ tên, con dấu)

Người đề nghị phong tỏa
(Ký, ghi rõ họ tên, con dấu)

Xác nhận của DLPP bên đề nghị phong tỏa mở tài khoản
(Ký, ghi rõ họ tên, con dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THỎA THUẬN
VỀ VIỆC PHONG TỎA CHỨNG CHỈ QUÝ MỞ TỰ NGUYỆN
Số: /TTPT-VSD

- Căn cứ Luật Chứng khoán của nước CHXHVN Việt Nam năm 2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật Chứng khoán năm 2010;
- Căn cứ Bộ luật dân sự nước CHXHCN Việt Nam năm 2005;
- Căn cứ Quyết định số 171/2008/QĐ-TTg ngày 18 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam;
- Căn cứ Quyết định số 2880/QĐ-BTC ngày 22 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam;
- Căn cứ Thông tư 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý Quỹ mở;
- Căn cứ hợp đồng Đại lý chuyển nhượng giữa Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và Công ty cổ phần Quản lý Quỹ
- Theo yêu cầu của nhà đầu tư thông qua Đại lý phân phối và khả năng cung cấp dịch vụ của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam;

Chúng tôi gồm:

I. Bên cung cấp dịch vụ (Bên A): Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam

Địa chỉ : 15 Đoàn Trần Nghiệp, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Người đại diện :

Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc

II. Bên sử dụng dịch vụ (Bên B):

Địa chỉ

Số CMND/ĐKKD: Ngày cấp Nơi cấp

Người đại diện theo pháp luật hoặc được ủy quyền:

Chức vụ:

III. ĐLPP nơi Bên sử dụng dịch vụ đăng ký mở tài khoản (Bên C):

Địa chỉ:

Số ĐKKD:

Người đại diện:

Chức vụ:

Sau khi thỏa thuận, Ba bên cùng thống nhất ký kết Thỏa thuận về việc phong tỏa chứng khoán tự nguyện như sau:

1. Bên A sẽ cung cấp dịch vụ phong tỏa/giải tỏa chứng chỉ quỹ tự nguyện theo đề nghị bằng văn bản của Bên B đối với số lượng chứng chỉ quỹ mở thuộc sở hữu của Bên B như sau:

STT	Mã chứng chỉ quỹ	Loại chứng chỉ quỹ	Số lượng	Ghi chú

2. Bên B sẽ trả cho Bên A một khoản tiền dịch vụ phong tỏa tự nguyện là VNĐ (Bằng chữ:)
(Số tiền này chưa bao gồm Thuế giá trị gia tăng)
3. Bên C sẽ thực hiện các công việc sau:
- Hướng dẫn Bên B lập hồ sơ phong tỏa/giải tỏa chứng chỉ quỹ theo mẫu của Bên A và hoàn tất hồ sơ gửi lên Bên A
 - Thay mặt Bên B nộp tiền dịch vụ cho Bên A
4. Ba bên cam kết thực hiện đúng các quy định trong Thỏa thuận này và các quy định pháp luật có liên quan;
5. Thỏa thuận này có hiệu lực kể từ ngày Bên A có văn bản xác nhận phong tỏa chứng chỉ quỹ của Bên B và tự động hết hiệu lực khi Bên A giải tỏa toàn bộ chứng chỉ quỹ đã phong tỏa theo đề nghị của Bên B.
6. Thỏa thuận này gồm 02 (hai) trang được lập làm 03 bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

....., ngày ... tháng ... năm 201....

ĐẠI DIỆN BÊN A
(chữ ký, họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN B
(chữ ký, họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN C
(chữ ký, họ tên, đóng dấu)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

GIẤY ĐỀ NGHỊ GIẢI TỎA CHỨNG CHỈ QUÝ MỞ

Kính gửi: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam

- Tôi/Chúng tôi là:

*Đối với cá nhân

Số CMND (NĐT trong nước)/Mã số giao dịch chứng khoán (NĐT nước ngoài):

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ:

Quốc tịch:

*Đối với tổ chức

Số ĐKSH (NĐT trong nước)

Ngày cấp:

Nơi cấp:

/Mã số giao dịch chứng khoán (NĐT nước ngoài):

Địa chỉ:

Người đại diện theo pháp luật hoặc được ủy quyền:

Chức vụ:

- Số tài khoản giao dịch CCQ mở:

- ĐLPP nhà đầu tư đăng ký mở tài khoản:

Ngày.... Tôi/Chúng tôi đã gửi Giấy đề nghị phong tỏa chứng chỉ quý mở tự nguyện lên VSD, nay Tôi/Chúng tôi gửi văn bản này đề nghị Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) thực hiện giải tỏa số lượng chứng chỉ quý mở đã đề nghị phong tỏa tại Giấy đề nghị nêu trên, cụ thể như sau:

STT	Mã chứng chỉ quý	Loại chứng chỉ quý	Số lượng	Ghi chú

Kính đề nghị Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam xem xét, xử lý.

....., ngày.....tháng.....năm.....

**Xác nhận đồng ý của
Bên liên quan (nếu có)
(Ký, ghi rõ họ tên, con dấu)**

**Người đề nghị giải tỏa
(Ký, ghi rõ họ tên, con dấu)**

**Xác nhận của ĐLPP bên đề nghị giải tỏa mở tài khoản
(Ký, ghi rõ họ tên, con dấu)**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Kính gửi: - Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
 - Tên Đại lý phân phối

Căn cứ vào

Bên chuyển quyền sở hữu:

- Họ và tên:.....
- Số ĐKSH:.....do.....cấp ngày.....
- Địa chỉ:.....
- Quốc tịch:.....
- Số tài khoản giao dịch:.....
- Nơi mở tài khoản:.....

Đề nghị Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) thực hiện chuyển quyền sở hữu chứng khoán của tôi/ công ty cho ông/bà/công ty theo các nội dung sau:

Bên nhận chuyển quyền sở hữu:

- Họ và tên:.....
- Số ĐKSH:.....do.....cấp ngày.....
- Địa chỉ:.....
- Quốc tịch:.....
- Số tài khoản giao dịch:.....
- Nơi mở tài khoản:

Số lượng chứng khoán chuyển quyền sở hữu:

STT	Mã chứng chỉ quỹ	Mệnh giá	Loại chứng chỉ quỹ ¹	Số lượng	Ghi chú

Lý do đề nghị chuyển quyền sở hữu:

Chúng tôi cam kết thông tin trên đây là trung thực, chính xác và việc chuyển quyền sở hữu này được thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật liên quan và chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc đề nghị chuyển quyền này.

...., ngày tháng năm....

Bên nhận chuyển quyền sở hữu
(Chữ ký, họ tên, con dấu)

Bên chuyển quyền sở hữu
(Chữ ký, họ tên, con dấu)

¹ Loại chứng chỉ quỹ: (1) Tự do chuyển nhượng
 (2) Chuyển nhượng có điều kiện (hạn chế chuyển nhượng)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**



Kính gửi: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam

Căn cứ vào Di chúc/ Văn bản thỏa thuận phân chia di sản.....

Bên nhận thừa kế:

- Họ và tên:.....
- Số ĐKSH:.....
- Địa chỉ:.....
- Quốc tịch:.....
- Số tài khoản giao dịch:.....
- Nơi mở tài khoản:.....

Đề nghị Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) thực hiện chuyển quyền sở hữu chứng khoán thuộc sở hữu của Ông/Bà sau đây sang sở hữu của tôi/chúng tôi như sau:

Bên để lại thừa kế:

- Họ và tên:.....
- Số ĐKSH:.....
- Địa chỉ:.....
- Quốc tịch:.....
- Số tài khoản giao dịch:.....
- Nơi mở tài khoản:.....
- Số lượng chứng chỉ quỹ để lại thừa kế:.....

STT	Mã chứng chỉ quỹ	Mệnh giá	Loại Chứng chỉ quỹ	Số lượng	Ghi chú

Tôi/Chúng tôi cam kết việc đề nghị chuyển quyền sở hữu chứng khoán do thừa kế nêu trên là trung thực, chính xác, hợp pháp và chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu có phát sinh tranh chấp.

...., ngày tháng năm....

Bên nhận thừa kế
(Chữ ký, họ tên, con dấu)